

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM



BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Chương trình đào tạo áp dụng cho khóa tuyển sinh năm 2021 và được thông qua bởi
Hội đồng Khoa học & Đào tạo Khoa Giáo dục Tiểu học)

NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH:	GIÁO DỤC TIỂU HỌC
TÊN TIẾNG ANH:	PRIMARY EDUCATION
MÃ NGÀNH:	7140202
KHỐI NGÀNH:	SƯ PHẠM
KHOA QUẢN LÝ:	GIÁO DỤC TIỂU HỌC
TRÌNH ĐỘ:	ĐẠI HỌC
HÌNH THỨC ĐÀO TẠO:	CHÍNH QUY

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
TRUNG TÂM HỌC LIỆU
VÀ E - LEARNING

Đà Nẵng, tháng 7/2021

MỤC LỤC

1. Giới thiệu chung về Trường Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng	3
2. Giới thiệu về Khoa Giáo dục Tiểu học.....	4
Phần I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	6
1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo	6
1.2. Triết lý giáo dục.....	7
1.3. Mục tiêu đào tạo	8
1.4. Cơ hội việc làm sau khi tốt nghiệp	8
1.5. Điều kiện nhập học, tổ chức đào tạo và điều kiện tốt nghiệp	9
PHẦN II: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	11
2.1. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (Program Learning Outcomes - PLOs)	11
2.2. Sự tương thích giữa CDR CTĐT GDTH 2021 với Khung trình độ quốc gia Việt Nam, trình độ đại học (Bậc 6):.....	14
PHẦN III: NỘI DUNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC.....	16
3.1. Cấu trúc chương trình dạy học	16
3.2. Nội dung chương trình đào tạo theo các khối kiến thức.....	17
3.3. Chiến lược giảng dạy, học tập và kiểm tra, đánh giá	29
Phần IV. CHUẨN ĐẦU RA VÀ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	60
4.1 Ma trận kỹ năng.....	60
4.2. Tóm tắt nội dung các học phần.....	64
4.3. Đề cương chi tiết học phần.....	89

1. Giới thiệu chung về Trường Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng

Trường Đại học Sư phạm (<http://www.ued.udn.vn/>) là 1 trong 11 thành viên của Đại học Đà Nẵng, được thành lập theo Nghị định số 32/CP ngày 04-04-1994 của Thủ tướng Chính phủ. Trường Đại học Sư phạm có chức năng đào tạo, bồi dưỡng giáo viên các cấp; đào tạo cử nhân khoa học; đào tạo sau đại học; giảng dạy các môn khoa học cơ bản cho các trường thành viên của Đại học Đà Nẵng; nghiên cứu khoa học và triển khai công nghệ phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của các tỉnh, thành phố trong cả nước, đặc biệt là khu vực miền Trung - Tây Nguyên.

Tính đến thời điểm tháng 10 năm 2021, Trường Đại học Sư phạm có 13 Khoa, bao gồm: 1. Khoa Toán; 2. Khoa Tin học; 3. Khoa Vật lý; 4. Khoa Hóa; 5. Khoa Sinh - Môi trường; 6. Khoa Ngữ văn; 7. Khoa Lịch sử; 8. Khoa Địa lý; 9. Khoa Tâm lý - Giáo dục; 10. Khoa Giáo dục Chính trị; 11. Khoa Giáo dục Tiểu học; 12. Khoa Giáo dục Mầm non; 13. Khoa Giáo dục Nghệ thuật

Hiện nay, không tính đội ngũ giảng viên của các cơ sở giáo dục thành viên Đại học Đà Nẵng tham gia giảng dạy tại trường, đội ngũ cán bộ viên chức (CBVC) cơ hữu của Trường gồm 348 người, trong đó: giảng viên chiếm 244 người. Với cơ cấu như sau: giảng viên là GS-PTS: 17 người, tiến sĩ: 93 người, giảng viên chính: 50 người, giảng viên: 177 người. Hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật được đầu tư theo hướng hiện đại hóa, ứng dụng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục. Nhà trường cũng đa dạng hóa và mở rộng loại hình đào tạo. Bên cạnh đào tạo Đại học bậc chính quy với 33 ngành, Nhà trường cũng mở rộng đào tạo sau đại học với tổng cộng 16 ngành Cao học và 05 ngành Nghiên cứu sinh. Đào tạo hệ vừa làm vừa học cũng như đào tạo lưu học sinh nước ngoài cũng được đặc biệt quan tâm. Công tác nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế cũng có những bước tiến mới.

Trong khuôn khổ hợp tác quốc tế, Trường ĐHSP - ĐHDN có quan hệ hợp tác với các trường đại học, viện nghiên cứu thuộc các nước Đông Âu, Nga và các nước SNG, Pháp, Bỉ, Hà Lan, Canada, Úc, Ấn Độ và các nước thuộc khối ASEAN. Nhà trường đã tiếp nhận đào tạo cho trên 550 lưu học sinh thuộc các quốc gia như Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, CHDCND Lào...Hiện tại, đang có trên 200 lưu học sinh nhiều nước đang theo học tiếng Việt và các chuyên ngành tại Trường ĐHSP - ĐHDN.

Qua hơn 45 năm xây dựng, phát triển và hơn 20 năm là thành viên của Đại học Đà Nẵng, Trường Đại học Sư phạm đã đào tạo được hàng trăm thạc sĩ và tiến sĩ, hơn 20.000 cử nhân sư phạm và cử nhân khoa học, hơn 14.000 cử nhân cao đẳng sư phạm, 17.500 trung cấp sư phạm tiểu học và mầm non. Chuẩn hoá gần 18.000 giáo viên các cấp, đào tạo gần 5.000 cán bộ quản lý giáo dục.

Nhà trường đã vinh dự được trao tặng nhiều huân chương, cờ thi đua và bằng khen ở nhiều lĩnh vực hoạt động khác nhau: Huân chương Lao động hạng Ba (1985), Huân chương Lao động hạng Nhì (2002), Huân chương Lao động hạng Nhất (2016) cùng nhiều Cờ, Bằng khen khác của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Giáo dục & Đào tạo và Ủy ban Nhân dân Thành phố Đà Nẵng. Năm 2014, Trường ĐHSPT - ĐHĐN được Bộ Giáo dục và Đào tạo xếp hạng nằm trong 07 trường sư phạm trọng điểm của cả nước. 5 Năm 2016, Nhà trường đã được Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Đại học Quốc gia Hà Nội công nhận đạt chuẩn chất lượng giáo dục, và kiểm định AUN-QA thành công đối với một CTĐT vào năm 2019.

Tầm nhìn của Trường ĐHSPT – ĐHĐN đến năm 2030 được xác định là trở thành trường sư phạm trọng điểm quốc gia; đào tạo, nghiên cứu khoa học đạt chuẩn chất lượng khu vực Đông Nam Á trên một số lĩnh vực mũi nhọn; tham vấn có hiệu quả các chủ trương, chính sách về giáo dục và đào tạo. Triết lý giáo dục của Nhà trường là: Toàn diện – Khai phóng – Sáng tạo – Thực nghiệp

Từ cơ sở xuất phát và chiến lược phát triển lâu dài, Trường đã xác định chức năng và nhiệm vụ của trường được thực hiện song hành là đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực và nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ phục vụ yêu cầu phát triển KT - XH của địa phương, vùng và cả nước.

2. Giới thiệu về Khoa Giáo dục Tiểu học

Theo Nghị định 32 của chính phủ, ngày 4/4/1994, Đại học Đà Nẵng được thành lập, là Đại học vùng khu vực miền Trung và Tây Nguyên. Thực hiện chủ trương đó, tháng 11/1995 trường CĐSP được thành lập trường Đại Sư phạm trên cơ sở trường CĐSP và các khoa cơ bản Toán, Lý, Hóa của trường Đại học Bách khoa. Khoa GD Tiểu học-Mầm non là khoa trong trường Đại học Sư phạm. Năm 1997, Khoa Giáo dục Tiểu học đào tạo khóa học có trình độ Cao đẳng đầu tiên cho 2 ngành Sư phạm Tiểu học và Sư phạm Mầm non. Đến năm 2003, Khoa Giáo dục Tiểu học – Mầm non đào tạo khóa học trình độ Đại học

ngành Giáo dục Tiểu học đầu tiên. Đến tháng 11/2014, theo yêu cầu mới của trường Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng, Khoa Giáo dục Tiểu học - Mầm non được tách thành 2 khoa và Khoa Giáo dục Tiểu học được thành lập.

Từ 2003 đến nay, Khoa Giáo dục Tiểu học đã có 16 khóa sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học tốt nghiệp ra trường. Phần lớn họ đã có được việc làm ổn định trong các cơ sở giáo dục; nhiều người đã và đang theo học cao học và là những cán bộ quản lý, giảng viên, giáo viên cốt cán tại các trường đại học, trường phổ thông trên địa bàn thành phố Đà Nẵng và nhiều tỉnh, thành khác trong cả nước.

Khoa Giáo dục Tiểu học, Trường ĐHSP - ĐHĐN hiện có đội ngũ giảng viên được đào tạo từ các cơ sở giáo dục có uy tín ở trong nước và nước ngoài. Đội ngũ giảng viên hiện có đảm nhận tốt đào tạo chuyên ngành Giáo dục.

- **Tầm nhìn của Khoa Giáo dục Tiểu học:** Đến năm 2030, Khoa Giáo dục Tiểu học - Trường ĐHSP trở thành khoa đào tạo trọng điểm về Giáo dục Tiểu học, nghiên cứu và chuyển giao công nghệ khoa học giáo dục đạt chuẩn chất lượng trong khu vực.

- **Sứ mạng của Khoa Giáo dục Tiểu học:** Khoa Giáo dục Tiểu học là nơi đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục tiểu học chất lượng cao gắn với nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của khu vực Miền Trung - Tây Nguyên và cả nước; kết hợp với nghiên cứu, chuyển giao khoa học giáo dục tiểu học và hợp tác quốc tế phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.

Phần I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Giáo dục tiểu học là bậc học nền tảng của hệ thống giáo dục quốc dân, có nhiệm vụ xây dựng và phát triển tình cảm, đạo đức, trí tuệ, thẩm mỹ và thể chất của trẻ em, nhằm hình thành cơ sở ban đầu cho sự phát triển toàn diện nhân cách con người Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Chương trình đào tạo Giáo dục tiểu học nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức, kỹ năng và phẩm chất nghề nghiệp để giảng dạy các môn học ở Tiểu học nhằm đáp ứng những yêu cầu đổi mới của giáo dục tiểu học trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Chương trình đào tạo ngành GDTH là 130 TC; trong đó, khối kiến thức đại cương 15 TC; khối Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp 140 tín chỉ. Trong đó Khối kiến thức cơ sở ngành là 20 TC; khối kiến thức chuyên ngành 29 TC; khối kiến thức Nghiệp vụ Sư phạm 73 TC; khối Kiến thức thực tập và khóa luận tốt nghiệp 18.

So với các CTĐT trước đó, tổng số TC tích lũy tối thiểu đáp ứng yêu cầu hoàn thành CTĐT GDTH của khóa tuyển sinh 2021 cũng được giảm xuống còn 130 TC giống khóa tuyển sinh năm 2019 và ít hơn 05 TC so với khoa tuyển sinh năm 2017; nội dung và phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá của các HP cũng được cập nhật và cải tiến để giúp SV có thể đạt được các CDR đã được công bố. Đây là sự cải tiến dựa trên xu thế phát triển của xã hội và mong muốn của người học.

1.2. Thông tin chung về chương trình đào tạo

Stt	Nội dung	Thông tin
1	Tên ngành đào tạo	Giáo dục Tiểu học
2	Mã ngành đào tạo	7140202
3	Trình độ đào tạo	Đại học
4	Tên văn bằng tốt nghiệp (Tiếng Việt)	Cử nhân Giáo dục Tiểu học
5	Tên văn bằng tốt nghiệp (Tiếng Anh)	Primary Education
6	Hình thức đào tạo	Chính quy
7	Thời gian đào tạo	4 năm
8	Ngôn ngữ sử dụng	Tiếng Việt
9	Đơn vị đào tạo	Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng
10	Đơn vị cấp bằng	Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng
11	Website	https://pri.ued.udn.vn
12	Cập nhật ngày	30-9-2021

1.2. Triết lý giáo dục

Triết lý giáo dục của CTĐT gắn liền với Triết lý giáo dục của Trường ĐHSP - ĐHQĐN, cụ thể:

- Triết lý giáo dục của Trường ĐH Sư phạm – Đại học Đà Nẵng: Toàn diện - Khai phóng - Sáng tạo và Thực nghiệp. Trong đó

+ **Giáo dục toàn diện:** Sản phẩm được đào tạo phải có đầy đủ các yếu tố đức - trí - thể - mỹ, đáp ứng được yêu cầu phát triển đất nước và hội nhập quốc tế.

+ **Khai phóng:** Giáo dục hướng tới xây dựng cho người học một nền tảng kiến thức rộng, cung cấp những kỹ năng cần thiết giúp lĩnh hội và vận dụng vào nhiều lĩnh vực khác nhau, đồng thời có chuyên môn sâu ở một lĩnh vực nhất định.

+ **Sáng tạo:** Sáng tạo là đặc tính riêng có của con người, và là yêu cầu cần thiết đối với người làm khoa học. Hình thành tư duy sáng tạo, độc lập là cơ sở để tạo ra những sáng kiến, phát minh khoa học trong nghiên cứu và giảng dạy của người giáo viên.

+ **Thực nghiệp:** Thực nghiệp có vai trò quan trọng trong đào tạo, học phải đi đôi với

hành, những kiến thức được tiếp nhận từ nhà trường phải vận dụng linh hoạt vào quá trình làm việc sau khi tốt nghiệp.

- **Triết lý giáo dục của Khoa Giáo dục Tiểu học:** Thực học – Thực nghiệp – Sáng tạo – Toàn diện và Khai phóng.

1.3. Mục tiêu đào tạo

1.3.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân Giáo dục Tiểu học chất lượng cao, có năng lực chuyên môn, nghề nghiệp và nghiên cứu khoa học để dạy học, làm việc, quản lý trong các lĩnh vực liên quan đến giáo dục tiểu học tại các cơ sở giáo dục, viện nghiên cứu, và các đơn vị hành chính sự nghiệp giáo dục khác; có khả năng khởi nghiệp, thích ứng với môi trường làm việc thay đổi và học tập suốt đời; có phẩm chất, đạo đức nhà giáo.

1.3.2. Mục tiêu cụ thể

- **PO1:** Có kiến thức nền tảng về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật, khoa học giáo dục, khoa học quản lý và kiến thức chuyên sâu trong phạm vi của ngành đào tạo đáp ứng các hoạt động chuyên môn, nghề nghiệp và học tập suốt đời.

- **PO2:** Có năng lực tổ chức các hoạt động giáo dục, dạy học phát triển phẩm chất, năng lực học sinh và nghiên cứu khoa học ở trường tiểu học.

- **PO3:** Có kỹ năng mềm, tư duy sáng tạo, khả năng truyền cảm hứng và thích ứng với môi trường làm việc thay đổi.

- **PO4:** Có phẩm chất, đạo đức nhà giáo; ý thức phục vụ cộng đồng và tinh thần khởi nghiệp.

1.4. Cơ hội việc làm sau khi tốt nghiệp

1.4.1. Cơ hội việc làm sau khi tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp từ CTĐT ngành Giáo dục Tiểu học của Trường ĐHSP - ĐHQĐHN có thể đảm nhiệm tốt các công việc sau đây:

- Giáo viên dạy học tại các trường tiểu học công lập, dân lập quốc tế trong cả nước.
- Có thể giảng dạy tại các Khoa Giáo dục Tiểu học trong các trường trung cấp, cao đẳng và đại học sư phạm trong cả nước.
- Có thể làm việc tại các sở, ban, ngành, trung tâm, tổ chức phi chính phủ về giáo dục.
- Có thể trở thành cán bộ quản lý giáo dục các cấp.

- Có thể làm công tác nghiên cứu tại các trung tâm, viện nghiên cứu giáo dục.

1.4.2. Khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

- Có năng lực tự học và học tập suốt đời, có thể học bằng 2, có thể học tập nâng cao trình độ lên thạc sĩ, tiến sĩ các chuyên ngành thuộc lĩnh vực giáo dục tiểu học, quản lý giáo dục ở trong và ngoài nước.

1.5. Điều kiện nhập học, tổ chức đào tạo và điều kiện tốt nghiệp

1.5.1. Điều kiện nhập học

Hình thức tuyển sinh và điều kiện nhập học được thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, quy định của ĐHĐN và Trường ĐHSP - ĐHĐN. Chi tiết về thông tin tuyển sinh và điều kiện nhập học được đăng trên website: <http://tuyensinh.ued.udn.vn/> và <https://pol.ued.udn.vn/>.

1.5.2. Tổ chức đào tạo và điều kiện tốt nghiệp

- Chương trình được tổ chức đào tạo trong 4 năm học. Mỗi năm gồm 2 học kỳ chính, mỗi học kỳ chính có 15 tuần học và 3 tuần thi. Ngoài 2 học kỳ chính, Nhà trường còn tổ chức thêm một học kỳ phụ (học kì hè) để sinh viên có thể học vượt, học lại hoặc cải thiện điểm; mỗi học kỳ phụ có ít nhất 5 tuần học và 1 tuần thi.

- Để được công nhận tốt nghiệp SV phải đạt CĐR Tin học theo quy định về CĐR Tin học của Trường ĐHSP-ĐHĐN (ban hành kèm theo Quyết định số 543/QĐ-ĐT ngày 04 tháng 11 năm 2014 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm). Thông tin chi tiết được đăng tải tại địa chỉ: <http://daotao.ued.udn.vn/?p=262>.

- Đối với những SV học ngoại ngữ Tiếng Anh, để được công nhận tốt nghiệp sinh viên phải đạt CĐR tương đương cấp độ B1 – Khung tham chiếu về trình độ ngoại ngữ chung châu Âu (Common European Framework of Reference for Languages – CEFR). Thông tin chi tiết về chuẩn đầu ra ngoại ngữ và bảng tham chiếu quy đổi điểm các chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế so với chuẩn B1 châu Âu được đăng tại: <http://daotao.ued.udn.vn/?p=119> và <http://daotao.ued.udn.vn/?p=414>.

- Khối lượng tín chỉ tích lũy tối thiểu để hoàn thành CTĐT là 130 TC, trong đó có 115 TC của các HP bắt buộc và tối thiểu 15 TC của các HP tự chọn.

PHẦN II: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

2.1. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (Program Learning Outcomes - PLOs)

Người học tốt nghiệp chương trình đào tạo ngành Giáo dục Tiểu học của Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng có khả năng:

PLO1: Vận dụng kiến thức nền tảng về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật, khoa học giáo dục vào hoạt động chuyên môn, nghề nghiệp thuộc phạm vi Giáo dục Tiểu học.

PI 1.1. Vận dụng kiến thức nền tảng về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật vào hoạt động giáo dục học sinh tiểu học.

PI 1.2. Vận dụng kiến thức chuyên sâu về lí luận và phương pháp dạy học bộ môn vào hoạt động dạy học các môn học ở tiểu học.

PLO2: Tổ chức hoạt động giáo dục và dạy học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh tiểu học.

PI 2.1. Lập kế hoạch giáo dục, dạy học các môn học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh tiểu học.

PI 2.2. Thực hiện hoạt động giáo dục và dạy học các môn học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh tiểu học.

PI 2.3. Tổ chức kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh tiểu học.

PI 2.4. Phân tích và phát triển chương trình giáo dục cấp Tiểu học.

PLO3: Ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng ngoại ngữ trong dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất năng lực học sinh tiểu học.

PI 3.1. Vận dụng linh hoạt kĩ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản đạt chuẩn theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT vào hoạt động giáo dục, dạy học và nghiên cứu khoa học ở tiểu học.

PI 3.2. Sử dụng ngoại ngữ hiệu quả đạt năng lực bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam trong giáo dục và dạy học tiểu học.

PLO4: Xây dựng môi trường giáo dục tích cực.

PI 4.1. Giải quyết các tình huống ứng xử sư phạm.

PI 4.2. Tư vấn tâm lý và học tập cho học sinh tiểu học.

PI 4.3. Quản trị lớp học và quản lý hành vi học sinh tiểu học.

PI 4.4. Xây dựng kế hoạch phối hợp các lực lượng giáo dục trong hoạt động giáo dục và dạy học học sinh tiểu học.

PLO5: Thực hiện được nhiệm vụ nghiên cứu khoa học trong giáo dục và dạy học tiểu học.

PI 5.1. Phát hiện và đề xuất được vấn đề nghiên cứu.

PI 5.2. Lập được đề cương nghiên cứu của đề tài.

PI 5.3. Đề xuất được các giải pháp sư phạm trong cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục và dạy học các môn học ở tiểu học.

PLO6: Quản trị quá trình giáo dục và dạy học các môn học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh tiểu học.

PI 6.1. Lập kế hoạch giáo dục nhà trường, kế hoạch giáo dục từng khối lớp.

PI 6.2. Điều hành và giám sát các hoạt động theo kế hoạch đã được duyệt.

PLO7: Thể hiện được tư duy phản biện, sáng tạo và năng lực giải quyết vấn đề phức tạp trong hoạt động chuyên môn nghề nghiệp và cuộc sống.

PI 7.1. Xem xét các vấn đề dưới nhiều góc độ khác nhau, đưa ra các lập luận logic và thuyết phục.

PI 7.2. Phát hiện các vấn đề mới, ý tưởng mới, cách làm mới có tính sáng tạo phù hợp với thực tiễn hoạt động nghề nghiệp.

PI 7.3. Giải quyết sáng tạo các vấn đề đa diện, đòi hỏi tính chất phối hợp cao, liên ngành, sự tổ chức thông tin đa dạng trong hoạt động giáo dục, dạy học và cuộc sống.

PLO8: Thực hiện được các hoạt động giao tiếp, hợp tác với đồng nghiệp và xã hội.

PI 8.1. Thể hiện các hành vi giao tiếp, hợp tác văn minh, lịch sự.

PI 8.2. Sử dụng hiệu quả các phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ trong giao tiếp, hợp tác với đồng nghiệp và xã hội.

PI 8.3. Điều hành nhóm làm việc một cách hiệu quả.

PLO9: Thực hiện hành vi ứng xử phù hợp với phẩm chất, đạo đức nhà giáo; tham gia phục vụ cộng đồng và hình thành ý tưởng khởi nghiệp.

PI 9.1. Thể hiện phẩm chất, đạo đức và tác phong chuẩn mực của nhà giáo.

PI 9.2. Tham gia các hoạt động truyền thông, tình nguyện, nhân đạo để phục vụ cộng đồng.

PI 9.3. Đề xuất được ý tưởng khởi nghiệp.

Bảng 1. Mối liên hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT

Mục tiêu của CTĐT		Chuẩn đầu ra của CTĐT								
		1	2	3	4	5	6	7	8	9
Mục tiêu chung: Đào tạo cử nhân Giáo dục Tiểu học chất lượng cao, có năng lực chuyên môn, nghề nghiệp và nghiên cứu khoa học để dạy học, làm việc, quản lý trong các lĩnh vực liên quan đến giáo dục tiểu học tại các cơ sở giáo dục, viện nghiên cứu, và các đơn vị hành chính sự nghiệp giáo dục khác; có khả năng khởi nghiệp, thích ứng với môi trường làm việc thay đổi và học tập suốt đời; có phẩm chất, đạo đức nhà giáo.										
Mục tiêu cụ thể:										
PO1.	Có kiến thức nền tảng về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật, khoa học giáo dục, khoa học quản lý và kiến thức chuyên sâu trong phạm vi của ngành đào tạo đáp ứng các hoạt động chuyên môn, nghề nghiệp và học tập suốt đời.	x	x	x	x	x	x	x		
PO2.	Có năng lực tổ chức các hoạt động giáo dục, dạy học phát triển phẩm chất, năng lực học sinh và nghiên cứu khoa học ở trường tiểu học	x	x	x	x	x	x			
PO3.	Có kĩ năng mềm, tư duy sáng tạo, khả năng truyền cảm hứng và thích ứng với môi trường làm việc thay đổi.		x		x	x		x	x	x
PO4.	Có phẩm chất, đạo đức nhà giáo; ý thức phục vụ cộng đồng và tinh thần khởi nghiệp.								x	x

2.2. Sự tương thích giữa CDR CTĐT GDTH 2021 với Khung trình độ quốc gia Việt Nam, trình độ đại học (Bậc 6):

Bảng 2. Ma trận đối sánh CDR của CTĐT với Khung trình độ quốc gia Việt Nam

CDR theo Khung trình độ QG Chuẩn đầu ra CTĐT	Kiến thức					Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm			
	KT1	KT2	KT3	KT4	KT5	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	KN6	TCTN1	TCTN2	TCTN3	TCTN4
PLO1	x	x													
PLO2	x		x	x	x	x				x		x			
PLO3			x								x				
PLO4	x	x													
PLO5	x		x				x	x		x		x		x	
PLO6	x		x	x	x				x				x		x
PLO7	x					x		x						x	x
PLO8							x		x			x			
PLO9		x					x								

Bảng 3. Mô tả chuẩn đầu ra theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam bậc Đại học

Kiến thức	Kỹ năng	Mức tự chủ và trách nhiệm
KT1: Kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng trong phạm vi của ngành đào tạo. KT2: Kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật.	KN1: Kỹ năng chuyên môn, nghề nghiệp cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp của ngành đào tạo. KN2: Kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác. KN3: Kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi.	TCTN1: Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm. TCTN2: Hướng dẫn, giám sát những người

Kiến thức	Kỹ năng	Mức tự chủ và trách nhiệm
KT3: Kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc. KT4: Kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình trong một lĩnh vực hoạt động cụ thể. KT5: Kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn.	KN4: Kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm. KN5: Kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp. KN6: Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.	khác thực hiện nhiệm vụ xác định. TCTN3: Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân. TCTN4: Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.

PHẦN III: NỘI DUNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

3.1. Cấu trúc chương trình dạy học

Cấu trúc của CTDH bao gồm 155 TC của 66 HP (tính cả các HP Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng) được chia thành 2 khối kiến thức chính: Khối kiến thức giáo dục đại cương và Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp. Trong đó Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp gồm: Khối kiến thức cơ sở ngành, Khối kiến thức chuyên ngành, Khối kiến thức Nghiệp vụ Sư phạm, Khối kiến thức Thực tập và Khóa luận tốt nghiệp. Cụ thể:

- Khối kiến thức đại cương bao gồm 15 TC của 12 HP bắt buộc (tính cả các HP Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng) với các nội dung về tin học đại cương, pháp luật, chính trị, rèn luyện thể chất và an ninh quốc phòng. Khối kiến thức này hình thành một số kỹ năng cần thiết, cũng như ý thức và trách nhiệm đối với bản thân và xã hội.

- Khối kiến thức cơ sở ngành bao gồm 20 TC của 08 HP bắt buộc (trong đó có 12 TC lý thuyết + 8 TC thực hành) với các kiến thức đại cương về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội. Khối kiến thức này sẽ là nền tảng kiến thức cơ sở cần thiết để người học tiếp cận và phát triển các kiến thức chuyên ngành. Ngoài ra, khối kiến thức cơ sở ngành còn cung cấp cái nhìn tổng quan về ngành GDTH và phát triển một số kỹ năng của người học nhằm đáp ứng một số năng lực quan trọng trong các CĐR.

- Khối kiến thức chuyên ngành bao gồm 29TC của 12 HP được chia thành 2 nhóm: Nhóm HP bắt buộc gồm 8 HP với 21 TC (13 TC lý thuyết + 8TC thực hành) và 4 HP tự chọn hoặc tự chọn bắt buộc với 8TC (3 TC lý thuyết + 5 TC thực hành). Nội dung của khối kiến thức này cung cấp cho người học các kiến thức và kỹ năng cơ bản và chuyên sâu liên quan đến nghiên cứu và giảng dạy ngành GDTH từ đó hình thành cho người học các năng lực chuyên môn đáp ứng các CĐR.

- Khối kiến thức Nghiệp vụ sư phạm bao gồm 73TC của 29 HP được chia thành 2 nhóm: Nhóm HP bắt buộc gồm 20 HP với 53 TC (29 TC lý thuyết + 24 TC thực hành) và 9 HP tự chọn với 20 TC (11TC lý thuyết +9 TC thực hành) . Nội dung của khối kiến thức này cung cấp cho người học các kiến thức và kỹ năng cơ bản liên quan đến nghiệp vụ sư phạm giảng dạy ngành GDTH từ đó hình thành cho người học các năng lực dạy học đáp ứng các CĐR.

- Khối kiến thức Thực tập và Khóa luận tốt nghiệp bao gồm 18 TC của 05 HP được chia thành 02 HP bắt buộc và 03 HP tự chọn bắt buộc. Nội dung của khối kiến thức này cung cấp cho người học các kiến thức và kỹ năng cơ bản liên quan đến thực tập, kiến tập sư phạm, Chuyên luận tốt nghiệp hoặc Khóa luận tốt nghiệp.

Bảng 4. Các khối kiến thức và số tín chỉ.

STT	Khối kiến thức	Số tín chỉ	Số tín chỉ		
			Bắt buộc	Tự chọn	
				Bắt buộc	Tự do
A	Khối kiến thức Giáo dục đại cương	15	15	0	0
B	Khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp	140	100	15	25
I	Khối kiến thức Cơ sở ngành	20	20	0	0
II	Khối kiến thức Chuyên ngành	29	21	3	5
III	<i>Khối kiến thức Nghiệp vụ Sư phạm (đối với Khối ngành Sư phạm)</i>	73	53	6	14
IV	Khối kiến thức Thực tập và Khóa luận tốt nghiệp	18	6	6	6
Tổng		155	115	15	25

Ghi chú: Chương trình trên chưa bao gồm các học phần bắt buộc về Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng - An ninh và Ngoại ngữ.

3.2. Nội dung chương trình đào tạo theo các khối kiến thức

3.2.1. Khung chương trình đào tạo

TT	Mã học phần	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ				HP học trước/ tiên quyết/ song hành	Khoa quản lý
			T C	L T	TH			
					L1	L 2		

KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG			15	11	3	1		
1	21231902	Triết học Mác - Lênin	3	2	1	0		GDC T
2	21321901	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	1.5	0.5	0	21231902	GDC T
3	21221903	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	1.5	0.5	0	21321901	GDC T
4	21221904	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	1.5	0.5	0	21221903	GDC T
5	21321922	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	1.5	0.5	0	21221904	GDC T
6	31221885	Tin học đại cương	2	1	0	1		Tin học
7	31621549	Pháp luật đại cương	2	2	0	0		GDC T
8	00101265	Giáo dục thể chất 1	(1)	(0)	(0)	(1)		
9	00101266	Giáo dục thể chất 2	(1)	(0)	(0)	(1)		
10	00101267	Giáo dục thể chất 3	(1)	(0)	(0)	(1)		
11	00101268	Giáo dục thể chất 4	(1)	(0)	(0)	(1)		
12	00201264	Giáo dục quốc phòng	(4t)	(0)	(0)	(4)		
KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP			140	68	60	12		
Kiến thức Cơ sở ngành			20	12	8	0		
13	31721091	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	1	1	0		Ngữ Văn
14	32221876	Tiếng Việt thực hành ở tiểu học	2	1	1	0		GDT H

15	322310 28	Cơ sở Việt ngữ 1 của việc dạy học tiếng Việt tiểu học	3	2	1	0		GDT H
16	322310 29	Cơ sở Việt ngữ 2 của việc dạy học tiếng Việt tiểu học	3	2	1	0	32231028	GDT H
17	322310 15	Cơ sở Toán học 1 của việc dạy học toán tiểu học	3	2	1	0		GDT H
18	322310 16	Cơ sở Toán học 2 của việc dạy học toán tiểu học	3	2	1	0	32231015	GDT H
19	322216 83	Sinh lí học trẻ em	2	1	1	0		GDT H
20	322217 77	Xác suất và Thống kê trong giáo dục tiểu học	2	1	1	0		GDT H
Kiến thức Chuyên ngành			21	13	8	0		
21	322211 55	Nhập môn Giáo dục Tiểu học	2	1	1	0		GDT H
22	322310 18	Phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành Giáo dục Tiểu học	3	2	1	0	32221777	GDT H
23	322419 67	Văn học thiếu nhi	4	3	1	0		GDT H
24	322218 90	Tổ chức hoạt động cảm thụ văn học cho học sinh tiểu học	2	1	1	0	32241967	GDT H
25	322310 31	Cơ sở Khoa học Tự nhiên ở tiểu học	3	2	1	0		GDT H
26	322310 32	Cơ sở Khoa học Xã hội ở tiểu học	3	2	1	0	32231031	GDT H
27	322212 60	Giáo dục kĩ năng sống trong dạy học ở tiểu học	2	1	1	0		GDT H
28	322212 62	Giáo dục môi trường cho học sinh tiểu học	2	1	1	0		GDT H
Học phần tự chọn			8	3	5	0		

29	322211 56	<i>Phát triển lời nói cho học sinh tiểu học trên bình diện ngữ âm</i>	2	1	1	0		GDT H
30	320213 73	<i>Kỹ năng tham vấn học đường</i>	2	1	1	0	32041729	TL- GD
31	322210 30	<i>Tin học chuyên ngành</i>	2	1	1	0	31221885	GDT H
32	322218 91	<i>Tổ chức hoạt động Đội thiếu niên và Sao nhi đồng</i>	2	0	2	0		GDT H
Kiến thức Nghiệp vụ sư phạm			53	29	18	6		
33	320417 29	Tâm lý học Sư phạm tiểu học	4	3	1	0		TL- GD
34	320310 03	Giáo dục học tiểu học	3	2	1	0	32021003	TL- GD
35	320210 04	Thực hành tổ chức hoạt động giáo dục	2	1	1	0	32021258	TL- GD
36	320212 74	Giao tiếp sư phạm của người giáo viên tiểu học	2	1	1	0		TL- GD
37	320212 54	Giáo dục hòa nhập ở trường tiểu học	2	1	1	0		TL- GD
38	322310 34	Rèn luyện kỹ năng sư phạm 1 ở tiểu học	3	0	0	3		GDT H
39	322310 35	Rèn luyện kỹ năng sư phạm 2 ở tiểu học	3	0	0	3	32231034	GDT H
40	322415 76	Phương pháp dạy học toán tiểu học	4	3	1	0	32231016 *	GDT H
41	322210 36	Thực hành dạy học toán phát triển phẩm chất, năng lực học sinh tiểu học	2	1	1	0	32241576	GDT H
42	322310 20	Thực hành giải toán tiểu học	3	2	1	0	32241576	GDT H
43	322415 74	Phương pháp dạy học tiếng Việt 1 ở tiểu học	4	3	1	0	32231029 *	GDT H

44	322415 75	Phương pháp dạy học tiếng Việt 2 ở tiểu học	4	3	1	0	32241574	GDT H
45	322310 37	Phương pháp dạy học tự nhiên - xã hội ở tiểu học	3	2	1	0	32231032	GDT H
46	322216 89	Đạo đức và phương pháp giáo dục đạo đức ở tiểu học	2	1	1	0		GDT H
47	322219 27	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học tiểu học	2	1	1	0	32241576 ; 32241574	GDT H
48	322219 20	Từ Hán Việt và việc dạy từ Hán Việt ở tiểu học	2	1	1	0		GDT H
49	322210 01	Tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh tiểu học	2	1	1	0		GDT H
50	322210 33	Phát triển chương trình môn học ở trường tiểu học	2	1	1	0		GDT H
51	320210 02	Quản lý nhà nước về giáo dục	2	1	1	0		TL- GD
52	322213 57	Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập ở tiểu học	2	1	1	0	32241576 ; 32241574	GDT H
		Học phần Tự chọn	20	11	9	0		
53	322221 72	<i>Sinh hoạt chuyên môn ở trường tiểu học</i>	2	1	1	0	32241576 ; 32241574	GDT H
54	322240 28	<i>Dạy học tích hợp ở tiểu học</i>	2	1	1	0		GDT H
55	322310 22	<i>Công nghệ và phương pháp dạy học công nghệ tiểu học</i>	2	1	1	0		GDT H
56	322217 00	<i>Sử dụng phương pháp bàn tay nặn bột trong dạy học tiểu học</i>	2	1	1	0		GDT H
57	322211 63	<i>Dạy học tiếng Việt theo quan điểm giao tiếp ở tiểu học</i>	2	1	1	0		GDT H

58	322314 77	Mỹ thuật và phương pháp dạy học mỹ thuật ở tiểu học	3	2	1	0		GDN T
59	324310 09	Âm nhạc và phương pháp dạy học âm nhạc ở tiểu học	3	2	1	0		GDN T
60	331212 52	Giáo dục giới tính và phương pháp giáo dục giới tính	2	1	1	0		TL- GD
61	322310 26	Xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục phát triển phẩm chất, năng lực học sinh tiểu học	2	1	1	0	32241576 ; 32241574	GDT H
Kiến thức Thực tập và Khóa luận tốt nghiệp			6	0	0	6		
62	303213 61	Kiến tập sư phạm	2	0	0	2		GDT H
63	303418 43	Thực tập sư phạm	4	0	0	4	30321361	GDT H
		Học phần tự chọn bắt buộc (phải chọn 6/12 tín chỉ)	12	0	12	0		
64	303613 38	Khóa luận tốt nghiệp	6	0	6	0		GDT H
65	322310 13	Thiết kế chủ đề dạy học STEM ở tiểu học	3	0	3	0		GDT H
66	322310 27	Thiết kế hoạt động trải nghiệm trong dạy học các môn học ở tiểu học	3	0	3	0		GDT H
TỔNG SỐ TÍN CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO			15 5	79	63	13		
Tổng số tín chỉ bắt buộc			11 5	65	37	13		
Tổng số tín chỉ tự chọn tối thiểu			15					

3.2.2. Kế hoạch đào tạo

	Mã học phần	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ			HP học trước/	
			TC	LT	TH		

HỌ C KỲ					L1	L2	tiên quyết/ song hành	Khoa quản lý
1	3222115 5	Nhập môn Giáo dục Tiểu học	2	1	1	0		GDTH
	3204172 9	Tâm lý học Sư phạm tiểu học	4	3	1	0		TL-GD
	3203100 3	Giáo dục học tiểu học	3	2	1	0	32041 729	TL-GD
	3223101 5	Cơ sở Toán học 1 của việc dạy học toán tiểu học	3	2	1	0		GDTH
	3223102 8	Cơ sở Việt ngữ 1 của việc dạy học tiếng Việt tiểu học	3	2	1	0		GDTH
	3224196 7	Văn học thiếu nhi	4	3	1	0		GDTH
	0010126 5	Giáo dục thể chất 1	(1)	(0)	(0)	(1)		
	Tổng số tín chỉ trong học kỳ :		19	13	6	0		
2	2123190 2	Triết học Mác - Lênin	3	2	1	0		GDCT
	3122188 5	Tin học đại cương	2	1	0	1		TIN
	3223101 6	Cơ sở Toán học 2 của việc dạy học toán tiểu học	3	2	1	0	32231 015	GDTH
	3223102 9	Cơ sở Việt ngữ 2 của việc dạy học tiếng Việt tiểu học	3	2	1	0	32231 028	GDTH
	3202100 4	Thực hành tổ chức hoạt động giáo dục	2	1	1	0	32031 003	TL-GD
	3172109 1	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	1	1	0		Ngữ Văn
	0010126 6	Giáo dục thể chất 2	(1)	(0)	(0)	(1)		

	0020126 4	Giáo dục quốc phòng	(4t)	(0)	(0)	(4t)		
	Tổng số tín chỉ trong học kỳ :		15	9	5	1		
3	2132190 1	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	1.5	0.5	0	21231 902	GDCT
	3162154 9	Pháp luật đại cương	2	2	0	0		GDCT
	3222177 7	Xác suất và Thống kê trong giáo dục tiểu học	2	1	1	0		GDTH
	3222168 3	Sinh lí học trẻ em	2	1	1	0		GDTH
	3223103 1	Cơ sở Khoa học Tự nhiên ở tiểu học	3	2	1	0		GDTH
	3222126 0	Giáo dục kĩ năng sống trong dạy học ở tiểu học	2	1	1	0		GDTH
	3222187 6	Tiếng Việt thực hành ở tiểu học	2	1	1	0		GDTH
	0010126 7	Giáo dục thể chất 3	(1)	(0)	(0)	(1)		
		Học phần tự chọn:						
	3202137 3	<i>Kỹ năng tham vấn học đường</i>	2	1	1	0		TL-GD
	3222103 0	<i>Tin học chuyên ngành</i>	2	1	1	0		GDTH
	3223100 8	<i>Âm nhạc và PP giáo dục âm nhạc ở tiểu học</i>	3	2	1	0		GDNT
	Tổng số tín chỉ trong học kỳ :		15	9,5	5,5	0		
4	2122190 3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	1.5	0.5	0	21321 901	GDCT
	3222192 0	Từ Hán Việt và việc dạy từ Hán Việt ở tiểu học	2	1	1	0		GDTH

	3224157 4	Phương pháp dạy học tiếng Việt 1 ở tiểu học	4	3	1	0	32231 029*	GDTH
	3223101 8	Phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành Giáo dục Tiểu học	3	2	1	0	32221 777	GDTH
	3222189 0	Tổ chức hoạt động cảm thụ văn học cho học sinh tiểu học	2	1	1	0	32241 967	GDTH
	3223103 4	Rèn luyện kỹ năng sư phạm 1 ở tiểu học	3	0	3	0		GDTH
	0010126 8	Giáo dục thể chất 4	(1)	(0)	(0)	(1)		
		Học phần tự chọn:						
	3222170 0	<i>Sử dụng phương pháp bàn tay nặn bột trong dạy học tiểu học</i>	2	1	1	0		GDTH
	3223102 2	<i>Công nghệ và phương pháp dạy học công nghệ tiểu học</i>	2	1	1	0		GDTH
	3222115 6	<i>Phát triển lời nói cho học sinh tiểu học trên bình diện ngữ âm</i>	2	1	1	0		GDTH
	Tổng số tín chỉ trong học kỳ :		16	8,5	7,5	0		
5	2122190 4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	1.5	0.5	0	21221 903	GDCT
	3224157 6	Phương pháp dạy học toán tiểu học	4	3	1	0	32231 016*	GDTH
	3223103 2	Cơ sở Khoa học Xã hội ở tiểu học	3	2	1	0	32231 031	GDTH
	3222168 9	Đạo đức và phương pháp giáo dục đạo đức ở tiểu học	2	1	1	0		GDTH
	3222103 3	Phát triển chương trình môn học ở trường tiểu học	2	1	1	0		GDTH
	3223103 5	Rèn luyện kỹ năng sư phạm 2 ở tiểu học	3	0	3	0	32231 034	GDTH

		Học phần tự chọn:						
	3222217 2	<i>Sinh hoạt chuyên môn ở trường tiểu học</i>	2	1	1	0	32241 576; 32241 574	GDTH
	3223102 6	<i>Xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục phát triển phẩm chất, năng lực học sinh tiểu học</i>	2	1	1		32241 576; 32241 574	GDTH
	3223147 7	<i>Mỹ thuật và phương pháp dạy học mỹ thuật ở tiểu học</i>	3	2	1	0		GDNT
	Tổng số tín chỉ trong học kỳ :		16	8,5	7,5	0		
6	2132192 2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	1.5	0.5	0	21221 904	GDCT
	3222192 7	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học tiểu học	2	1	1	0	32241 576; 32241 574	GDTH
	3222100 1	Tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh tiểu học	2	1	1	0		GDTH
	3224157 5	Phương pháp dạy học tiếng Việt 2 ở tiểu học	4	3	1	0	32241 574	GDTH
	3223103 7	Phương pháp dạy học tự nhiên - xã hội ở tiểu học	3	2	1	0	32231 032	GDTH
	3222103 6	Thực hành dạy học toán phát triển phẩm chất, năng lực học sinh tiểu học	2	1	1	0	32241 576	GDTH
		Học phần tự chọn:						
	3222189 1	<i>Tổ chức hoạt động Đội thiếu niên và Sao nhi đồng</i>	2	0	0	2		GDTH
	3222116 3	<i>Dạy học tiếng Việt theo quan điểm giao tiếp ở tiểu học</i>	2	1	1	0		GDTH
	Tổng số tín chỉ trong học kỳ :		15	9,5	5,5	0		

7	3202100 2	Quản lý nhà nước về giáo dục	2	1	1	0		TL-GD
	3222135 7	Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập ở tiểu học	2	1	1	0	32241 576; 32241 574	GDTH
	3222126 2	Giáo dục môi trường cho học sinh tiểu học	2	1	1	0		GDTH
	3223102 0	Thực hành giải toán tiểu học	3	2	1	0	32241 576	GDTH
	3202127 4	Giao tiếp sư phạm của người giáo viên tiểu học	2	1	1	0		TL-GD
	3202125 4	Giáo dục hòa nhập ở trường tiểu học	2	1	1	0		TL-GD
	3032136 1	Kiến tập sư phạm	2	0	2	0		GDTH
		Học phần tự chọn:						
	3222402 8	<i>Dạy học tích hợp ở tiểu học</i>	2	1	1	0		GDTH
	3312125 2	<i>Giáo dục giới tính và phương pháp giáo dục giới tính</i>	2	1	1	0		TL-GD
Tổng số tín chỉ trong học kỳ :			15	7	8	0		
8	3034184 3	Thực tập sư phạm	4	0	4	0	30321 361	GDTH
		Học phần tự chọn bắt buộc (6/12):						
	3036133 8	<i>Khóa luận tốt nghiệp</i>	6	0	6	0		GDTH
	3223101 3	<i>Thiết kế chủ đề dạy học STEM ở tiểu học</i>	3	0	3	0		GDTH

	3223102 7	<i>Thiết kế hoạt động trải nghiệm trong dạy học các môn học ở tiểu học</i>	3	0	3	0		GDTH
	Tổng số tín chỉ trong học kỳ :		10	0	10	0		

*Ghi**chú:*

- Phải tích lũy tối thiểu 130 tín chỉ (115 TC bắt buộc + 15 TC tự chọn). Trong đó bao gồm tất cả các học phần bắt buộc (không tính các học phần Giáo dục Thể chất, Giáo dục Quốc phòng vào tổng tín chỉ tích lũy toàn khóa
- Học phần tiên quyết là Học phần có gắn dấu *.

3.3. Chiến lược giảng dạy, học tập và kiểm tra, đánh giá

3.3.1. Chiến lược giảng dạy

Nhằm giúp sinh viên đạt được các mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT ngành Giáo dục Tiểu học, Trường đã thiết kế các chiến lược và phương pháp dạy học cụ thể như sau:

1. Chiến lược DH trực tiếp: DH trực tiếp là chiến lược DH trong đó thông tin được chuyển tải đến với người học theo cách trực tiếp, giáo viên trình bày và HV lắng nghe. Chiến lược DH này thường được áp dụng trong các lớp học truyền thống và tỏ ra có hiệu quả khi muốn truyền đạt cho người học những thông tin cơ bản, giải thích một số kỹ năng mới.

Các phương pháp giảng dạy theo chiến lược này được CTĐT ngành GD Tiểu học áp dụng gồm phương pháp Thuyết trình nêu vấn đề, dạy học hợp tác, phát hiện và GQVĐ, thực hành, ...

2. Chiến lược dạy gián tiếp: SV được tạo điều kiện trong quá trình học tập mà không cần có bất kỳ HĐ giảng dạy công khai nào được thực hiện bởi giảng viên. Đây là tiến trình DH tiếp cận hướng đến SV, lấy SV làm trung tâm, trong đó giảng viên không trực tiếp truyền đạt nội dung bài học đến SV mà thay vào đó, SV được khuyến khích tham gia tích cực trong tiến trình học, sử dụng kỹ năng tư duy phản biện để giải quyết vấn đề. Các phương pháp, kỹ thuật giảng dạy theo chiến lược này gồm giải quyết vấn đề, nghiên cứu điển hình, lớp học đảo ngược, sơ đồ tư duy.

3. Học trải nghiệm: Học trải nghiệm là chiến lược DH trong đó người học tiếp nhận được kiến thức và kỹ năng thông qua những gì mà họ được trải nghiệm qua thực hành, thực tế quan sát và cảm nhận. Chiến lược học tập trải nghiệm thường được sử dụng đồng nghĩa với giáo dục trải nghiệm, nhưng thực tế giáo dục trải nghiệm là một triết lý giáo dục rộng hơn, học tập trải nghiệm xem xét quá trình học tập của cá nhân. Học tập trải nghiệm quan tâm đến các vấn đề cụ thể liên quan đến người học và bối cảnh học tập. Các phương pháp, kỹ thuật giảng dạy theo chiến lược này gồm: mô phỏng, trò chơi, tham quan, trải nghiệm thực tế, đóng vai, DH qua tình huống, ...

4. **Dạy học tương tác:** Tương tác chủ yếu dựa vào thảo luận và chia sẻ giữa những người tham gia. Thảo luận và chia sẻ cung cấp cho người học cơ hội để “*phản ứng với những ý tưởng, kinh nghiệm, hiểu biết sâu sắc và kiến thức của GV hoặc của người học đồng lứa và tạo ra những cách suy nghĩ và cảm nhận thay thế*”. SV có thể học hỏi từ các bạn cùng lớp và giảng viên để phát triển các kỹ năng và khả năng xã hội, sắp xếp suy nghĩ của mình và phát triển các lập luận hợp lí.

Chiến lược DH tương tác cho phép một loạt các nhóm và phương pháp tương tác. Chúng có thể bao gồm các cuộc thảo luận toàn lớp, các cuộc thảo luận nhóm nhỏ hoặc các dự án, hoặc các cặp hoặc bộ ba SV làm việc cùng nhau trên các bài tập. Điều quan trọng là GV phải phác thảo chủ đề, thời lượng thảo luận, thành phần và quy mô của các nhóm, và các kỹ thuật báo cáo hoặc chia sẻ. Hướng dẫn tương tác đòi hỏi sự tinh chỉnh của các kỹ năng và khả năng quan sát, lắng nghe, giao tiếp của GV và SV. Các phương pháp, kỹ thuật giảng dạy theo chiến lược này gồm: đóng vai, tranh luận, thảo luận nhóm, giải quyết vấn đề, seminar, vấn đáp, động não, khăn trải bàn, ...

5. **Học tập độc lập:** Học tập độc lập đề cập đến một loạt các phương pháp giảng dạy được cung cấp có mục đích để thúc đẩy sự phát triển của cá nhân SV chủ động, tự lực và tự hoàn thiện. Mặc dù việc học độc lập có thể do SV hoặc giảng viên bắt đầu, trọng tâm ở đây sẽ là nghiên cứu độc lập có kế hoạch của SV dưới sự hướng dẫn hoặc giám sát của giảng viên đứng lớp. Ngoài ra, học tập độc lập có thể bao gồm học tập trong sự hợp tác với một cá nhân khác hoặc như một phần của một nhóm nhỏ. Các phương pháp, kỹ thuật giảng dạy theo chiến lược này gồm: tự học, DH dự án, nghiên cứu khoa học, sơ đồ tư duy, ...

Các phương pháp giảng dạy và học tập nói trên giúp SV đạt được chuẩn đầu ra CTĐT, thể hiện trong bảng dưới đây:

Bảng 5. Mối liên hệ giữa phương pháp DH và chuẩn đầu ra CTĐT.

Chiến lược và phương pháp dạy - học		Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)								
		PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PL07	PL08	PLO9
Chiến lược DH trực	Thuyết trình nêu vấn đề, thực hành.	x	x					x		x

<i>tiếp</i>										
<i>Chiến lược dạy gián tiếp</i>	Giải quyết vấn đề, nghiên cứu điển hình, lớp học đảo ngược.		x	x	x	x	x	x	x	
<i>Học trải nghiệm</i>	Mô phỏng, trò chơi, tham quan, trải nghiệm thực tế, đóng vai, dạy học qua tình huống.		x	x	x	x	x	x	x	x
<i>DH tương tác</i>	Đóng vai, tranh luận, thảo luận nhóm, giải quyết vấn đề, seminar, vấn đáp.		x	x	x	x	x	x	x	x
<i>Học tập độc lập</i>	Tự học, DH dự án, nghiên cứu khoa học.		x	x	x	x	x	x	x	x

3.3.2. Phương pháp kiểm tra và đánh giá

Các học phần được đánh giá dựa theo một hoặc nhiều phương pháp sau:

- Đánh giá chuyên cần: Đánh giá ý thức học tập chuyên cần và tính độc lập, sáng tạo của người học (điểm danh sự có mặt của người học, ý thức, thái độ trong việc chuẩn bị bài, tham gia thảo luận, xây dựng bài của người học trên lớp).

- Đánh giá bài tập: Đánh giá mức độ hoàn thành của sinh viên đối với các bài tập được giảng viên giao liên quan đến bài học ở trong và sau giờ lên lớp. Những bài tập này có thể được thực hiện bởi cá nhân hoặc nhóm và cho điểm trên cơ sở những tiêu chí đã được thông báo từ trước.

- Nhóm phương pháp kiểm tra viết: Phương pháp kiểm tra viết gồm bài kiểm tra dạng tự luận và kiểm tra viết dạng trắc nghiệm khách quan.

Đối với phương pháp kiểm tra viết tự luận, sinh viên được yêu cầu trả lời một số câu hỏi, bài tập hoặc ý kiến cá nhân về các câu hỏi liên quan đến các yêu cầu tiêu chuẩn của học phần, khóa học. Phương pháp kiểm tra này được chia thành hai loại: Bài luận dài và Bài luận ngắn.

Đối với phương pháp kiểm tra trắc nghiệm khách quan, sinh viên trả lời các loại hình câu hỏi hoặc bài tập mà các phương án trả lời đã có sẵn hoặc nếu sinh viên viết câu trả lời thì câu trả lời thì câu trả lời phải là câu ngắn và chỉ duy nhất có một cách viết đúng.

- Đánh giá thực hành: Sinh viên được đánh giá dựa trên các tiêu chí về mức độ thảo luận và chia sẻ; mức độ thực hiện đúng các thao tác, quy trình; kết quả thực hành; Báo cáo thực hành

- Thuyết trình: Sinh viên được yêu cầu làm việc cá nhân hoặc làm việc theo nhóm và thuyết trình kết quả trước các sinh viên khác. Hoạt động này ngoài đánh giá mức độ đạt được của sinh viên về những kiến thức chuyên biệt còn đánh giá được mức độ phát triển các kỹ năng như giao tiếp, đàm phán, làm việc nhóm. Các học phần được xây dựng các tiêu chuẩn đánh giá hoặc rubrics tương ứng với các chuẩn đầu ra học phần.

- Đánh giá vấn đáp: Sinh viên được đánh giá thông qua các cuộc phỏng vấn, câu hỏi và câu trả lời trực tiếp. Phương pháp này được sử dụng trong một số khóa học để đánh giá năng lực tổng thể của sinh viên bao gồm kiến thức và kỹ năng giao tiếp, thuyết trình. Các học phần sử dụng các rubrics vấn đáp để đánh giá nhằm đảm bảo tính chính xác và công bằng đối với người học.

- Đánh giá làm việc nhóm:

Đánh giá công việc nhóm được sử dụng khi thực hiện các hoạt động giảng dạy nhóm và được sử dụng để đánh giá kỹ năng làm việc nhóm của sinh viên. Rubric đánh giá đối với sản phẩm, khả năng thuyết trình của nhóm và rubric tự đánh giá làm việc nhóm cho các đối tượng thuộc nhóm tự đánh giá hoặc đánh giá đồng đẳng. Các rubrics đánh giá được công bố trong cuốn chương trình đào tạo.

- Đánh giá Tiểu luận/ Bài tập lớn:

Tiểu luận là viết báo cáo về một vấn đề của một môn học hay một vấn đề thực tiễn của một đơn vị nào đó nhằm để rút ra những kết luận, những đóng góp ý kiến, những đề xuất

giải pháp để có thể thực hiện hay cải tiến được vấn đề đã nêu ra. Đánh giá tiểu luận bao gồm đánh giá về Cấu trúc, Nội dung, Kết luận và Hình thức trình bày.

- Đánh giá sản phẩm:

Phương pháp đánh giá kết quả học tập thông qua các sản phẩm của người học đã thực hiện được, thể hiện qua việc xây dựng, sáng tạo, thể hiện ở việc hoàn thành được công việc một cách có hiệu quả. Các tiêu chí và tiêu chuẩn để đánh giá sản phẩm là rất đa dạng. Đánh giá sản phẩm được dựa trên ngữ cảnh cụ thể của hiện thực.

- Đánh giá Kiến tập sư phạm:

Đánh giá kết quả Kiến tập sư phạm trên cơ sở các tiêu chí về Tìm hiểu thực tế giáo dục; Kiến tập giảng dạy và Kiến tập chủ nhiệm. Các nội dung đánh giá được xác định các tiêu chí cụ thể theo các rubrics đánh giá.

- Đánh giá Thực tập sư phạm:

Đánh giá kết quả Thực tập sư phạm dựa trên cơ sở các tiêu chí về Thực tập giảng dạy, Thực tập chủ nhiệm và Kết quả dự giờ giảng dạy của giáo sinh cùng nhóm chuyên môn. Các nội dung đánh giá được xác định các tiêu chí cụ thể theo các rubrics đánh giá.

- Đánh giá Thực tập tại cơ sở giáo dục

Kết quả Thực tập tại cơ sở giáo dục được đánh giá dựa trên các tiêu chí về Chấp hành nội quy của đơn vị; Thái độ làm việc; Kiến thức, kỹ năng thu nhận và đánh giá báo cáo thực tập tại doanh nghiệp. Các nội dung đánh giá được xác định các tiêu chí cụ thể theo các rubrics đánh giá.

- Đánh giá Khóa luận/ Luận văn tốt nghiệp

Đánh giá Khóa luận/ Luận văn tốt nghiệp dựa trên các tiêu chí về Hình thức báo cáo; Chất lượng báo cáo; Chất lượng bảo vệ. Các nội dung đánh giá được xác định các tiêu chí cụ thể theo các rubrics đánh giá. Đánh giá Khóa luận/ Luận văn tốt nghiệp được thực hiện bởi Hội đồng chấm Khóa luận/ Luận văn tốt nghiệp do Hiệu trưởng ký Quyết định thành lập. Số thành viên của hội đồng là 3 hoặc 5 hoặc 7 người, trong đó có Chủ tịch và Thư ký.

Phương pháp đánh giá học phần

Thực hiện theo *Quy định về Công tác học vụ* do Trường ban hành và *Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ*, ban hành theo Công văn số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc xác thực hợp nhất 2 văn bản: Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/08/2007 và Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Ngoài ra, việc đánh giá học phần tuân thủ theo quy định trong các đề cương học phần đã được Bộ môn và HĐ Khoa học của Khoa thông qua.

Đánh giá học phần bao gồm đánh giá quá trình, đánh giá giữa kì và đánh giá cuối kì theo quy định về trọng số chung của Trường ĐHSP và quy định trong các học phần.

- Điểm học phần được đánh giá theo thang điểm 10.

Các phương pháp kiểm tra và đánh giá là công cụ để đánh giá mức độ đạt được CLO nói riêng cũng như CDR CTĐT nói chung. Để đảm bảo việc đánh giá được tiến hành một cách khách quan, chính xác và đáp ứng yêu cầu đo lường mức độ đạt được các CDR, các phương pháp kiểm tra và đánh giá khác nhau đã được thiết kế dưới dạng các ma trận (rubric). Các rubric bao gồm các mô tả nội dung năng lực và mức độ đánh tương ứng căn cứ vào thang đánh giá Bloom/Bloom cập nhật. Các Rubric đánh giá áp dụng đối với các HP trong CTDH được trình bày từ Rubric số 1 đến Rubric số 13 như sau:

R1. Đánh giá quá trình (chuyên cần)

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 100%	Khá 75%	Trung bình 50%	Yếu 0%
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	50	Luôn chủ động, tích cực và tham gia các hoạt động	Khá chủ động, tích cực và có tham gia các hoạt động	Có chủ động và ít tham gia các hoạt động	Không chủ động/không tham gia các hoạt động
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	50	Tham gia > 80% buổi học	Tham gia 70-80% buổi học	Tham gia 50-dưới 70% buổi học	Tham gia <50% buổi học

R2. Đánh giá bài tập cá nhân

Tiêu chí	Trọng số %	Tốt 100%	Khá 75%	Trung bình 50%	Yếu 0%
-----------------	-------------------	---------------------	--------------------	---------------------------	-------------------

Thực hiện nhiệm vụ đầy đủ, đúng hạn	20	Thực hiện tốt các nhiệm vụ, nộp sản phẩm đúng hạn	Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ, nộp sản phẩm trong thời gian gia hạn	Thực hiện 50-80% các nhiệm vụ, nộp sản phẩm sau thời gian gia hạn	Không thực hiện các nhiệm vụ, không nộp sản phẩm
Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	50	Nội dung được phân tích kỹ càng với các lập luận sáng tạo và có bằng chứng vững vàng hỗ trợ cho chủ đề.	Nội dung thể hiện các quan điểm được phát triển đầy đủ với căn cứ vững chắc.	Nội dung thể hiện quan điểm và lập luận.	Trình bày vài quan điểm và lập luận nhưng hầu hết chưa được phát triển đầy đủ.
Sử dụng công nghệ đáp ứng yêu cầu	20	Nhất quán về format trong toàn bài, không có lỗi chính tả	Vài sai sót nhỏ về format, một vài lỗi chính tả nhỏ	Format vài chỗ không thống nhất, lỗi chính tả khá nhiều	Format rất nhiều chỗ không nhất quán, lỗi chính tả rất nhiều
Ý tưởng sáng tạo	10	Ý tưởng được thể hiện đầy đủ và phân tích rõ ràng	Ý tưởng được thể hiện đầy đủ	Mới chỉ nêu được ý tưởng	Ý tưởng chưa được phát triển đầy đủ và không độc đáo

R3. Đánh giá thực hành

Mức chất lượng			
Tốt 100%	Khá 75%	Trung bình 50%	Yếu 0%
từ 10-7	từ 7-5	từ 5-4	dưới 4

Thực hiện thành công những nội dung thực hành và giải thích được kết quả	Thực hiện thành công những nội dung thực hành, không giải thích được kết quả	Thực hiện thành công 50% nội dung thực hành, không giải thích được kết quả	Không thực hiện được nội dung thực hành được yêu cầu
--	--	--	--

R4. Đánh giá seminar (SV làm bài theo nhóm)

Tiêu chí	Trọng số %	Tốt 100%	Khá 75%	Trung bình 50%	Yếu 0%
Thời gian tham gia họp nhóm	10	Tham gia đầy đủ số lần họp nhóm	Tham gia 75-90% số lần họp nhóm	Tham gia 50-70% số lần họp nhóm	Tham gia dưới 50% số lần họp nhóm
Thái độ tham gia	20	Tích cực kết nối các thành viên trong nhóm	Kết nối tốt với thành viên khác	Có kết nối nhưng đôi khi còn lơ là, phải nhắc nhở	Không kết nối
Ý kiến đóng góp	20	Sáng tạo/rất hữu ích	Hữu ích	Tương đối hữu ích	Không hữu ích
Thời gian giao nộp sản phẩm	10	Đúng hạn	Trễ ít, không gây ảnh hưởng đến chất lượng chung	Trễ nhiều, có gây ảnh hưởng đến chất lượng chung nhưng có thể khắc phục	Không nộp/nộp trễ gây ảnh hưởng lớn đến chất lượng chung, không thể khắc phục
Chất lượng sản phẩm giao nộp	50	Sáng tạo/đáp ứng tốt yêu cầu của nhóm	Đáp ứng khá tốt yêu cầu của nhóm	Đáp ứng một phần yêu cầu của nhóm, có điều chỉnh theo góp ý	Không sử dụng được

R5. Đánh giá bài tập nhóm (Nhóm tự ĐG và ĐG lẫn nhau)

Tiêu chí	Trọng số %	Tốt 100%	Khá 75%	Trung bình 50%	Yếu 0%
Nội dung đầy đủ theo yêu cầu	40	Phong phú hơn yêu cầu	Đầy đủ theo yêu cầu	Khá đầy đủ, thiếu 1 nội dung quan trọng	Thiếu nhiều nội dung quan trọng
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	10	Lập luận có căn cứ khoa học và logic vững chắc	Lập luận có căn cứ khoa học và logic nhưng còn một vài sai sót nhỏ	Lập luận có chú ý đến sử dụng căn cứ khoa học và tuân theo logic nhưng còn một vài sai sót quan trọng	Lập luận không có căn cứ khoa học và logic
Trình bày báo cáo rõ ràng	20	Mạch lạc, rõ ràng	Khá mạch lạc, rõ ràng	Tương đối rõ ràng	Thiếu rõ ràng
Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt	10	Tương tác bằng mắt, cử chỉ tốt	Tương tác bằng mắt, cử chỉ khá tốt	Tương tác bằng mắt, cử chỉ tương đối tốt, còn vài sai sót nhỏ	Không có tương tác bằng mắt và cử chỉ/sai sót lớn trong tương tác
Trả lời câu hỏi đầy đủ, thỏa đáng	10	Các câu hỏi được trả lời đầy đủ, rõ ràng và thỏa đáng	Trả lời đúng đa số các câu hỏi và nêu được định hướng phù hợp đối với những câu	Trả lời đúng đa số các câu hỏi, phần chưa nêu được định hướng phù hợp	Trả lời sai đa số các câu hỏi

			hỏi chưa trả lời được		
* Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	10	Nhóm phối hợp tốt, thực sự chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm có phối hợp khi báo cáo và trả lời nhưng còn vài chỗ chưa đồng bộ	Nhóm ít phối hợp trong khi báo cáo và trả lời	Không thể hiện sự kết nối trong nhóm

R6. Đánh giá vấn đáp

Mức chất lượng			
Tốt 100%	Khá 75%	Trung bình 50%	Yếu 0%
từ 10-7	từ 7-5	từ 5-4	dưới 4
Trả lời những nội dung trong câu hỏi một cách rõ ràng, mạch lạc. Biết vận dụng kiến thức chuyên môn vào thực tế.	Trả lời những vấn đề trình bày trong câu hỏi khá đầy đủ, mạch lạc. Không biết vận dụng kiến thức chuyên môn vào thực tế.	Trả lời chỉ đạt 50% nội dung câu hỏi. Không trả lời được vấn đề liên quan.	Không trả lời được kiến thức đã học.

R7. Đánh giá tiểu luận

Tiêu chí	Trọng số %	Tốt 100%	Khá 75%	Trung bình 50%	Kém 0%
		từ 10 - 7	từ 7 - 5	từ 5 - 4	dưới 4
Cấu trúc	10	Cấu trúc cân đối, hợp lý.	Cấu trúc khá cân đối, hợp lý	Cấu trúc tương đối cân đối, hợp lý	Cấu trúc không cân đối, thiếu hợp lý

Nội dung	70	- Nội dung có phân tích rõ ràng tầm quan trọng của vấn đề. - Lập luận hoàn toàn chặt chẽ, logic	- Nội dung phân tích khá rõ ràng tầm quan trọng của vấn đề. - Lập luận khá chặt chẽ, logic; còn sai sót nhỏ không gây ảnh hưởng	- Nội dung phân tích tương đối rõ ràng tầm quan trọng của vấn đề -Lập luận tương đối chặt chẽ, logic; có phần chưa đảm bảo gây ảnh hưởng	- Nội dung phân tích chưa rõ ràng tầm quan trọng của vấn đề -Lập luận không chặt chẽ, logic
Kết luận	15	Phù hợp và đầy đủ	Khá phù hợp và đầy đủ	Tương đối phù hợp và đầy đủ	Không phù hợp và đầy đủ
Hình thức trình bày (font chữ, căn lề, format...)	5	Nhất quán về format trong toàn bài. Không có lỗi chính tả	Vài sai sót nhỏ về format. Một vài lỗi nhỏ	Format vài chỗ không nhất quán. Lỗi chính tả khá nhiều	Format rất nhiều chỗ không nhất quán. Lỗi chính tả rất nhiều

R8. Đánh giá khoá luận tốt nghiệp (Dành cho CBHD/Uỷ viên phản biện)

R8.1. Thang điểm (Dành cho CBHD/Uỷ viên phản biện/UV Hội đồng)

STT	Nội dung	Yêu cầu cần đạt được	Điểm tối đa	Điểm chấm
1	Bố cục, hình thức, tài liệu tham khảo	- Bố cục chặt chẽ, hợp lý. - Trình bày đúng quy cách, ít lỗi in ấn (dưới 5 lỗi) - Trích tài liệu tham khảo cụ thể, trung thực	1,5	
		- Làm rõ tính cấp thiết của đề tài, xác định rõ		

2	Nội dung	mục tiêu nghiên cứu. - Nội dung các chương/mục đảm bảo tính logic, chính xác khoa học. - Kết luận ngắn gọn, súc tích, đáp ứng được mục tiêu đề ra, trung thành với kết quả thu được; đề nghị khả thi, phù hợp với phạm vi nghiên cứu. - Ngôn ngữ trình bày trong sáng, rõ ràng, mạch lạc.	4	
3	Phương pháp	- Sử dụng các phương pháp phù hợp mảng nghiên cứu. - Mô tả phương pháp nghiên cứu (cách thu thập số liệu, thông tin, các chỉ tiêu và phương pháp theo dõi,...) cụ thể, rõ ràng.	1,5	
4	Kết quả nghiên cứu	- Kết quả thu được đáp ứng mục tiêu đã đề ra - Biết cách xử lý các kết quả, chọn cách trình bày phù hợp - Thảo luận, nhận xét, ĐG kết quả phù hợp với mảng nghiên cứu	3	
Tổng điểm			10	

R8.2. Thang đánh giá khoá luận tốt nghiệp (Dành cho CBHD/Uỷ viên phản biện/UV HĐ)

Tiêu chí		Tốt	Khá	Trung bình	Kém
----------	--	-----	-----	------------	-----

	Trọng số %	100%	75%	50%	0%
		từ 8,5 - 10	từ 7 – 8,4	từ 4,0 – 6,9	dưới 4
Hình thức	10	Không có lỗi chính tả; hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ rõ ràng, đúng quy định	Có vài lỗi chính tả và lỗi dấu chấm câu; đa số hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ rõ ràng, đúng quy định.	Nhiều lỗi chính tả và lỗi dấu chấm câu; một số hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ không rõ ràng, không đúng quy định	Nhiều lỗi chính tả; hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ không đúng quy định.
Bố cục	10	Đầy đủ các phần và độ dài theo quy định, lô-gic	Đầy đủ các phần và độ dài theo quy định, một số tiểu mục không rõ ràng	Thiếu một số tiểu mục và một số tiểu mục không rõ ràng và thiếu tính logic	Không theo quy định, không đảm bảo tính lôgic.
Tài liệu tham khảo	10	Phong phú, được sắp xếp đúng quy định, trích dẫn đúng thể thức	Khá phong phú, được sắp xếp đúng quy định, trích dẫn đúng thể thức	Ít TLTK, được sắp xếp đúng quy định, trích dẫn đúng thể thức	Rất ít TLTK, sắp xếp không đúng quy định, trích dẫn không đúng thể thức
Tổng quan nghiên cứu và cơ sở lý luận	20	Tổng quan nghiên cứu phong phú và phù hợp, cơ sở lý luận bám sát đề tài	Tổng quan nghiên cứu khá phong phú và phù hợp, cơ sở lý luận bám sát đề tài	Tổng quan nghiên cứu sơ sài, cơ sở lý luận đôi chỗ lan man, không bám sát đề tài.	Tổng quan nghiên cứu rất hạn chế/ không phù hợp, cơ sở lý luận không bám sát đề tài
Phương pháp nghiên cứu và chọn mẫu	20	Phương pháp nghiên cứu đa dạng, thích hợp; phương	Phương pháp nghiên cứu thích hợp;	Phương pháp nghiên cứu sơ sài; phương	Phương pháp nghiên cứu không thích hợp; phương

		pháp chọn mẫu đúng	phương pháp chọn mẫu đúng	pháp chọn mẫu đúng	pháp chọn mẫu không đúng
Thu thập và xử lý, phân tích số liệu	20	Phương pháp thu thập số liệu hợp lý; xử lý, phân tích số liệu đúng kỹ thuật, phù hợp và sáng tạo	Phương pháp thu thập số liệu hợp lý; xử lý, phân tích số liệu đúng kỹ thuật và phù hợp.	Phương pháp thu thập số liệu sơ sài; phân tích số liệu chủ yếu là thống kê mô tả, không có phân tích sâu	Phương pháp thu thập số liệu không hợp lý; xử lý, phân tích số liệu không đúng kỹ thuật/không phù hợp
Kết quả nghiên cứu và Kết luận	10	- Kết quả nghiên cứu giải quyết được đầy đủ các mục tiêu nghiên cứu của đề tài/ câu hỏi nghiên cứu. - Kết luận phù hợp với số liệu, được rút ra dựa trên cơ sở khoa học chắc chắn	- Kết quả nghiên cứu giải quyết được các mục tiêu nghiên cứu của đề tài/ câu hỏi nghiên cứu. - Kết luận phù hợp với số liệu, được rút ra dựa trên cơ sở khoa học chắc chắn	- Kết quả nghiên cứu chưa giải quyết một số mục tiêu không trọng yếu của nghiên cứu của đề tài/ câu hỏi nghiên cứu. - Kết luận khá phù hợp với số liệu, được rút ra có cơ sở khoa học.	- Không rút ra kết quả nghiên cứu hoặc kết quả nghiên cứu được rút ra không phù hợp với số liệu và mục tiêu đề tài/câu hỏi nghiên cứu. - Kết luận không phù hợp với số liệu và mục tiêu đề tài/câu hỏi nghiên cứu

R8.3. Thang đánh giá khoá luận tốt nghiệp (Dành cho HD chấm)

Tiêu chí	Trọng số	Tốt 100%	Khá 75%	Trung bình 50%	Kém 0%
----------	----------	-------------	------------	-------------------	-----------

	%	từ 8,5 - 10	từ 7 – 8,4	từ 4,0 – 6,9	dưới 4
Hình thức của khoá luận tốt nghiệp	10	Không có lỗi chính tả; hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ rõ ràng, đúng quy định	Có vài lỗi chính tả và lỗi dấu chấm câu; đa số hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ rõ ràng, đúng quy định.	Nhiều lỗi chính tả và lỗi dấu chấm câu; một số hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ không rõ ràng, không đúng quy định	Nhiều lỗi chính tả; hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ không đúng quy định.
Chất lượng báo cáo khoá luận	50	Có đưa ra quan điểm cá nhân mang tính khoa học; nêu và phân tích luận điểm rõ ràng và toàn diện.	Có đưa ra quan điểm cá nhân mang tính khoa học; nêu và phân tích luận điểm rõ ràng	Có đưa ra quan điểm cá nhân nhưng tính khoa học không cao; nêu và phân tích luận điểm tương đối rõ ràng	Không đưa ra được quan điểm cá nhân và luận điểm mà chỉ tổng hợp từ các nguồn tài liệu tham khảo.
Chất lượng bảo vệ	10	Lưu loát, mạch lạc, rõ ràng, tự tin, đúng thời gian	Khá mạch lạc, rõ ràng, khá tự tin, đảm bảo thời gian	Tương đối rõ ràng, chưa thực sự tự tin, đảm bảo thời gian	Lúng túng, không rõ ràng, không tự tin, không đảm bảo thời gian
Trả lời câu hỏi	30	Các câu hỏi được trả lời đầy đủ, rõ ràng và thỏa đáng.	Trả lời đúng trên 2/3 số câu hỏi và nêu được định hướng phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được	Trả lời đúng trên 1/2 số câu hỏi, phân chưa nêu được định hướng phù hợp.	Trả lời đúng dưới 1/2 số câu hỏi.

R8.4. Đánh giá khoá luận (Dành cho HD chấm khoá luận)

STT	Tiêu chí	Đạt (6)	Khá (8)	Tốt (10)	Điểm ĐG
1	Nội dung (20%)	Nội dung sơ sài, thiếu tính liên kết các đề mục, chưa phân tích chi tiết, cụ thể;	Thể hiện nội dung đề tài đầy đủ, các nội dung có tính liên kết	Trình bày tốt nội dung đề tài ở tất cả các mục, nội dung đầy đủ, chính xác, hợp logic và phân tích chi tiết	
2	Bố cục (10%)	Trình bày theo đúng bố cục quy định nhưng việc sắp xếp các chương, mục chưa hợp logic, thiếu bảng biểu, hình ảnh minh họa	Trình bày theo đúng bố cục quy định, sắp xếp logic nhưng vẫn còn một số lỗi trong việc trình bày; có bảng biểu, hình ảnh minh họa	Trình bày đúng bố cục quy định, các phần mục được sắp xếp logic, khoa học; bảng biểu, hình ảnh minh họa đầy đủ, phù hợp nội dung	
3	Hình thức KL (10%)	Trình bày không đúng quy cách về cỡ chữ, định dạng, bảng biểu, hình; nhiều lỗi in ấn	Còn một số lỗi trình bày về cỡ chữ, định dạng, bảng biểu, hình; nhiều lỗi in ấn (dưới 10 lỗi)	Trình bày đúng quy cách về cỡ chữ, định dạng, ít lỗi in ấn (dưới 5 lỗi), bảng biểu, hình ảnh minh họa đẹp	
4	Phong cách trình bày (10%)	Còn e dè, thiếu tự tin; quá bám sát vào nội dung slide; trình bày nội dung thiếu tính logic	Tự tin, nhiệt tình, trình bày logic nhưng còn bám sát vào slide	Bình tĩnh, tự tin, trình bày logic và không phụ thuộc vào slide, phân tích kỹ các ý chưa trình bày trên slide	
5	Cách thức diễn đạt	Giọng nói còn nhỏ, chỉ đứng một chỗ, không	Giọng nói đủ lớn nhưng âm điệu còn đều; di	Giọng nói truyền cảm, thu hút sự chú ý của	

	(10%)	tương tác với khán giả, chưa thu hút sự chú ý của người nghe	chuyên và nhưng chưa tương tác với khán giả và thu hút sự chú ý của người nghe	người nghe; di chuyển và tương tác với khán giả, thu hút sự tham gia, theo dõi tích cực của khán giả vào quá trình báo cáo	
6	Quản lý thời gian (10%)	Báo cáo quá/ chưa đủ thời gian quy định từ 10 đến 20%	Báo cáo quá/ chưa đủ thời gian quy định từ 5 đến 10%	Bố trí thời gian báo cáo phù hợp giữa các phần, đảm bảo đúng thời gian quy định	
7	Hình thức trình bày (10%)	- Cỡ chữ quá nhỏ, số lượng chữ quá nhiều trong một slide - Không có sự tương phản giữa màu chữ và nền	Có sự tương phản nhưng màu chữ và nền chọn không phù hợp. Cỡ chữ vừa phải	Có sự tương phản tốt, màu sắc phù hợp, cỡ chữ phù hợp	
8	Trả lời câu hỏi (20%)	Trả lời được 40% câu hỏi của hội đồng hoặc trả lời các câu hỏi nhưng chưa đúng, đủ ý	Trả lời đúng, đủ ý 60% câu hỏi của hội đồng	Trả lời đúng, đủ ý tất cả các câu hỏi của hội đồng, phân tích và dẫn chứng minh họa khi cần thiết	
Tổng điểm: <i>Bằng chữ:</i>					

R9. Đánh giá thực tập tại trường tiểu học

Tiêu chí đánh giá	Trọng số	Tốt	Khá	Trung bình	Yếu
-------------------	----------	-----	-----	------------	-----

	%	(8,5 đ – 10đ)	(7đ – 8,4đ)	(4,0đ – 6,9đ)	(< 4,0đ)
Chấp hành nội quy của trường tiểu học	10	Chấp đầy đủ nội quy của trường tiểu học	Chấp hành nội quy trường tiểu học	Mắc 1 - 2 vi phạm nội quy của trường tiểu học nhưng không ảnh hưởng đến trường tiểu học	Không chấp hành nội quy trường tiểu học
Thái độ làm việc	10	Rất tích cực	Tích cực	Ít tích cực	Rất thụ động
Ý thức học hỏi	10	Rất tích cực học hỏi	Tích cực học hỏi	Ít tích cực học hỏi	Không chịu học hỏi
Tinh thần đồng đội	10	Luôn hỗ trợ đồng nghiệp	Tích cực hỗ trợ đồng nghiệp	Chỉ hỗ trợ đồng nghiệp khi có yêu cầu	Không chịu hợp tác
Kiến thức, kỹ năng thu nhận	60	Thu nhận đầy đủ kiến thức và kỹ năng được yêu cầu	Thu nhận khá đầy đủ kiến thức và kỹ năng được yêu cầu	Thu nhận ở mức cơ bản kiến thức và kỹ năng được yêu cầu	Chưa thu nhận ở mức cơ bản kiến thức và kỹ năng được yêu cầu

R10. Đánh giá báo cáo thực tập tại trường tiểu học

Tiêu chí đánh giá	Trọng số %	Tốt (8,5 đ – 10đ)	Khá (7đ – 8,4đ)	Trung bình (4,0đ – 6,9đ)	Yếu (< 4,0đ)
Hình thức báo cáo	10	Không có lỗi chính tả; hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ rõ ràng,	Có vài lỗi chính tả và lỗi dấu chấm câu; đa số hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ rõ ràng,	Nhiều lỗi chính tả và lỗi dấu chấm câu; một số hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ không rõ	Nhiều lỗi chính tả; hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ không đúng quy định.

		đúng quy định.	đúng quy định	ràng, không đúng quy định	
Kĩ năng trình bày	10	Lưu loát, mạch lạc, rõ ràng, tự tin, giao lưu người nghe, đúng thời gian	Khá mạch lạc, rõ ràng, khá tự tin, đảm bảo thời gian	Tương đối rõ ràng, chưa thực sự tự tin, đảm bảo thời gian	Lúng túng, không rõ ràng, không tự tin, không đảm bảo thời gian
Nội dung yêu cầu 1	30	Trình bày đầy đủ kiến thức tổng quan về đơn vị thực tập; trình bày phân tích kiến thức chuyên môn (1) và ý nghĩa của công việc đã thực tập (1) một cách sâu sắc, khoa học	Trình bày đầy đủ kiến thức tổng quan về đơn vị thực tập; trình bày, phân tích kiến thức chuyên môn (1) và ý nghĩa của công việc đã thực tập (1) tương đối sâu sắc, khoa học	Trình bày tương đối đầy đủ kiến thức tổng quan về đơn vị thực tập; trình bày, phân tích kiến thức chuyên môn (1) và ý nghĩa của công việc đã thực tập (1) chưa thực sự sâu sắc và chưa thực sự khoa học	Trình bày chưa đầy đủ kiến thức tổng quan về đơn vị thực tập; trình bày, phân tích kiến thức chuyên môn (1) và ý nghĩa của công việc đã thực tập (1) sơ sài
Nội dung yêu cầu 2	30	Trình bày đầy đủ kiến thức tổng quan về đơn vị thực tập; trình bày phân tích kiến thức chuyên môn (2) và ý nghĩa của công việc đã thực tập (2) một	Trình bày đầy đủ kiến thức tổng quan về đơn vị thực tập; trình bày, phân tích kiến thức chuyên môn (2) và ý nghĩa của công việc đã thực tập (2)	Trình bày tương đối đầy đủ kiến thức tổng quan về đơn vị thực tập; trình bày, phân tích kiến thức chuyên môn (2) và ý nghĩa của công việc đã thực tập	Trình bày chưa đầy đủ kiến thức tổng quan về đơn vị thực tập; trình bày, phân tích kiến thức chuyên môn (2) và ý nghĩa của công việc đã

		cách sâu sắc, khoa học	tương đối sâu sắc, khoa học	(2) chưa thực sự sâu sắc và chưa thực sự khoa học	thực tập (2) sơ sài
Trả lời câu hỏi	20	Trả lời 80% - 100% nội dung trong câu hỏi. Biết vận dụng kiến thức chuyên môn vào thực tế	Trả lời 70% - 80% nội dung trong câu hỏi. Không biết vận dụng kiến thức chuyên môn vào thực tế	Trả lời chỉ đạt 50%-70% nội dung câu hỏi. Không trả lời được vấn đề liên quan.	Không trả lời được kiến thức đã học.

R11. Đánh giá giờ dạy của giáo sinh (GS) thực tập sư phạm (Dành cho GVHD thực tập)

R11.1. Tiêu chí đánh giá giờ dạy của giáo sinh

Các mặt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số %	Tốt (8,5 đ – 10đ)	Khá (7đ – 8,4đ)	Trung bình (4,0đ – 6,9đ)	Yếu (< 4,0đ)
Chuẩn bị kế hoạch bài dạy, thiết bị dạy học	Xác định rõ ràng, đầy đủ yêu cầu cần đạt của bài học	15	Trình bày được yêu cầu cần đạt của bài học rõ ràng, cụ thể, đầy đủ theo CTGDPT. Sử dụng các động từ có thể quan sát và đo lường được để viết YCCĐ cho bài học	Trình bày được YCCĐ bài học cụ thể, đầy đủ theo CTGDPT. Tuy nhiên, một số YCCĐ chưa thực sự rõ ràng. Sử dụng các động từ có thể quan sát và đo lường được để viết YCCĐ của bài học	Trình bày được YCCĐ của bài học theo CTGDPT, song chưa rõ, còn thiếu. Sử dụng các động từ đo lường được khi viết YCCĐ cho bài học.	Trình bày YCCĐ của bài học không rõ, chung chung, không theo CTGDPT hoặc thiếu những mục tiêu quan trọng. Sử dụng các động từ không đo được để viết các mục tiêu bài học

	Chuẩn bị Kế hoạch bài dạy		Kế hoạch bài dạy thể hiện đầy đủ các nội dung, đảm bảo tính khoa học, thể hiện rõ logic tiến trình các hoạt động của GV và HS. Trình bày giáo án logic, ngắn gọn, rõ ràng, có dự tính trước các tình huống	Kế hoạch bài dạy đảm bảo tính khoa học, thể hiện được tiến trình các hoạt động của GV và HS, trình bày logic nhưng chưa dự tính được các tình huống	Kế hoạch bài dạy đảm bảo tính khoa học, thể hiện được tiến trình các hoạt động của GV và HS, nhưng trình bày chưa logic, chưa dự tính được các tình huống	Kế hoạch bài dạy sơ sài, không logic, thiếu tiến trình các hoạt động của GV và HS. Kế hoạch bài dạy trình bày cầu thả.
	Chuẩn bị đầy đủ phương tiện/thiết bị dạy học (bao gồm cả học liệu)		Chuẩn bị đầy đủ phương tiện/thiết bị dạy học và học liệu phù hợp với nội dung dạy học và hình thức dạy học.	Chuẩn bị đầy đủ phương tiện/thiết bị dạy học nhưng một số phương tiện/thiết bị dạy học và học liệu chưa thực sự phù hợp với nội dung bài học	Chuẩn bị đầy đủ phương tiện/thiết bị dạy học, học liệu nhưng chưa đầy đủ hoặc chưa phù hợp với nội dung bài học.	Không chuẩn bị phương tiện/thiết bị dạy học, hoặc có nhưng cầu thả, không có học liệu hoặc học liệu không phù hợp với nội dung bài học
Nội dung giờ dạy	Đảm bảo tính chính xác, logic, khoa học, làm rõ	20	Đảm bảo chính xác các khái niệm, thuật ngữ khoa học; các đơn vị kiến thức trọng	Đảm bảo tính chính xác, logic, khoa học, cơ bản làm rõ được trọng tâm nhưng đôi	Đảm bảo chính xác các khái niệm, thuật ngữ khoa học, các đơn vị kiến thức, kĩ	Các khái niệm, thuật ngữ khoa học có nội dung không chuẩn xác; không xác định

được trọng tâm		tâm của bài học	chỗ còn lan man	năng chưa được sắp xếp logic hoặc chưa xác định được kiến thức trọng tâm	được kiến thức trọng tâm.
Đảm bảo mức độ phân hoá, phù hợp với khả năng của học sinh		Đảm bảo phân hoá theo trình độ học sinh trong lớp học: nội dung kiến thức, kỹ năng chuẩn; Nội dung kiến thức, kỹ năng nâng cao dành cho HS khá, giỏi. Có biện pháp hỗ trợ học sinh yếu	Đảm bảo phân hoá theo trình độ học sinh trong lớp học, tuy nhiên mức độ phân hoá không đồng đều giữa các thành phần về kiến thức, kỹ năng.	Các nội dung kiến thức, kỹ năng dành cho các đối tượng học sinh yếu hoặc học sinh khá, giỏi trong lớp không rõ ràng.	Không có sự phân hoá các nội dung kiến thức, kỹ năng dành cho các đối tượng khác nhau trong lớp học
Liên hệ thực tế, cập nhật kiến thức		Nội dung kiến thức được cập nhật, đảm bảo tính hiện đại, thời sự và các ví dụ xuất phát từ thực tế hoặc có liên hệ ứng dụng thực tế	Nội dung kiến thức được cập nhật, đảm bảo tính hiện đại, thời sự. Lấy được các ví dụ liên hệ thực tế song chưa thật tiêu biểu.	Nội dung kiến thức được cập nhật, tuy nhiên chưa đảm bảo được tính hiện đại, thời sự. Lấy được các ví dụ liên hệ thực tế song chưa thật tiêu biểu	Nội dung kiến thức không được cập nhật, không liên hệ với thực tế.
Tích hợp được các nội dung giáo dục (giá trị, kỹ		Nội dung kiến thức có tích hợp một cách hợp lý các ví dụ, câu	Nội dung kiến thức có tích hợp một cách hợp lý các ví dụ, câu	Nội dung kiến thức có lồng ghép các nội dung giáo dục đạo	Nội dung kiến thức không toàn diện, kiến thức môn học,

	năng sống, hứng thú, niềm tin ...)		chuyện, bài học đạo đức, giáo dục giá trị sống, kỹ năng sống, nuôi dưỡng hứng thú, tạo niềm tin... có sức hấp dẫn HS	chuyện, bài học đạo đức, giáo dục giá trị sống, kỹ năng sống, nhưng chưa thực sự tiêu biểu	đức, giá trị, kỹ năng sống, song còn sơ sài, đơn điệu... chưa thực sự hấp dẫn học sinh	không được lồng ghép các nội dung giáo dục
Phương pháp, kỹ thuật dạy học	Lựa chọn được phương pháp/ kỹ thuật dạy học phù hợp với nội dung bài học	20	Phương pháp/ kỹ thuật dạy học đa dạng, tiên tiến, phù hợp với nội dung của bài học. Học sinh dễ hiểu, tích cực tham gia.	Phương pháp/ kỹ thuật dạy học đa dạng, nhưng có lúc lạm dụng quá nhiều PP/KT dạy học	Phương pháp/ kỹ thuật dạy học đa dạng, nhưng có lúc lạm dụng, chưa thực phù hợp với nội dung bài học	Phương pháp/ kỹ thuật dạy học đơn điệu, không phù hợp với YCCĐ, nội dung bài học
	Vận dụng phương pháp/ kỹ thuật dạy học tích cực hoá người học		Vận dụng các phương pháp/ kỹ thuật dạy học một cách linh hoạt, sáng tạo, phát huy tính tích cực của học sinh, kích thích sự tranh luận, hợp tác nhóm và tư duy phê phán của học sinh	Vận dụng các phương pháp/ kỹ thuật dạy học một cách linh hoạt, nhưng chưa thực sự sáng tạo trong những tình huống cụ thể	Biết vận dụng phương pháp/ kỹ thuật vào các tình huống dạy học, nhưng chưa sáng tạo hoặc chưa kích thích được tính tích cực của HS	Phương pháp đơn điệu, không phát huy được tính tích cực học tập của học sinh.
	Sử dụng hợp lý các phương pháp thu thập thông tin		Lựa chọn được các phương pháp, hình thức đánh giá phù hợp,	Sử dụng các phương pháp, hình thức đánh giá phù hợp, nhưng chưa đa	Có sử dụng các phương pháp, hình thức đánh giá thu nhận thông tin	Không có phương pháp thu thập thông tin phản hồi về mức độ

	tin phản hồi về mức độ nhận thức của học sinh		vận dụng sáng tạo, đa dạng hoá kênh thu nhận thông tin phản hồi mức độ nhận thức của HS, để từ đó điều chỉnh phương pháp dạy học	dạng hoá kênh thu nhận thông tin phản hồi mức độ nhận thức của HS, để từ đó điều chỉnh phương pháp dạy học	phản hồi mức độ nhận thức của HS, nhưng chưa phù hợp, còn mang tính hình thức.	nhận thức của học sinh, học sinh không được đánh giá trong quá trình dạy học
	Các phương pháp, kĩ thuật, hình thức dạy học đa dạng, linh hoạt kích thích khả năng tự học		Sự phối hợp các PP/KT dạy học nhuần nhuyễn, sự thay đổi PP/KT dạy học linh hoạt dựa theo logic của bài học. Tạo cơ hội và khuyến khích học sinh phát biểu quan điểm riêng và chú trọng phát triển khả năng tự học của HS	Có sự phối hợp các PP/KT dạy học tốt, có sự thay đổi PP/KT dạy học dựa theo logic của bài học	Biết phối hợp các PP/KT dạy học nhưng chưa nhuần nhuyễn, sự thay đổi PP/KT dạy học chưa bám sát logic của bài học. Học sinh được tham gia vào các hoạt động, nhưng chưa chú trọng phát triển khả năng tự học	Phương pháp, hình thức dạy học đơn điệu, truyền thụ một chiều. Học sinh chưa tham gia vào các hoạt động học tập hoặc tham gia một cách thụ động.
Tổ chức hoạt động học tập	Sử dụng các câu hỏi/ bài tập có tính phân hoá, kích thích tư duy của học sinh	30	GV đưa ra được các câu hỏi/ bài tập có tính phân hoá phù hợp cho các nhóm học sinh (HTT, HT, CHT).	GV đưa ra được các câu hỏi/ bài tập có tính phân hoá phù hợp cho các nhóm học sinh. Tuy nhiên một số các câu	GV đưa ra được các câu hỏi/ bài tập khác nhau, ở góc độ nào đó là thích hợp cho các đối tượng, nhưng tính phân	Các câu hỏi/ bài tập mà GV đưa ra chỉ đơn thuần là ghi nhớ, học thuộc, không kích thích tư duy, không có tính

			Câu hỏi/ bài tập kích thích tư duy của học sinh, khích lệ HS suy nghĩ, tranh luận, vận dụng, xử lý các vấn đề của cá nhân/ thực tế	hỏi chưa kích thích được tư duy của học sinh	hoá chưa rõ, chưa kích thích được tư duy của học sinh.	phân hoá. Không khích lệ HS suy nghĩ
	Sử dụng thiết bị dạy học hợp lý, hiệu quả.		Thiết bị dạy học và học liệu được khai thác triệt để, sử dụng an toàn và có hiệu quả cao. HS được tạo điều kiện thao tác trên học liệu, thiết bị dạy học	Thiết bị dạy học và học liệu được khai thác triệt để, sử dụng an toàn và có hiệu quả cao. Tuy nhiên, học sinh ít được thao tác trên thiết bị dạy học và học liệu.	Thiết bị dạy học và học liệu được khai thác, sử dụng an toàn, hiệu quả. Học sinh không được thao tác trên thiết bị dạy học và học liệu.	Sử dụng thiết bị dạy học, học liệu không hợp lý, kém hiệu quả
	Đảm bảo thời gian tiết học và phân bố thời gian hợp lý cho các hoạt động		Đảm bảo thời gian tiết học và phân bố thời gian cho các hoạt động hợp lý. Luôn chủ động, sử dụng thời gian cho từng hoạt động thực sự hợp lý, hiệu quả.	Đảm bảo thời gian tiết học và phân bố thời gian cho các hoạt động hợp lý. Tuy nhiên chưa chủ động điều chỉnh thời gian theo thực tế hoạt động.	Đảm bảo thời gian tiết học. Tuy nhiên, thời gian phân bố cho các hoạt động chưa thật sự hợp lý hoặc chưa hiệu quả. Chưa chủ động điều chỉnh thời gian theo thực tế hoạt động	Không đảm bảo thời gian tiết học. Việc phân bố thời gian cho các hoạt động không hợp lý, sử dụng thời gian phân bố kém hiệu quả
	Môi trường học tập thân thiện, GV		Xây dựng được môi trường học	Xây dựng được môi trường học	Xây dựng được môi trường học tập hợp tác,	Chưa chú ý xây dựng được môi trường học tập thân thiện, hợp

	xử lý linh hoạt các tình huống sư phạm trong giờ học		tập thân thiện, hợp tác, thuận lợi, an toàn và lành mạnh. Tôn trọng các ý kiến của HS. Xử lý các tình huống trong giờ học hợp lý, đảm bảo tính sư phạm	tập thân thiện, hợp tác, thuận lợi, an toàn và lành mạnh. Tôn trọng các ý kiến của HS. Xử lý một số tình huống trong giờ học chưa thực sự hợp lý, tính sư phạm chưa rõ	thân thiện thuận lợi cho HS hoạt động. Tuy nhiên chưa động viên khích lệ được HS tham gia các hoạt động. Xử lý các tình huống trong giờ học chưa thật hợp lý, tính sư phạm chưa rõ	tác, thuận lợi cho các học tập của HS. Xử lý các tình huống trong giờ học không hợp lý, thiếu tính sư phạm
	Học sinh được nhận xét, đánh giá, sửa lỗi kịp thời		Học sinh được nhận xét, đánh giá theo hướng tích cực: HS cảm nhận không bị áp đặt, được tôn trọng, không sợ sai khi nói ra, HS cảm thấy mình có giá trị. GV phát hiện lỗi của HS để sửa lỗi cho cả lớp một cách kịp thời	Phần lớn Học sinh được nhận xét, đánh giá theo hướng tích cực.	HS được nhận xét, đánh giá nhưng chưa theo hướng tích cực. GV chưa biết phân tích lỗi của HS để sửa lỗi kịp thời cho cả lớp.	HS không được nhận xét, đánh giá, sửa lỗi kịp thời.
	Học sinh được hướng dẫn và hiểu rõ nhiệm vụ, chủ động trong các		HS được hướng dẫn, hiểu rõ các nhiệm vụ học tập, tích cực chủ động chọn lựa	HS được hướng dẫn, hiểu rõ nhiệm vụ, nhưng còn một bộ phận nhỏ HS chưa chủ động trong	HS được hướng dẫn, hiểu rõ nhiệm vụ, nhưng còn một bộ phận đáng kể HS chưa chủ động	HS không được hướng dẫn, không hiểu rõ nhiệm vụ, đa số HS thụ động trong các

	hoạt động học tập		phương pháp phù hợp với từng nội dung học tập. Hầu hết học sinh thể hiện tính chủ động.	các hoạt động học tập.	trong các hoạt động học tập.	hoạt động học tập
Kết quả giờ dạy	Học sinh thể hiện đạt được mục tiêu của giờ học/bài học	15	Trên 80% HS trong lớp đều đạt được mục tiêu bài học đó đặt ra: thể hiện ở khả năng nắm vững, làm chủ được các kiến thức, kĩ năng của bài học và có thái độ tích cực. HS có khả năng thể hiện hoặc trình bày được kết quả học tập một cách tự tin	Có khoảng 71 - 85% HS trong lớp đều đạt được mục tiêu bài học đó đặt ra: thể hiện ở khả năng nắm vững, làm chủ được các kiến thức, kĩ năng của bài học và có thái độ tích cực. HS có khả năng thể hiện hoặc trình bày được kết quả học tập một cách tự tin	50 – 70% HS đạt được mục tiêu giờ học (về kiến thức, kĩ năng, thái độ) ở mức trung bình. Vẫn còn một số HS chưa đạt được mục tiêu đề ra.	Trên 50% HS trong lớp không đạt được mục tiêu bài học đó đặt ra về kiến thức, kĩ năng và thái độ.
	HS vận dụng được kiến thức, kĩ năng vào tình huống cụ thể, biết liên hệ thực tế		Hầu hết HS vận dụng được kiến thức, kĩ năng vào xử lý các bài tập/ câu hỏi/ tình huống GV đưa ra một cách thành thạo và lấy được các ví	Có khoảng 70 - 80%HS vận dụng được kiến thức, kĩ năng vào xử lý các bài tập/ câu hỏi/tình huống GV đưa ra. Vẫn còn một bộ phận đáng kể	Ít nhất khoảng 50% HS vận dụng được kiến thức, kĩ năng vào xử lý các bài tập/ câu hỏi/tình huống GV đưa ra. Vẫn còn một bộ phận đáng kể	Đa số HS chưa biết vận dụng kiến thức vào xử lý các bài tập/ câu hỏi/ tình huống GV đưa ra và hầu hết HS

			dự liên hệ thực tế.	HS cảm thấy khó khăn hoặc chưa biết liên hệ thực tế	HS cảm thấy khó khăn hoặc chưa biết liên hệ thực tế	không biết liên hệ thực tế.
	HS hứng thú, tự tin, tích cực tương tác trong quá trình học tập		Hầu hết HS đều thể hiện hứng thú, sự tự tin và chủ động tích cực tương tác trong quá trình học tập.	Có khoảng 70 - 80% HS thể hiện hứng thú, sự tự tin và tích cực tương tác trong quá trình học tập.	Ít nhất có khoảng 50% HS thể hiện hứng thú, sự tự tin và tích cực tương tác trong quá trình học tập.	Đa số học sinh làm việc thụ động một chiều (nghe giảng và ghi chép một chiều).

R11.2. Đánh giá giờ dạy của giáo sinh (Dành cho GVHD)

Tiêu chí ĐG	Mức D (4-5,4)	Mức C (5,5 – 6,9)	Mức B (7,0-8,4)	Mức A (8,5-10)
Cách thức truyền tải (20%)	- Không có giao tiếp bằng mắt với người nghe, toàn bộ báo cáo được đọc từ trong ghi chú. - Trình bày nhỏ và chỉ có một tông giọng, khiến khán giả mất hứng thú.	- Ít dung giao tiếp bằng mắt với người nghe, chủ yếu đọc từ trong ghi chú - Trình bày với âm thanh nhỏ và ít hoặc không có nhấn nhá.	- Thường xuyên sử dụng giao tiếp bằng mắt trực tiếp với khán giả, nhưng vẫn còn nhìn vào ghi chú - Trình bày với âm lượng và nhấn nhá vừa đủ thỏa mãn.	- Thường xuyên sử dụng giao tiếp bằng mắt trực tiếp với khán giả, nhưng vẫn còn nhìn vào ghi chú - Trình bày với âm lượng và nhấn nhá vừa đủ thỏa mãn.
Nội dung/Cách tổ chức (20%)	- Không nắm bắt được thông tin và không thể trả lời các câu hỏi về chủ đề - Không xác định rõ chủ đề	- Đưa ra các thông tin không thích hợp và chỉ có thể trả lời được những câu hỏi căn bản	- Dễ dàng trả lời được tất cả các câu hỏi, nhưng không tỉ mỉ. - Đưa ra những mục đích và chủ đề rõ	- Thể hiện đầy đủ kiến thức bằng cách trả lời tất cả các câu hỏi trong lớp với lời giải thích và tỉ mỉ

	và mục đích; cung cấp sự hỗ trợ yếu hoặc không có chủ đề; không hỗ trợ đầy đủ cho các ý tưởng hoặc kết luận	- Cố gắng định nghĩa mục đích và chủ đề; cung cấp những ví dụ yếu, sự kiện, thống kê, nhưng không hỗ trợ đầy đủ cho chủ đề; bao gồm rất ít dữ liệu hoặc minh chứng	ràng; một vài ví dụ, sự kiện, vài thống kê để hỗ trợ cho chủ đề; bao gồm vài dữ liệu hoặc minh chứng để hỗ trợ cho kết luận	- Cung cấp mục đích và chủ đề rõ ràng, các ví dụ thích hợp, sự kiện, số liệu thống kê; hỗ trợ cho các kết luận / ý tưởng với các minh chứng
Sự nhiệt tình / Nhận thức của HS (20%)	- Không quan tâm đến chủ đề được trình bày - Không thể tăng cường hiểu biết của khán giả về kiến thức chủ đề	- Thể hiện cảm xúc ít hoặc lẫn lộn về chủ đề đang được trình bày - Nâng cao sự hiểu biết của khán giả và kiến thức về một số điểm	- Thể hiện một ít cảm giác hứng thú về chủ đề - Nâng cao sự hiểu biết của khán giả và nhận thức về hầu hết các điểm	- Thể hiện sự hứng thú mạnh mẽ về chủ đề trong suốt quá trình trình bày - Tăng đáng kể sự hiểu biết của khán giả và kiến thức về chủ đề; thuyết phục khán giả nhận ra giá trị và tầm quan trọng của chủ đề
Slides (20%)	Ít phương tiện trực quan nhưng không rõ ràng và chất lượng thấp, không rõ nội dung trình bày hoặc không có phương tiện trực quan	Đủ các phương tiện trực quan cơ bản	Phân phối thích hợp giữa hình ảnh và video	Giải thích rõ ràng với các hình ảnh rõ ràng

Quản lí thời gian (20%)	- Thời gian trình bày dài hơn hoặc ngắn hơn 20 - 40 % - Không có sự phân bố thời gian hợp lí giữa các phần.	Thời gian trình bày dài hơn hoặc ngắn hơn 10 - 20%	Thời gian trình bày dài hơn hoặc ngắn hơn 5 - 10%	- Phân bố thời gian hợp lí giữa các phần - Tuân theo thời gian được đặt ra
-------------------------	--	--	---	---

R12. Đánh giá bài tập về nhà do cá nhân thực hiện

Tiêu chí ĐG	Mức D (4-5,4)	Mức C (5,5 – 6,9)	Mức B (7,0-8,4)	Mức A (8,5-10)
Số lượng bài tập (40%)	Thiếu từ 5/10 số lượng bài tập	Thiếu từ 4/10 số lượng bài tập	Thiếu từ 3/10 số lượng bài tập	Thiếu từ 1/10 số lượng bài tập.
Cách giải (60%)	Chính xác dưới 50%	Chính xác từ 50% - 60%	Chính xác từ 70%- 89%	Chính xác từ 90% trở lên

R13. Ma trận đề thi tự luận của học phần

Chương	CĐR của học phần	Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Tổng
1	CLO1..... CLO2.....	Câu số Số điểm				
2	CLO3....		Câu số Số điểm			
3	CLO4....				Câu số Số điểm	

4	CLO5....			Câu số Số điểm		
..						
	Tổng					10

Phần IV. CHUẨN ĐẦU RA VÀ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

4.1 Ma trận kỹ năng

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KHOA: GIÁO DỤC TIỂU HỌC			CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc PHÂN BỐ TRÌNH TỰ GIẢNG DẠY THEO CHỦ ĐỀ CHUẨN ĐẦU RA – CHƯƠNG TRÌNH GDTH																																
đề n môt trong các mức L, R, M hoặc chữ a tổng (nếu u không có sự liên hệ) và đ ã n A vào ở tư ngữ ng																																			
ST T	Học kỳ	Tên học phần (Liệt kê tất cả các học phần theo thứ tự từ năm 1 đến năm cuối)	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)																											Đóng góp của học phần					Đối sánh với mẫu 4
			PLO1		PLO2				PLO3		PLO4				PLO5			PLO6		PLO7			PLO8			PLO9									
			PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI2.3	PI2.4	PI3.1	PI3.2	PI4.1	PI4.2	PI4.3	PI4.4	PI5.1	PI5.2	PI5.3	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2	PI7.3	PI8.1	PI8.2	PI8.3	PI9.1	PI9.2	PI9.3	L	R	M	Tổng PI	A	Tổng PI	
▼	▼	▼	▼	▼	▼	▼	▼	▼	▼	▼	▼	▼	▼	▼	▼	▼	▼	▼	▼	▼	▼	▼	▼	▼	▼	▼	▼	▼	▼	▼	▼	▼	▼	▼	
1	1	Nhập môn Giáo dục Tiểu học	I															R								M,A				1	1	1	3	1	3
2		Tâm lý học Sư phạm tiểu học	I	R									M,A																1	1	1	3	1	3	
3		Giáo dục học tiểu học									M,A		R,A	R												I			1	2	1	4	2	4	
4		Cơ sở Toán học 1 của việc dạy học toán tiểu học	M,A				I																					1	0	1	2	1	2		
5		Cơ sở Việt ngữ 1 của việc dạy học tiếng Việt tiểu học	M,A				I																					1	0	1	2	1	2		
6		Văn học thiếu nhi	M,A																						I			1	0	1	2	1	2		
7		Giáo dục thể chất 1																										0	0	0	0	0	0		
8	2	Triết học Mác – Lênin	I																M,A							R		1	1	1	3	1	3		
9		Tin học đại cương	I								M,A																	1	0	1	2	1	2		
10		Cơ sở Toán học 2 của việc dạy học toán tiểu học	M,A				I																					1	0	1	2	1	2		
11		Cơ sở Việt ngữ 2 của việc dạy học tiếng Việt tiểu học	M,A				I																					1	0	1	2	1	2		
12		Thực hành tổ chức hoạt động giáo dục									I	M,A	R,A	M,A														1	1	2	4	3	4		
13		Cơ sở văn hóa Việt Nam	R																				M,A					0	1	1	2	1	2		
14		Giáo dục thể chất 2																										0	0	0	0	0	0		
15	Giáo dục quốc phòng																										0	0	0	0	0	0			
16	3	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	I																R,A									1	1	0	2	1	2		
17		Pháp luật đại cương	R,A																	M								0	1	1	2	1	2		
18		Xác suất và Thống kê trong giáo dục tiểu học	R													M,A					I							1	1	1	3	1	3		
19		Sinh lý học trẻ em	R,A																					I				1	1	0	2	1	2		
20		Cơ sở Khoa học Tự nhiên ở tiểu học	M,A																					I				1	0	1	2	1	2		
21		Giáo dục kỹ năng sống trong dạy học ở tiểu học																			I		M,A					1	0	1	2	1	2		
22		Tiếng Việt thực hành ở tiểu học	I																					M,A				1	0	1	2	1	2		

ST T	Học kỳ	Tên học phần (Liệt kê tất cả các học phần theo thứ tự từ năm 1 đến năm cuối)	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)																											Đóng góp của học phần					Đối sánh với mẫu 4
			PLO1		PLO2				PLO3		PLO4				PLO5			PLO6		PLO7			PLO8			PLO9									
			PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI2.3	PI2.4	PI3.1	PI3.2	PI4.1	PI4.2	PI4.3	PI4.4	PI5.1	PI5.2	PI5.3	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2	PI7.3	PI8.1	PI8.2	PI8.3	PI9.1	PI9.2	PI9.3	I	R	M	Tổng PI	A	Tổng PI	
▼	▼		▼	▼	▼	▼	▼	▼	▼	▼	▼	▼	▼	▼	▼	▼	▼	▼	▼	▼	▼	▼	▼	▼	▼	▼	▼	▼	▼	▼	▼	▼	▼	▼	
23		Giáo dục thể chất 3																											0	0	0	0	0	0	
28		Chủ nghĩa xã hội khoa học	R																	M,A									0	1	1	2	1	2	
29		Từ Hán Việt và việc dạy từ Hán Việt ở tiểu học		M,A																			I						1	0	1	2	1	2	
30		Phương pháp dạy học tiếng Việt 1 ở tiểu học		I	M,A	M										R,A													1	1	2	4	2	4	
31	4	Phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành Giáo dục Tiểu học	I												R,A	M,A	M,A			M	R,A						M,A	1	2	4	7	5	7		
32		Tổ chức hoạt động cảm thụ văn học cho học sinh tiểu học		M,A		I																							1	0	1	2	1	2	
33		Rèn luyện kĩ năng sư phạm 1 ở tiểu học						R,A													R,A								0	2	0	2	2	2	
34		Giáo dục thể chất 4																											0	0	0	0	0	0	
38		Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	R,A																	I									1	1	0	2	1	2	
39		Phương pháp dạy học toán tiểu học		M	I	M,A											R,A												1	1	2	4	2	4	
40		Cơ sở Khoa học Xã hội ở tiểu học	R,A																					I					1	1	0	2	1	2	
41	5	Đạo đức và phương pháp giáo dục đạo đức ở tiểu học				M,A																	I						1	0	1	2	1	2	
42		Phát triển chương trình môn học ở trường tiểu học						M,A								R,A													0	1	1	2	2	2	
43		Rèn luyện kĩ năng sư phạm 2 ở tiểu học			I	R												M,A											1	1	1	3	1	3	
47		Tư tưởng Hồ Chí Minh	I																							M,A			1	0	1	2	1	2	
48		Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học tiểu học				R			M,A																				0	1	1	2	1	2	
49		Tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh tiểu học		I		M,A																							1	0	1	2	1	2	
50		Phương pháp dạy học tiếng Việt 2 ở tiểu học		R	M	M,A																							0	1	2	3	1	3	
51		Phương pháp dạy học tự nhiên - xã hội ở tiểu học		R	M	M,A																							0	1	2	3	1	3	
52		Trình bày dạy học toán phát triển phẩm chất, năng lực học sinh tiểu học		M,A	M		M,A											I			R,A								1	1	3	5	3	5	
55		Quản lý nhà nước về giáo dục	I															M,A									R,A	1	1	1	3	2	3	3	
56		Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập ở tiểu học		I			M,A																						1	0	1	2	1	2	

ST T	Học kỳ	Tên học phần (Liệt kê tất cả các học phần theo thứ tự từ năm 1 đến năm cuối)	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)																											Đóng góp của học phần					Đối sánh với mẫu 4
			PLO1			PLO2				PLO3		PLO4				PLO5			PLO6		PLO7			PLO8			PLO9								
			PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI2.3	PI2.4	PI3.1	PI3.2	PI4.1	PI4.2	PI4.3	PI4.4	PI5.1	PI5.2	PI5.3	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2	PI7.3	PI8.1	PI8.2	PI8.3	PI9.1	PI9.2	PI9.3	I	R	M	Tổng PI	A		
▼	▼		▼	▼	▼	▼	▼	▼	▼	▼	▼	▼	▼	▼	▼	▼	▼	▼	▼	▼	▼	▼	▼	▼	▼	▼	▼	▼	▼	▼	▼	▼	▼		
57	7	Giáo dục môi trường cho học sinh tiểu học	M,A																		R							0	1	1	2	1	2		
58		Thực hành giải toán tiểu học		R		M,A															I							1	1	1	3	1	3		
59		Giáo tiếp sư phạm của người giáo viên tiểu học	I								R												M,A	M,A		R,A			1	2	2	5	3	5	
60		Giáo dục hòa nhập ở trường tiểu học									R,A	M,A	I	I															2	1	1	4	2	4	
61	8	Kiến tập sư phạm		R	R,A						R	R		M,A												R,A		R,A	0	6	2	8	4	8	
64		Thực tập sư phạm		R	R,A	R,A								R,A					M,A							R,A		R,A	R,A	0	7	1	8	7	8
Tổng hợp số lượng học phần theo các mức độ đóng góp																																			
Mức I			10	3	2	5	0	0	0	0	1	0	1	1	0	0	0	1	0	2	2	0	1	2	3	1	0	0							
Mức R			7	6	2	3	0	1	0	0	3	1	3	1	2	1	0	1	1	1	2	2	0	0	2	2	2	2							
Mức M			7	4	4	7	2	1	2	0	1	3	0	2	0	1	2	1	2	4	0	2	2	2	0	2	0	1							
HP đóng góp			24	13	8	15	2	2	2	0	5	4	4	4	2	2	2	3	3	7	4	4	3	4	5	5	2	3							
HP đánh giá PI			11	3	3	7	2	2	2	0	2	3	3	2	2	2	2	2	2	3	2	2	2	2	2	3	2	3							
HP đánh giá PLO			14			14			2			10		6		4		7		6		8													
Ghi chú: o đánh giá mức độ đóng góp, I là tự do các học phần vào về đóng góp của chuẩn đầu ra của CTĐT T theo một trong ba mức: I (Introduced), R (Reinforced), M (Mastered).																																			
- I (Introduced): Học phần có thể tự do đóng góp của chuẩn đầu ra của CTĐT T với mức độ thấp nhất của học phần này, người học có thể nhận được học phần này thông qua hình thức học tập, thực hành, thực nghiệm, thực tế,...																																			
- R (Reinforced): Học phần có thể tự do đóng góp của chuẩn đầu ra của CTĐT T với mức độ trung bình của học phần này, người học có thể nhận được học phần này thông qua hình thức học tập, thực hành, thực nghiệm, thực tế,...																																			
- M (Mastered): Học phần có thể tự do đóng góp của chuẩn đầu ra của CTĐT T với mức độ cao nhất của học phần này, người học có thể nhận được học phần này thông qua hình thức học tập, thực hành, thực nghiệm, thực tế,...																																			
- A (Assessed): Học phần quan trọng (tự do đóng góp của chuẩn đầu ra của CTĐT T) hoặc có thể đóng góp của chuẩn đầu ra của CTĐT T.																																			
PI3.2: sẽ được đánh giá qua kỳ thi chuẩn hóa, chứng chỉ ngoại ngữ																																			

Cây chương trình đào tạo ngành Giáo dục Tiểu học.

Tiểu học.



4.2. Tóm tắt nội dung các học phần

TT	Tên học phần	TC	Học phần HT/TQ/SH	Tóm tắt học phần
1	Triết học Mác - Lênin	3	21231902	Học phần Triết học Mác - Lênin là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức đại cương trong chương trình; cung cấp những hiểu biết có tính căn bản, hệ thống về triết học Mác-Lênin; xây dựng thế giới quan và phương pháp luận biện chứng duy vật làm nền tảng lý luận cho việc nhận thức các vấn đề, nội dung các môn học khác; giúp người học nhận thức được thực chất giá trị, bản chất khoa học, cách mạng của triết học Mác – Lênin. Nội dung của học phần được cấu trúc gồm 3 chương. Chương 1 Khái luận về triết học và triết học Mác – Lênin. Chương 2, chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3, chủ nghĩa duy vật lịch sử.
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	21321901	Kinh tế Chính trị Mác-Lênin là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức đại cương trong chương trình đào tạo. Nội dung của học phần gồm 6 chương, được kết cấu thành 2 phần chính: Một là, nghiên cứu các vấn đề kinh tế chính trị của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa trong cả hai giai đoạn là tự do cạnh tranh và giai đoạn độc quyền. Hai là, nghiên cứu các vấn đề về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam
33	Chủ nghĩa xã hội khoa học			Chủ nghĩa xã hội khoa học là một trong ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác – Lênin và là môn học bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại

				cương trong chương trình đào tạo ngành Giáo dục chính trị. Môn học khái quát về quá trình ra đời, phát triển của chủ nghĩa xã hội khoa học, làm rõ những nội dung cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học, gồm: Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ; Dân chủ và Nhà nước xã hội chủ nghĩa; Cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ; Vấn đề dân tộc, Tôn giáo, Gia đình trong chủ nghĩa xã hội.
44	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	21221903	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo ngành Giáo dục Chính trị. Nội dung chủ yếu của học phần bao gồm những kiến thức cơ bản, có hệ thống về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1920 – 1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930 – 1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 – 1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (từ năm 1975 cho đến hiện nay).
55	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	21221903	Tư tưởng Hồ Chí Minh là học phần bắt buộc, khối kiến thức đại cương cung cấp những kiến thức cơ bản về tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh với ý nghĩa là sự vận dụng sáng tạo lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể

				Việt Nam, đồng thời là cơ sở lý luận trực tiếp trong việc hoạch định đường lối cách mạng Việt Nam từ 1930 đến nay. Học phần này giúp sinh viên hiểu được một cách tương đối đầy đủ và có hệ thống về bối cảnh lịch sử - xã hội, cơ sở hình thành, phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh; Các nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về: Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, Về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế, Về văn hóa, đạo đức, con người.
66	Tin học đại cương	2		Học phần Tin học đại cương được học ở năm thứ nhất đối với tất cả sinh viên các chuyên ngành không chuyên tin học. Học phần Tin học đại cương củng cố và cung cấp các kiến thức, kỹ năng sử dụng máy tính, các công nghệ hiện đại và internet phức tạp hơn so với các kiến thức, kỹ năng đã được học ở chương trình phổ thông. Hơn nữa, học phần đi sâu vào một số tính năng nâng cao của ba phần mềm thuộc bộ Microft Office là Word, Excel và Powerpoint. Học phần này dành cho tất cả sinh viên của trường Đại học Sư phạm, trừ sinh viên ngành Công nghệ thông tin và Sư phạm Tin học.
77	Pháp luật đại cương	2		Pháp luật đại cương là môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo của tất cả các ngành

				học. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Nhà nước và pháp luật như: Nguồn gốc bản chất, chức năng, vai trò, hình thức, đặc trưng của Nhà nước và pháp luật; về quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, hệ thống pháp luật, ý thức pháp luật, thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật, trách nhiệm pháp lý, pháp chế xã hội chủ nghĩa. Đồng thời giới thiệu một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam như: Luật Dân sự, Luật Hình sự, Luật Hành chính.
88	Cơ sở văn hóa Việt Nam	22		<i>Cơ sở văn hóa Việt Nam</i> là môn học đại cương về văn hóa Việt Nam, cung cấp một cái nhìn toàn diện về khái niệm văn hóa học và văn hóa Việt Nam, hệ thống các thành tố văn hóa Việt Nam và những đặc trưng của chúng, tính thống nhất và đa dạng của văn hóa Việt Nam.
99	Tiếng Việt thực hành ở tiểu học	2		<i>Tiếng Việt thực hành ở tiểu học</i> là môn khoa học ngôn ngữ cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quát về tiếng Việt và các kỹ năng thực hành văn bản tiếng Việt. Môn học tập trung vào việc giúp sinh viên rèn luyện các kỹ năng về thực hành tiếng Việt theo các nhóm vấn đề chính: Chính tả; Dùng từ; Đặt câu; Viết đoạn văn; Xây dựng văn bản. Học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành được thiết kế dành cho sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học.

110	Cơ sở Việt ngữ 1 của việc dạy học tiếng Việt tiểu học	3		<i>Cơ sở Việt ngữ 1 của việc dạy học tiếng Việt tiểu học</i> là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ và hệ thống tiếng Việt hiện đại, bao gồm các nội dung: Đại cương về ngôn ngữ và tiếng Việt (ngôn ngữ và ngôn ngữ học, bản chất và chức năng của ngôn ngữ, nguồn gốc và sự phát triển của ngôn ngữ, phân loại ngôn ngữ, nguồn gốc và quá trình phát triển của tiếng Việt); Ngữ âm tiếng Việt hiện đại (âm tiết, hệ thống âm vị và chữ viết tiếng Việt); Từ vựng - ngữ nghĩa tiếng Việt (đặc điểm, cấu tạo từ tiếng Việt; các lớp từ xét trên bình diện: cấu tạo, ngữ nghĩa, nguồn gốc).
111	Cơ sở Việt ngữ 2 của việc dạy học tiếng Việt tiểu học	3	32231028	<i>Cơ sở Việt ngữ 2 của việc dạy học tiếng Việt tiểu học</i> là một học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngữ pháp và phong cách học tiếng Việt, các phương tiện và biện pháp tu từ tiếng Việt. Học phần này tạo điều kiện để sinh viên phát triển các kỹ năng sử dụng đúng từ loại, cụm từ, câu trong ngữ cảnh cụ thể; viết câu, đoạn văn, văn bản đúng và hay; có kỹ năng phân tích phong cách ngôn ngữ tác phẩm, ứng dụng viết các thể loại văn bản thuộc các phong cách khác nhau và đặc biệt biết ứng dụng trong dạy học Tiếng Việt ở tiểu

				học.
112	Cơ sở Toán học 1 của việc dạy học toán tiểu học	3		Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lí thuyết tập hợp: khái niệm, tính chất, phép toán, quan hệ hai ngôi, ánh xạ; logic toán: khái niệm, tính chất về mệnh đề, các phép toán trên mệnh đề; hàm mệnh đề, công thức, luật và qui tắc suy luận và ứng dụng để trình bày, diễn đạt, cách lập luận chặt chẽ, phát triển tư duy logic trong quá trình dạy môn toán ở cấp tiểu học; những kiến thức cơ bản về các yếu tố hình học ở Tiểu học: hệ thống các tiên đề, khái niệm hình học cơ bản, định nghĩa hình phẳng, hình không gian, quan hệ giữa các hình hình học và các bài toán về xác định hình học. Qua đó giúp sinh viên hiểu rõ cơ sở của việc dạy học toán ở tiểu học đồng thời nâng cao năng lực dạy học môn Toán ở tiểu học.
113	Cơ sở Toán học 2 của việc dạy học toán tiểu học	3	32231015	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cấu trúc đại số: nửa nhóm, vị nhóm, nhóm, vành, miền nguyên, trường; xây dựng hệ thống số: tập hợp số tự nhiên $\mathbb{N}$, tập hợp số nguyên $\mathbb{Z}$, tập hợp số hữu tỉ $\mathbb{Q}$, tập hợp số thực $\mathbb{R}$, tập hợp số phức $\mathbb{C}$. Những nội dung này giúp sinh viên hiểu rõ hơn về cấu trúc của các tập hợp số và cơ sở toán học của việc dạy học toán tiểu học, từ đó giúp sinh viên nâng cao năng lực dạy học môn Toán ở tiểu học.

114	Sinh lí học trẻ em	2		Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về cấu tạo cơ thể con người ở mức đại thể theo phương pháp hệ thống và các quá trình sống trong cơ thể nhằm tìm hiểu và giải thích những cơ chế điều hòa và tự điều hòa các quá trình sống để duy trì sự cân bằng, thích nghi, tồn tại và phát triển của hệ thống sống. Người học có thể vận dụng kiến thức môn học vào việc bảo vệ cơ thể.
115	Xác suất và Thống kê trong giáo dục tiểu học	2		Học phần trang bị cho sinh viên các tri thức về xác suất và thống kê, đặc biệt các tri thức về thống kê. Từ đó vận dụng vào dạy học ở tiểu học và nghiên cứu, dự đoán trong khoa học giáo dục nói chung và giáo dục học sinh tiểu học nói riêng. Đồng thời là cơ sở lí luận, là công cụ hữu hiệu để xử lí số liệu thống kê trong các hoạt động nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng ở các trường tiểu học.
116	Giáo dục giới tính và phương pháp giáo dục giới tính	2		Học phần gồm 10 bài học được thiết kế trên đĩa CDrom, lần lượt chuyển tải các nội dung giảng dạy về quyền và sức khỏe tình dục bao gồm các vấn đề về tâm sinh lý lứa tuổi, tình bạn, tình yêu, tình dục, sự mang thai, các nguy cơ lây nhiễm qua đường tình dục, biết bảo vệ bản thân tránh được sự xâm hại, quấy rối tình dục, hiểu rõ về giới và các quyền có liên quan đến giới, đặc biệt thể hiện qua các hành vi tình dục và cuối cùng nhằm hướng dẫn sinh viên biết tự đưa ra những quyết

				định của bản thân khi đối diện trước những tình huống thường gặp trong tuổi sinh viên.
117	Kỹ năng tham vấn học đường	22	32041729	Học phần Kỹ năng tham vấn học đường cung cấp các kiến thức và rèn luyện cho sinh viên những kỹ năng cơ bản trong tham vấn tâm lý trong nhà trường tiểu học. Nội dung của học phần gồm: Những vấn đề chung về tham vấn học đường; Yêu cầu về kiến thức, kỹ năng và phẩm chất đạo đức đối với người giáo viên làm công tác tham vấn học đường trong trường tiểu học; Học sinh tiểu học và các nan đề cần được tham vấn; Các loại hình và quy trình tham vấn; Một số kỹ năng tham vấn học đường cơ bản.
118	Tin học chuyên ngành	22	31221885	Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ năng khai thác và ứng dụng các công nghệ tiên tiến, hiện đại của công nghệ thông tin trong giảng dạy và nghiên cứu. Học phần giúp người học đạt chuẩn năng lực công nghệ thông tin cần thiết đối với sinh viên ngành Sư phạm Giáo dục Tiểu học khi ra trường như các mô hình tiếp cận áp dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy; cách thiết kế và xây dựng trang web, trang cá nhân phục vụ dạy học; thiết kế phiếu khảo sát, bài trắc nghiệm trực tuyến và xử lý kết quả thu được; sử dụng các dịch vụ điện toán đám mây, các công cụ với dịch vụ web 2.0; tham gia kết nối với cộng đồng giáo dục và duy trì kết nối.

119	Nhập môn Giáo dục Tiểu học	2		Học phần trang bị cho sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học về Khoa học Giáo dục Tiểu học; những kiến thức của ngành nghề đào tạo; những yêu cầu về phẩm chất đạo đức nhà giáo; vị trí, vai trò, nhiệm vụ của người giáo viên; những hành vi giáo viên được làm và không được làm; chuẩn nghề nghiệp của người giáo viên. Qua đó SV ngành GD Tiểu học sẽ có ý thức trong rèn luyện phẩm chất đạo đức, rèn luyện năng lực nghiệp vụ sư phạm đáp ứng yêu cầu của một nhà giáo trong tương lai.
220	Phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành Giáo dục Tiểu học	3	32221777	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản của phương pháp nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng trong các trường tiểu học để thấy rõ: các giai đoạn thực hiện một đề tài nghiên cứu; cách viết đề cương nghiên cứu; cách thiết kế nghiên cứu; cách thu thập thông tin, phân tích xử lý dữ liệu bằng công cụ thống kê toán học; cách giải quyết những vấn đề, tồn tại, cách thức tác động sư phạm trong hoạt động giáo dục và dạy học ở trường tiểu học. Nghiên cứu khoa học sư phạm là một phần trong phát triển chuyên môn, nâng cao năng lực nghề nghiệp của giáo viên.
221	Văn học thiếu nhi	4		Học phần <i>Văn học thiếu nhi</i> là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành dành cho sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học. Học phần cung cấp những kiến thức tổng quát về văn học thiếu

				nhi. Nội dung học phần tập trung vào 3 nhóm vấn đề chính: (1) Văn học dân gian dành cho thiếu nhi; (2) Văn học thiếu nhi Việt Nam; (3) Văn học thiếu nhi nước ngoài. Ngoài ra môn học còn cung cấp những phương pháp tiếp cận và phân tích tác phẩm văn học thiếu nhi.
222	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học tiểu học	22	32241576	Trên cơ sở nội dung và phương pháp dạy học Toán, Tiếng việt, Tự nhiên – Xã hội, Đạo đức,... ở tiểu học, học phần sẽ trang bị cho sinh viên những kỹ năng khai thác và ứng dụng CNTT để tổ chức môi trường học tập, thiết kế các hoạt động học khám phá, thực hành, luyện tập và vận dụng, hỗ trợ đổi mới PPDH ở tiểu học theo hướng tích cực hóa các hoạt động nhận thức của học sinh, giúp học sinh kiến tạo nên tri thức mới,... phù hợp với con đường nhận thức, tâm sinh lý lứa tuổi HS tiểu học.
223	Tổ chức hoạt động cảm thụ văn học cho học sinh tiểu học	2	32241967	Học phần <i>Tổ chức hoạt động cảm thụ văn học cho học sinh tiểu học</i> là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành dành cho sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học. Học phần cung cấp những kiến thức về cảm thụ văn học; rèn luyện các năng lực cơ bản về cảm thụ văn học khi dạy học môn Tiếng Việt ở tiểu học. Nội dung bao gồm 3 nhóm vấn đề chính: (1) Khái quát về cảm thụ văn học; (2) Nội dung và phương pháp tổ chức cảm thụ văn học cho học sinh tiểu học; (3)

				Tổ chức hoạt động cảm thụ văn học cho học sinh tiểu học.
224	Từ Hán Việt và việc dạy từ Hán Việt ở tiểu học	2		<i>Từ Hán Việt và việc dạy từ Hán Việt ở tiểu học</i> là một chuyên đề trong môn Tiếng Việt nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về từ Hán Việt và các kỹ năng nhận diện, giải nghĩa từ Hán Việt, đặc biệt là từ Hán Việt trong chương trình Tiếng Việt ở Tiểu học. Môn học tập trung vào việc giúp sinh viên nắm nội dung về từ Hán Việt theo 4 nhóm vấn đề chính: (1) Quá trình tiếp xúc ngôn ngữ Hán Việt; (2) Khái niệm từ Hán Việt; (3) Một số vấn đề cơ bản về từ Hán Việt trong chương trình và SGK Tiếng Việt tiểu học; (4) Bổ túc vốn từ Hán Việt qua một số bài thơ Đường và thơ chữ Hán của Hồ Chí Minh. Đây là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành được thiết kế dành cho sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học.
225	Tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh tiểu học	22		<i>Tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh tiểu học</i> là một học phần cung cấp cho sinh viên một số kiến thức cơ bản về tổ chức hoạt động trải nghiệm nói chung và tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh tiểu học nói riêng; phương pháp, hình thức tổ chức và đánh giá các hoạt động trải nghiệm theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất cho học sinh tiểu học. Đây là một học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức nghiệp vụ

				sur phạm dành cho sinh viên ngành Giáo dục tiểu học.
226	Cơ sở Khoa học Tự nhiên ở tiểu học	23		<i>Cơ sở khoa học tự nhiên ở tiểu học</i> là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành dành cho sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên có liên quan trong chương trình các môn học về tự nhiên và xã hội ở tiểu học. Các kiến thức cơ sở này thuộc một số lĩnh vực khoa học như vật lí, hóa học, sinh học và một số lĩnh vực liên ngành như: môi trường, dân số, sức khỏe,...
227	Cơ sở Khoa học Xã hội ở tiểu học	3	32231031	Học phần <i>Cơ sở khoa học xã hội ở tiểu học</i> là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành dành cho sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học. Đây là học phần cung cấp cho sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học có những kiến thức cơ bản về xã hội (chủ đề Xã hội, Địa lí và Lịch sử) có liên quan đến nội dung, chương trình các môn Tự nhiên - Xã hội ở tiểu học và phương pháp dạy học môn Địa lí và Lịch sử ở tiểu học. Nội dung bao gồm 3 nhóm vấn đề chính: (1) Một số kiến thức chung về xã hội; (2) Địa lí; (3) Lịch sử.
228	Giáo dục kỹ năng sống trong dạy học ở tiểu học	2		Học phần <i>Giáo dục kỹ năng sống trong dạy học ở tiểu học</i> là một học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo giáo viên ngành Giáo dục Tiểu học. Qua học phần này, sinh viên được cung

				cấp những kiến thức về kỹ năng sống, giáo dục kỹ năng sống và những nội dung cụ thể về giáo dục kỹ năng sống, hướng dẫn tổ chức giáo dục kỹ năng sống cho học sinh trong các môn học như Tiếng Việt, Đạo đức, Công nghệ, các môn về tự nhiên và xã hội ở tiểu học và các hoạt động giáo dục ở nhà trường để xây dựng hoặc thay đổi hành vi cho học sinh. Học phần <i>Giáo dục kỹ năng sống trong dạy học ở tiểu học</i> gồm 2 nhóm vấn đề chính: (1) Một số vấn đề chung về kỹ năng sống và giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học, (2) Giáo dục kỹ năng sống trong dạy học ở tiểu học.
229	Giáo dục môi trường cho học sinh tiểu học	2		<i>Giáo dục môi trường cho học sinh tiểu học</i> là một học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về môi trường, giáo dục môi trường và các hình thức, phương pháp giáo dục môi trường trong tổ chức hoạt động giáo dục và dạy học các môn học về tự nhiên và xã hội, Đạo đức, Công nghệ, ... làm cơ sở cho sinh viên vận dụng vào thực tế giáo dục môi trường trong nhà trường tiểu học. Nội dung môn học gồm 2 phần chính, bao gồm (1) Một số vấn đề cơ bản về môi trường và bảo vệ môi trường và (2) Giáo dục môi trường ở trường tiểu học.
330	Phát triển chương trình	2		Học phần trang bị cho SV các kiến thức cơ bản về phân tích chương trình môn học, bao gồm đặc điểm, cấu trúc, dụng ý sư phạm của nội dung kiến

	môn học ở trường tiểu học			thức cần dạy, kỹ năng phân tích chương trình môn học; chương trình, các loại chương trình, quy trình phát triển chương trình môn học ở trường tiểu học. Từ đó thực hành phát triển chương trình môn học bổ sung vào nội dung giáo dục địa phương, nhà trường trong giáo dục toàn diện đáp ứng CTGDPT cấp Tiểu học. Không những thế, học phần còn góp phần hình thành cho SV năng lực phân tích và phát triển chương trình môn học ở trường tiểu học nhằm nâng cao năng lực nghề nghiệp đáp ứng chuẩn nghề nghiệp.
331	Quản lý nhà nước về giáo dục	22		Học phần Quản lý nhà nước về giáo dục thuộc khối kiến thức chung, trang bị cho người học những kiến thức cơ bản quản lý nhà nước về giáo dục; hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam; chủ trương, đường lối chính sách về phát triển và đổi mới giáo dục; Giúp người học ý thức rõ trách nhiệm của bản thân để chủ động tham gia xây dựng nền hành chính nhà nước, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục ở địa phương, nhà trường công tác sau tốt nghiệp.
32	Dạy học tích hợp ở tiểu học	2		<i>Dạy học tích hợp các môn học ở tiểu học</i> là học phần thuộc khối kiến thức tự chọn, nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kỹ năng và phương pháp dạy học theo quan điểm tích hợp, đặc biệt là phương pháp và kỹ năng dạy học tích hợp các môn học ở tiểu học.
33	Phát triển lời nói cho học sinh tiểu học	2		<i>Phát triển lời nói cho học sinh tiểu học trên bình diện ngữ âm</i> là môn khoa học ngôn ngữ cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cơ

	trên bình diện ngữ âm			sở lí luận, phương pháp và các thủ pháp luyện phát âm (luyện nói và luyện đọc) cho học sinh tiểu học; hình thành kĩ năng phát hiện và chữa các lỗi của học sinh khi nói và đọc trên bình diện ngữ âm học. Học phần gồm 2 nhóm vấn đề chính: (1) Khái quát chung về phát triển lời nói cho học sinh tiểu học trên bình diện ngữ âm ; (2) Phương pháp và biện pháp chữa lỗi phát âm cho học sinh.
334	Tổ chức hoạt động Đội thiếu niên và Sao nhi đồng	22		Học phần Tổ chức hoạt động Đội TNTP Hồ Chí Minh và Sao Nhi đồng là học phần bắt buộc thuộc khối chuyên ngành trong chương trình Giáo dục Tiểu học. Nội dung bao gồm hệ thống nghiệp vụ kĩ năng công tác Đội và Sao Nhi đồng. Qua đó giúp sinh viên rèn luyện kĩ năng có trải nghiệm thực tế thông qua các hoạt động.
335	Tâm lý học Sư phạm tiểu học	4		Tâm lý học sư phạm tiểu học là khoa học cơ sở trong hệ thống các khoa học sư phạm. Môn học bao gồm những nội dung cơ bản về tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm như: Lý luận về sự phát triển tâm lý trẻ em, quy luật của sự phát triển tâm lý trẻ em; Khái quát về lứa tuổi học sinh tiểu học, điều kiện phát triển tâm lý, đặc điểm hoạt động học tập, giao tiếp và sự phát triển nhân cách lứa tuổi tiểu học; Khái quát về tâm lý học dạy học và tâm lý học giáo dục: quá trình dạy học và các yếu tố cơ bản của nó, tâm lý học về sự lĩnh hội tri thức, kĩ năng, kĩ xảo, dạy học và sự phát triển trí tuệ; Những cơ sở tâm lý học của việc giáo

				dục đạo đức; Những đặc trưng của lao động sư phạm và những yêu cầu về phẩm chất và năng lực của nhà giáo.
36	Giáo dục học tiểu học	3	32021003	Học phần này đề cập lý luận cơ bản về giáo dục tiểu học bao gồm: - Những vấn đề chung nhất về giáo dục học như: Giáo dục học là một khoa học; giáo dục sự phát triển; mục đích giáo dục; hệ thống giáo dục quốc dân; nguyên lý giáo dục; các con đường giáo dục; đặc điểm lao động sư phạm của giáo viên học trong nhà trường - Một số vấn đề cơ bản của lý luận dạy học như: Khái quát về quá trình dạy học tiểu học như khái niệm, bản chất, động lực, logic của quá trình dạy học; nguyên tắc dạy học; nội dung dạy học; phương pháp dạy học; hình thức tổ chức dạy học; đánh giá kết quả dạy học - Một số vấn đề cơ bản của lý luận giáo dục tiểu học như: Khái quát về quá trình giáo dục tiểu học như khái niệm, bản chất, đặc điểm, động lực, logic của quá trình giáo dục; nguyên tắc giáo dục; nội dung giáo dục; phương pháp giáo dục; tổ chức các hoạt động giáo dục ở trường tiểu học.

37	Thực hành tổ chức hoạt động giáo dục	2	32021258	Học phần này hình thành cho sinh viên các năng lực giáo dục của người giáo viên nói chung và của người giáo viên chủ nhiệm lớp nói riêng; tạo cơ hội cho sinh viên vận dụng kiến thức Tâm lý học, Giáo dục học để xây dựng môi trường giáo dục tích cực cho học sinh như: Hình thành kỹ năng của người giáo viên chủ nhiệm lớp; kỹ năng tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh trong nhà trường; kỹ năng quản lý hành vi học sinh; kỹ năng hỗ trợ, tư vấn tâm lý học sinh; kỹ năng tổ chức hoạt động kết hợp cộng đồng giáo dục trong và ngoài nhà trường trong giáo dục học sinh tiểu học.
38	Giao tiếp sư phạm của người giáo viên tiểu học	2		Học phần Giao tiếp Sư phạm của người giáo viên Tiểu học thuộc khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm. Học phần này cung cấp các kiến thức và rèn luyện cho sinh viên những kỹ năng cơ bản trong giao tiếp sư phạm của người giáo viên Tiểu học. Nội dung của học phần được bao gồm 4 chương: (1) Khái quát về giao tiếp sư phạm ở bậc tiểu học; (2) Một số nguyên tắc giao tiếp, quy tắc ứng xử và các phong cách giao tiếp sư phạm của người giáo viên Tiểu học; (3) Các kỹ năng giao tiếp sư phạm của người giáo viên Tiểu học; (4) Xử lý các tình huống sư phạm.
39	Giáo dục hòa nhập ở trường tiểu học	2		Học phần Giáo dục hòa nhập ở trường tiểu học trong chương trình đào tạo sinh viên sư phạm tiểu học. Đây là học phần giúp sinh viên tiểu học có những hiểu biết cơ bản về cách thức giáo dục cho học sinh khuyết tật trong trường tiểu học. Học phần sẽ trình bày những nội dung sau: - Những vấn đề chung về giáo dục hòa nhập cho học sinh khuyết tật ở trường tiểu học: khái niệm,

				nguyên nhân khuyết tật, phân loại, các mô hình giáo dục dành cho học sinh khuyết tật. - Tổ chức giáo dục hòa nhập cho học sinh khuyết tật ở trường tiểu học: giáo dục hòa nhập cho học sinh khiếm thính, khiếm thị, chậm phát triển trí tuệ, ngôn ngữ, vận động, tự kỷ. - Hỗ trợ giáo dục hòa nhập ở trường tiểu học: xây dựng vòng tay bạn bè, xây dựng nhóm hỗ trợ cộng đồng
40	Rèn luyện kỹ năng sự phạm 1 ở tiểu học	3		Học phần <i>Rèn luyện kỹ năng sự phạm 1 ở tiểu học</i> là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức nghiệp vụ sự phạm dành cho sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học. Đây là học phần cung cấp cho sinh viên một số thông tin cơ bản về nghiệp vụ sự phạm và góp phần rèn luyện cho sinh viên một số kỹ năng cơ bản như: kỹ năng tìm hiểu các vấn đề về trường tiểu học, kỹ năng giao tiếp sự phạm, kỹ năng tiếng Việt, kỹ năng sử dụng và thiết kế đồ dùng dạy học góp phần khắc sâu các kiến thức về nghiệp vụ sự phạm, hình thành năng lực nghề nghiệp cơ bản gắn liền với thực tiễn bậc tiểu học.
41	Rèn luyện kỹ năng sự phạm 2 ở tiểu học	3	32231034	Học phần <i>Rèn luyện kỹ năng sự phạm 2 ở tiểu học</i> cung cấp những kiến thức và kỹ năng cơ bản về nghiệp vụ sự phạm tiểu học như kỹ năng tìm hiểu, phân tích nội dung chương trình, tổ chức dạy học, kiểm tra đánh giá các môn học và hoạt động giáo dục ở tiểu học... Cùng với <i>Rèn luyện kỹ năng sự phạm 1 ở tiểu học</i>, học phần này góp phần khắc sâu các kiến thức về nghiệp vụ sự phạm, hình thành năng lực nghề nghiệp cơ bản gắn liền với thực tiễn ở bậc tiểu học. Đây là một học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức nghiệp vụ sự phạm dành cho sinh viên ngành Giáo dục tiểu học.

42	Phương pháp dạy học toán tiểu học		32231016*	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng về: - Phương pháp dạy học (PPDH) đại cương: PPDH nói chung và PPDH Toán; Vị trí, nhiệm vụ, nội dung của môn Toán ở tiểu học; Một số PPDH thường dùng trong dạy học môn Toán ở tiểu học; Chuẩn bị và tổ chức dạy học toán ở tiểu học. - PPDH cụ thể: Phương pháp dạy học các nội dung cụ thể môn Toán theo hướng phát triển năng lực toán học; PPDH các nội dung kiến thức cụ thể trong chương trình môn Toán tiểu học: Số học và phép tính; Hình học và đo lường; Xác suất và thống kê. Qua đó giúp người học có các năng lực chuyên môn nghiệp vụ về PPDH toán đại cương; phương pháp dạy học toán phát triển phẩm chất, năng lực và PPDH các nội dung cụ thể của môn Toán ở trường tiểu học.
43	Thực hành dạy học toán phát triển phẩm chất, năng lực học sinh tiểu học	2	32241576	Học phần giúp SV rèn luyện những kỹ năng cơ bản về thực hành: kỹ năng vận dụng PPDH tích cực vào các nội dung dạy học toán cụ thể ở tiểu học; kỹ năng lựa chọn và thiết kế bài tập, kỹ năng thiết kế KHBH phát triển NL cho người học; kỹ năng tổ chức dạy học môn Toán ở tiểu học theo hướng phát triển PC và NL cho HS; Ngoài ra, học phần này còn tạo điều kiện để SV phát triển kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin, các kỹ năng mềm (thuyết trình, xử lý tình huống, giao tiếp,...).
44	Thực hành giải toán tiểu học	3	322415576	Học phần “<i>Thực hành giải toán ở Tiểu học</i>” trang bị cho sinh viên kiến thức về giải toán ở Tiểu học, các phương pháp giải toán cơ bản thường được sử dụng và một số phương pháp mới, hiện đại để sớm tiếp cận với Toán học ở các bậc học cao hơn sau này. Đồng thời, học

				phân củng học trang bị cho sinh viên kỹ năng và năng lực cần thiết để tổ chức hoạt động dạy – học giải toán ở Tiểu học. Nội dung học phần gồm 3 chương: (1) Đại cương về giải toán ở Tiểu học, (2) Ứng dụng các phương pháp vào giải toán Tiểu học, (3) Đánh giá kết quả dạy học toán ở Tiểu học.
45	Phương pháp dạy học tiếng Việt 1 ở tiểu học	4	32231029*	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản, hiện đại về phương pháp dạy học Tiếng Việt và các kỹ năng giảng dạy Tiếng Việt ở Tiểu học. Học phần tập trung vào việc giúp người học rèn luyện các kỹ năng về PPDH Tiếng Việt ở tiểu học theo 2 nhóm vấn đề chính: (1) Những vấn đề chung về PPDH Tiếng Việt ở tiểu học; (2) Vận dụng những kiến thức cơ bản về PPDH tiếng Việt vào dạy hoạt động đọc (PP dạy hoạt động đọc ở giai đoạn học vần), PP dạy hoạt động viết (dạy kỹ thuật viết: Kỹ thuật viết chữ và viết chính tả)
46	Phương pháp dạy học tiếng Việt 2 ở tiểu học	4	32241574	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức về phương pháp dạy các hoạt động môn Tiếng Việt ở tiểu học, cụ thể: PP dạy hoạt động đọc (đọc đoạn văn, văn bản), PP dạy hoạt động viết (quy trình viết câu, đoạn, văn bản), PP dạy hoạt động nói nghe, PP dạy hoạt động hình thành kiến thức tiếng Việt cho HS tiểu học.
47	Phương pháp dạy học tự nhiên - xã hội ở tiểu học	3	32231032	<i>Phương pháp dạy học tự nhiên – xã hội ở tiểu học</i> là một học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm dành cho sinh viên ngành Giáo dục tiểu học. Học phần nhằm cung cấp kiến thức cơ bản về lý luận dạy học các môn về tự nhiên và xã hội, rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng dạy học môn Tự nhiên - Xã hội, môn Khoa học, môn Lịch sử và Địa lý ở tiểu học. Cùng với học phần <i>Cơ sở Khoa học Tự nhiên ở tiểu học</i>, <i>Cơ sở Khoa học Xã hội ở tiểu học</i> góp phần hình thành cho sinh viên năng lực

				dạy học các môn về tự nhiên – xã hội ở bậc tiểu học.
48	Đạo đức và phương pháp giáo dục đạo đức ở tiểu học	2		<i>Đạo đức và Phương pháp giáo dục đạo đức ở tiểu học</i> là một môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản của đạo đức học có liên quan đến hoạt động giáo dục đạo đức nói chung và chương trình dạy học môn Đạo đức cho học sinh tiểu học nói riêng; hình thành và phát triển cho sinh viên năng lực dạy học môn Đạo đức cho học sinh tiểu học. Đây là một học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp dành cho sinh viên ngành Giáo dục tiểu học.
49	Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập ở tiểu học	2	32241576 32241574	Học phần nhằm trang bị cho sinh viên giáo dục tiểu học hệ thống kiến thức cơ bản về kiểm tra đánh giá kết quả học tập, đánh giá PC, NL học sinh ở trường tiểu học. Hình thành cho SV những kỹ năng cơ bản trong việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập, PC, NL học sinh tiểu học; bồi dưỡng thái độ nghề nghiệp và những phẩm chất cần thiết của người giáo viên. Nội dung cụ thể đề cập đến: - Những vấn đề cơ bản về kiểm tra đánh giá kết quả học tập; ĐG PC, NL - Đánh giá học sinh tiểu học đáp ứng CTGDPT cấp Tiểu học: Mục đích đánh giá; nguyên tắc đánh giá; Quy trình đánh giá; Kỹ thuật đánh giá; Yêu cầu đối với việc đánh giá học sinh tiểu học... - Nội dung và cách thức đánh giá...
50	Sinh hoạt chuyên môn ở trường tiểu học	2	32241576 32241574	<i>Sinh hoạt chuyên môn ở trường tiểu học</i> là học phần tự chọn bắt buộc, thuộc khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm, nhằm trang bị cho sinh viên ngành Giáo dục tiểu học những kiến thức cơ bản về vai trò, vị trí, chức năng, nhiệm vụ; nội dung, các hình thức, phương pháp sinh hoạt chuyên

				môn (SHCM) của tổ chuyên môn ở trường tiểu học. Học phần giúp sinh viên hiểu rõ ý nghĩa, quy trình SHCM dựa trên nghiên cứu bài học hướng đến phát triển năng lực đội ngũ giáo viên, từ đó ứng dụng vào việc lập kế hoạch và tổ chức buổi SHCM hiệu quả.
51	Công nghệ và phương pháp dạy học công nghệ tiểu học	2		Học phần <i>Công nghệ và phương pháp dạy học Công nghệ ở tiểu học</i> là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành dành cho sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học. Học phần cung cấp những kiến thức về Công nghệ và đời sống, Thủ công, Kỹ thuật và phương thức dạy học môn này ở tiểu học. Học phần <i>Công nghệ và phương pháp dạy học Công nghệ ở tiểu học</i> gồm hai nhóm vấn đề chính: (1) Kiến thức cơ sở về Công nghệ; (2) Phương pháp dạy học Công nghệ ở tiểu học.
52	Sử dụng phương pháp bàn tay nặn bột trong dạy học tiểu học	2		<i>Sử dụng phương pháp Bàn tay nặn bột trong dạy học ở tiểu học</i> là một môn học cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về phương pháp Bàn tay nặn bột; những vấn đề chung về việc sử dụng phương pháp Bàn tay nặn bột trong dạy học các môn khoa học ở trường tiểu học; hình thành và phát triển cho người học kỹ năng sử dụng phương pháp Bàn tay nặn bột trong dạy học các môn khoa học ở trường tiểu học.
53	Dạy học tiếng Việt theo quan điểm giao tiếp ở tiểu học	2		<i>Dạy học tiếng Việt theo quan điểm giao tiếp ở tiểu học</i> là một học phần mang tính tích hợp vừa rèn luyện và nâng cao các kỹ năng nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên trong dạy học tiếng Việt và trong giao tiếp. Học phần tập trung vào việc giúp sinh viên nâng cao các kỹ năng dạy học tiếng Việt ở tiểu học theo 2 nhóm vấn đề chính: (1) PP dạy và học môn Tiếng Việt ở tiểu học theo quan điểm giao

				tiếp; (2) Dạy sản sinh văn bản nói và viết cho HS tiểu học.
54	Mỹ thuật và phương pháp dạy học mỹ thuật ở tiểu học	3		<i>Mỹ thuật và phương pháp dạy học mỹ thuật ở Tiểu học</i> là một môn học cơ bản nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức chung về các chuyên ngành mỹ thuật và còn nhằm giúp sinh viên nắm bắt được qui trình giảng dạy môn Mỹ thuật (soạn kế hoạch bài dạy, tiến trình thực hiện một bài dạy trên lớp...).. Đây là học phần cơ sở được thiết kế dành cho sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học. Môn học này có thể bố trí ở học kỳ 1 năm thứ hai trong chương trình đào tạo.
55	Âm nhạc và phương pháp dạy học âm nhạc ở tiểu học	3		Âm nhạc và phương pháp dạy học âm nhạc tiểu học gồm hai phần; phần 1: Âm nhạc, cung cấp những kiến thức cơ bản về lý thuyết âm nhạc cho người học, gồm giới thiệu về âm thanh, cao độ âm thanh; những kiến thức về trường độ của âm thanh, tiết tấu - tiết nhịp, quãng, điệu thức - giọng và sơ lược về hợp âm, kỹ năng về đọc nhạc cơ bản; phần 2: Phương pháp dạy học âm nhạc, cung cấp kiến thức về phương pháp dạy học âm nhạc ở Tiểu học.
56	Xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục phát triển phẩm chất, năng lực học sinh tiểu học	2	32241576 32241574	Học phần “Xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục phát triển phẩm chất năng lực học sinh tiểu học” hướng dẫn người học xây dựng các loại kế hoạch dạy học và giáo dục cụ thể là: Giới thiệu về kế hoạch giáo dục của nhà trường mà trọng tâm là khung kế hoạch thời gian thực hiện các môn học, hoạt động giáo dục của nhà trường trong năm học làm căn cứ để các tổ chuyên môn, các giáo viên xây dựng kế hoạch giáo dục của tổ, của cá nhân; hướng dẫn tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch giáo dục của tổ (bao gồm kế hoạch dạy học môn học và kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục); hướng dẫn giáo viên xây dựng kế hoạch giáo dục của cá nhân; hướng dẫn xây dựng, phát triển kế hoạch bài dạy theo

				hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.
57	Kiến tập sư phạm	2		Học phần <i>Kiến tập sư phạm</i> là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức kiến tập và khóa luận Sư phạm dành cho chuyên ngành Giáo dục Tiểu học. Nội dung bao gồm: sinh viên có 3 tuần ở trường tiểu học dưới sự hướng dẫn của giáo viên tiểu học. Bên cạnh đó, sinh viên còn tham gia các hoạt động của trường tiểu học: tìm hiểu về trường, tìm hiểu về hoạt động dạy và học của giáo viên và học sinh, dự giờ chuyên môn và chủ nhiệm lớp.
58	Thực tập sư phạm	4	32221043	Học phần Thực tập sư phạm có nội dung học tập gắn liền lí luận với thực tiễn, tạo điều kiện cho giáo sinh có cơ hội thực tập giảng dạy trong vai trò người giáo viên thực sự. Giáo sinh được thực hành tất cả các nhiệm vụ cần thiết của GV, từ chuẩn bị giáo án, cơ sở vật chất phục vụ bài học đến tổ chức hoạt động học tập cũng như đánh giá kết quả học tập của học sinh. Tất cả các khâu của quá trình dạy học được mỗi giáo sinh thực hiện nhằm giúp phát triển các năng lực cần thiết của người GV; từ đó tạo dựng tình cảm nghề nghiệp ở người giáo sinh, củng cố và phát triển niềm tin vào công việc dạy học nên giáo sinh cần tham dự và thực hiện đầy đủ các nội dung của học phần Thực tập sư phạm. Đặc thù của học phần Thực tập sư phạm là hình thành cho giáo sinh hệ thống kĩ năng của nghề dạy học nói chung và dạy học tiểu học nói riêng thông qua hoạt động thực tiễn tại trường tiểu học. Do đó, trong quá trình tạo lập kĩ năng, giáo sinh phải có khả năng làm việc độc lập, phân tích và tư duy phản biện để vận dụng vào quá trình thiết kế và tổ chức hoạt động dạy học; trên cơ sở đó mà phân chia thời gian luyện tập một cách thích hợp.

59	Khóa luận tốt nghiệp	6		Khóa luận tốt nghiệp là học phần tự chọn bắt buộc, sinh viên thực hiện nghiên cứu đề tài dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Mục đích giúp sinh viên có điều kiện nghiên cứu chuyên sâu những vấn đề lí luận của chuyên ngành, vận dụng lí thuyết để giải quyết vấn đề thực tiễn, đồng thời phát triển kỹ năng nghiên cứu khoa học. Nội dung của học phần hướng sinh viên vào việc lựa chọn đề tài thuộc lĩnh vực giáo dục tiểu học.
60	Thiết kế chủ đề dạy học STEM ở tiểu học	3		Học phần cung cấp cho sinh viên chuyên ngành Sư phạm GD Tiểu học có những kiến thức cơ bản về Thiết kế chủ đề dạy học STEM: các khái niệm, hình thức tổ chức dạy học theo chủ đề STEM, điều kiện triển khai, tổ chức thực hiện chủ đề dạy học STEM và các tiêu chí đánh giá chủ đề dạy học STEM ở trường tiểu học.
61	Thiết kế hoạt động trải nghiệm trong dạy học các môn học ở tiểu học	3		Học phần giúp sinh viên bước đầu tập dượt về hoạt động nghiên cứu khoa học liên quan đến hoạt động trải nghiệm môn học ở tiểu học. Trên cơ sở những kiến thức đã học, sinh viên lựa chọn vấn đề, lập đề cương và thiết kế các hoạt động trải nghiệm môn học theo sự định hướng của giảng viên hướng dẫn. Qua đó, giúp nâng

4.3. Đề cương chi tiết học phần

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

KHOA GIÁO DỤC TIỂU HỌC

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: Giáo dục Tiểu học

Mã số: 714 02 02

Chuyên ngành: Giáo dục Tiểu học

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

1.1	Tên học phần (tiếng Việt)	Phương pháp dạy học toán tiểu học
1.2	Tên học phần (tiếng Anh)	Methods of teaching primary school mathematics
1.3	Mã học phần:	32241576
1.4	Số tín chỉ:	04
1.5	Phân bố thời gian:	
-	Lý thuyết:	02 (30 tiết)
-	Bài tập/Thảo luận:	02 (30 tiết)
-	Thực hành/Thí nghiệm:	
-	Tự học:	120 (giờ)
1.6	Các giảng viên phụ trách học phần:	
-	Giảng viên phụ trách chính:	TS. Hoàng Nam Hải
-	Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	Giảng viên Tổ Toán và PPGD
-	Bộ môn phụ trách giảng dạy:	Toán và PPGD

1.7.	Điều kiện tham gia học phần:	
-	Học phần tiên quyết:	Không
-	Học phần học trước:	Tâm lý học Sư phạm tiểu học; Cơ sở toán học 1, Cơ sở toán học 2 của việc dạy học toán tiểu học
-	Học phần song hành:	Không
1.8	Loại học phần:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn bắt buộc ☐ Tự chọn tự do
1.9	Thuộc khối kiến thức	☐ Kiến thức Giáo dục đại cương ☐ Kiến thức Cơ sở ngành ☐ Kiến thức Chuyên ngành ☒ Kiến thức Nghiệp vụ Sư phạm ☐ Kiến thức Thực tập và Khóa luận

2. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng về:

- Phương pháp dạy học (PPDH) đại cương: PPDH nói chung và PPDH Toán; Vị trí, nhiệm vụ, nội dung của môn Toán ở tiểu học; Một số PPDH thường dùng trong dạy học môn Toán ở tiểu học; Chuẩn bị và tổ chức dạy học toán ở tiểu học.
- PPDH cụ thể: Phương pháp dạy học các nội dung cụ thể môn Toán theo hướng phát triển năng lực toán học; PPDH các nội dung kiến thức cụ thể trong chương trình môn Toán tiểu học: Số học và phép tính; Hình học và đo lường; Xác suất và thống kê.

Qua đó giúp người học có các năng lực chuyên môn nghiệp vụ về PPDH toán đại cương; phương pháp dạy học toán phát triển phẩm chất, năng lực và PPDH các nội dung cụ thể của môn Toán ở trường tiểu học.

3. Mục tiêu học phần

3.1 Mục tiêu chung

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức nền tảng về PPDH toán tiểu học theo hướng phát triển phẩm chất năng lực học sinh tiểu học; kỹ năng thiết kế và tổ chức hoạt động dạy học toán theo hướng phát triển phẩm chất năng lực học sinh tiểu học; vận dụng sáng tạo các PPDH tích cực trong tổ chức hoạt động dạy học toán, giáo dục HS và hỗ trợ đồng nghiệp.

3.2 Mục tiêu cụ thể (Course Objectives: COs)

- **CO1:** Có kiến thức nền tảng về PPDH toán tiểu học phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

- **CO2:** Có năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động giáo dục và dạy học toán tiểu học; đánh giá kết quả học tập của HS tiểu học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực.

- **CO3:** Có tư duy phản biện, sáng tạo trong giải quyết các vấn đề liên quan đến dạy học toán tiểu học.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes: CLOs)

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có khả năng:

Chuẩn đầu ra (CLOs)	Nội dung Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	PIs	Mức độ của PIs
CLO1	Trình bày được cấu trúc của kế hoạch giáo dục, dạy học môn Toán tiểu học.	PI2.1	I
CLO2	Lựa chọn và sử dụng được các phương pháp dạy học tích cực trong dạy học toán tiểu học.	PI1.2	M
CLO3	Xây dựng được kế hoạch bài dạy toán phát triển phẩm chất năng lực HS tiểu học.	PI6.1	R,A
CLO4	Thực hiện được tổ chức hoạt động dạy học toán tiểu học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực HS.	PI2.2	M,A

5. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs):

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định cụ thể như sau:

Điền một trong các mức I, R, M hoặc chưa trống (nếu không có sự liên hệ) và điền A vào ô tương ứng

Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)								
	PLO1	PLO2		PLO3	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9
	PI1.2	PI2.1	PI2.2			PI6.1			
CLO1		I							
CLO2	M								
CLO3						R,A			
CLO4			M,A						

Chú thích:

- I (Introduced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu
- R (Reinforced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế, ...
- M (Mastery) – CLO hỗ trợ mạnh mẽ người học trong việc thuần thục/thành thạo hay đạt được PLO/PI. Nếu người học hoàn thành tốt CLO này thì xem như người học đã ở mức thuần thục/thành thạo một nội hàm quan trọng (PI) của PLO hoặc thậm chí thuần thục/thành thạo toàn bộ PLO đó.
- A (Assessed) – CLO quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập dữ liệu để đo lường đánh giá mức độ người học đạt được PLO.

6. Đánh giá học phần

6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá của học phần

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá bằng các thành phần: đánh giá quá trình, đánh giá giữa kỳ, đánh giá cuối kỳ, các hoạt động đánh giá khác.

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí Rubric	Trọng số bài đánh giá (%)	Trọng số thành phần (%)	CDR học phần có liên quan
A1. Đánh giá quá trình	A1.1 Chuyên cần	P1.1. Quan sát, điểm danh	R1	W1.1 10	W1 20	CLO1
	A1.2. Báo cáo nhóm	P1.2. Sản phẩm báo cáo nhóm	R4	W1.2 10		
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1 Kiểm tra giữa kỳ	P2.1 Thực hành	R3	W2.1 30	W2 30	CLO4
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1 Kiểm tra cuối kỳ	P3.1 Tự luận	R13	W3.1 50	W3 50	CLO2
						CLO3

6.2. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

- Tham gia ít nhất 80% số tiết học của lớp học phần;
- Tham gia các hoạt động làm việc nhóm theo qui định của lớp học phần;
- Tự tìm hiểu các vấn đề do giảng viên giao để thực hiện ngoài giờ học trên lớp;
- Hoàn thành tất cả bài đánh giá của học phần.

7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần

Tuần/ Buổi (3 tiết/buổi)	Nội dung chi tiết của Bài học/ Chương	Số tiết (LT/TH /TN)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần liên quan
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
Tuần 1 Tuần 2	Chương 1. Tổng quan về PPDH toán tiểu học 1.1. Đối tượng, nhiệm vụ của PPDH Toán tiểu học 1.2. Vị trí, vai trò, nhiệm vụ của PPH Toán tiểu học 1.3. Cơ sở của việc lựa chọn PPDH toán tiểu học 1.4. Sơ lược về toán học và một số đặc điểm của toán học	4/4/0	- Giới thiệu học phần - Chia nhóm -Thuyết trình nêu vấn đề nội dung 1.1; 1.2; 1.3 - Phân công báo cáo nhóm các nội dung: ND 1.3; - Nhận xét các báo cáo;	- Phân chia nhóm, cử nhóm trưởng; -Nhận nhiệm vụ Báo cáo nhóm; -Phân công nhiệm vụ cho từng thành viên; Từng thành viên nghiên cứu nhiệm vụ cá nhân; Cả nhóm sử dụng kĩ thuật khăn trải bàn để thảo luận, trao đổi, thống nhất từng kết luận của nhiệm vụ học tập;	A1.1, A1.2	CLO1, CLO2

Tuần/ Buổi (3 tiết/buổi)	Nội dung chi tiết của Bài học/ Chương	Số tiết (LT/TH /TN)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần liên quan
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
			- Chốt các kiến thức học tập	- Cử người báo cáo, cử người ghi chép các trao đổi của các nhóm khác - Thảo luận trả lời câu hỏi được đặt ra. - Tự học: Đọc các tài liệu [1], [2], [3].		
Tuần 3 đến Tuần 4	Chương 2. Vị trí, nhiệm vụ và nội dung môn Toán tiểu học 2.1.Vị trí, nhiệm vụ và nội dung môn Toán tiểu học 2.2.Cấu trúc nội dung và chuẩn kiến	4/4/0	- Thuyết trình nêu vấn đề các nội dung 2.1; 2.5 - Phân công nhiệm vụ thảo luận nhóm các nội dung 2.2; 2.3; 2.4	- Các nhóm nhận nhiệm vụ Báo cáo nhóm; - Phân công nhiệm vụ cho từng thành viên; - Từng thành viên nghiên cứu nhiệm vụ cá nhân;	A1.1, A1.2	CLO1 CLO2

Tuần/ Buổi (3 tiết/buổi)	Nội dung chi tiết của Bài học/ Chương	Số tiết (LT/TH /TN)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần liên quan
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
	thức, kỹ năng của môn toán tiểu học hiện hành 2.3. Cấu trúc nội dung và YCCĐ của môn Toán tiểu học 2018 2.4. Tìm hiểu sách giáo khoa môn Toán tiểu học 2.5. Xây dựng kế hoạch giáo dục, dạy học môn Toán ở tiểu học			- Cả nhóm thảo luận, trao đổi, thống nhất nhiệm vụ học tập; - Cử người báo cáo, cử người ghi chép các trao đổi của các nhóm khác - Thảo luận trả lời câu hỏi được đặt ra. - Tự học: Đọc các tài liệu [1], [2], [3], [7], [8].		
Tuần 5 đến	Chương 3. Phương pháp dạy học toán ở tiểu học 3.1. Quan	6/6/0	- Phát hiện và GQVĐ các nội dung 3.1; 3.2	- Các nhóm nhận nhiệm vụ Báo cáo nhóm;	A1.1, A1.2	CLO2 CLO3

Tuần/ Buổi (3 tiết/buổi)	Nội dung chi tiết của Bài học/ Chương	Số tiết (LT/TH /TN)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần liên quan
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
Tuần 7	niệm chung về PPDH 3.2. Một số PPDH truyền thống trong môn Toán tiểu học 3.3. Một số PPDH tích cực phát triển năng lực toán học của học sinh tiểu học 3.4. PPDH khái niệm, quy tắc toán học		- Phân công thảo luận nhóm + PPDH tích cực +Kỹ thuật dạy học tích cực + ND 3.4 + Vận dụng 1 PPDH toán vào một nội dung cụ thể	- Phân công nhiệm vụ cho từng thành viên; Từng thành viên nghiên cứu nhiệm vụ cá nhân; - Cả nhóm thảo luận, trao đổi, thống nhất nhiệm vụ học tập; - Cử người báo cáo, cử người ghi chép các trao đổi của các nhóm khác - Thảo luận trả lời câu hỏi được đặt ra. - Tự học: Đọc các tài liệu		

Tuần/ Buổi (3 tiết/buổi)	Nội dung chi tiết của Bài học/ Chương	Số tiết (LT/TH /TN)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần liên quan
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
				[1], [2], [3], [7], [8].		
Tuần 8	Kiểm tra GK		Thực hành	Cá nhân	A2.1	CLO 4
Tuần 9 đến Tuần 11	Chương 4. Phương pháp dạy học phát triển năng lực toán học của học sinh tiểu học 4.1. Cơ sở của hoạt động dạy học phát triển PC, NL học sinh 4.2. Năng lực toán học của học sinh tiểu học 4.3. Sử dụng PP và kỹ thuật dạy học phát triển năng lực toán học cho	6/6/0	- Sử dụng PP phát hiện và GQVĐ các nội dung 4.1; 4.2; 4.4 - Phân công thảo luận nhóm + Mối quan hệ giữa ND, YCCĐ, P NL và PPDH +Thực hành thiết kế KHBD + Thực hành dạy học phát triển PC, NL học sinh.	- Các nhóm nhận nhiệm vụ - Triển khai thảo luận nội dung báo cáo đã được phân công; - Trình bày báo cáo nhóm; - Nhận xét, trao đổi các vấn đề được các nhóm bạn đặt ra. - Tự học: Đọc các tài liệu [1], [3], [6]. [8]	A1.1, A1.2	CLO2, 3

Tuần/ Buổi (3 tiết/buổi)	Nội dung chi tiết của Bài học/ Chương	Số tiết (LT/TH /TN)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần liên quan
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
	học sinh tiểu học 4.4. Thực hành XD kế hoạch bài dạy phát triển PC, NL HS Tiểu học					
Từ Tuần 12 đến Tuần 16	Chương 5. PPDH các nội dung cụ thể môn Toán tiểu học theo hướng phát triển năng lực 5.1. PPDH số tự nhiên và phép toán theo hướng phát triển năng lực 5.2. PPDH Hình học và đại lượng theo hướng phát triển năng lực	10/10/0	- Sử dụng PP phát hiện và GQVĐ các nội dung 5.1; 5.2; 5.3; - Phân công thảo luận nhóm + Thiết kế KHBD + Thực hành dạy học phát triển PC, NL học sinh.	- Các nhóm nhận nhiệm vụ - Triển khai thảo luận nội dung báo cáo đã được phân công; - Trình bày báo cáo nhóm; - Nhận xét, trao đổi các vấn đề được các nhóm bạn đặt ra.	A1.1, A1.2	CLO 2 CLO3 CLO4

Tuần/ Buổi (3 tiết/buổi)	Nội dung chi tiết của Bài học/ Chương	Số tiết (LT/TH /TN)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần liên quan
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
	5.3. PPDH Xác suất và Thống kê theo hướng phát triển năng lực			- Tự học: Đọc các tài liệu [1], [6], [6]. [8]		
Tuần 17	Thi kết thúc học phần		Tự luận	Cá nhân thực hiện	A3.1	CLO2 CLO3

8. Học liệu

8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/ nơi ban hành VB
Sách, bài giảng, giáo trình chính				
1	Đỗ Trung Hiệu, Đỗ Đình Hoan, Hà Sĩ Hồ	2013	<i>Phương pháp dạy học toán ở t học</i> , NXB Giáo dục.	2013
2	Huỳnh Văn Sơn, Nguyễn Kim Hồng, Nguyễn Thị Diễm My	2018	<i>Phương pháp dạy học phát triển năng lực học sinh phổ thông</i> ,	NXB ĐHS TP. Hồ Chí Minh
Sách, giáo trình tham khảo				

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/ nơi ban hành VB
3	Hoàng Nam Hải	2019	Bài giảng PPDH toán tiểu học	20147
4	Bộ Giáo dục & Đào tạo	2016	Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT	2016
5	Bộ Giáo dục & Đào tạo	2020	Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT	2020
6	Đỗ Đức Thái (cb), Đỗ Tiến Đạt, Nguyễn Hoài Anh, Trần Ngọc Bích, Đỗ Đức Bình, Hoàng Mai Lê, Trần Thúy Nga	2018	Dạy học phát triển năng lực m Toán tiểu học, NXB ĐHSP	NXB ĐHSP

8.2. Danh mục địa chỉ website để tham khảo khi học học phần

TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật
7	SGK Toán 1, 2, 3, 4, 5	https://hanhtrangso.nxbgd.vn	2018
8	Phương pháp DH toán tiểu học	https://www.google.com/phuong-phap-day-hoc-toan-tieu-hoc	2021
9			

1. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy (nếu có)

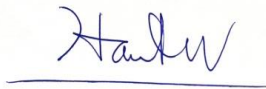
TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
10	Giảng đường	Máy chiếu	01	Bài giảng

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 7 năm 2021

P. Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Giảng viên biên soạn


NCS. Võ Thị Bảy

TS. Hoàng Nam Hải

TS. Hoàng Nam Hải

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**
KHOA GIÁO DỤC TIỂU HỌC Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: Đại học Ngành: Giáo dục Tiểu học Mã số: 714 02 02
Chuyên ngành: Giáo dục Tiểu học

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

1.1	Tên học phần (tiếng Việt)	Kiểm tra đánh giá kết quả học tập ở tiểu học
1.2	Tên học phần (tiếng Anh)	Testing – Assessment in primary school
1.3	Mã học phần:	32221357
1.4	Số tín chỉ:	02
1.5	Phân bố thời gian:	
-	Lý thuyết:	01 (15 tiết)
-	Bài tập/Thảo luận:	01 (15 tiết)
-	Thực hành/Thí nghiệm:	
-	Tự học:	60 (giờ)
1.6	Các giảng viên phụ trách học phần:	
-	Giảng viên phụ trách chính:	TS. Hoàng Nam Hải
-	Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	ThS. Nguyễn Thị Thuý Nga

		ThS. Nguyễn Phan Lâm Quyên ThS. Nguyễn Thị Hải Yến
-	Bộ môn phụ trách giảng dạy:	Toán và PPGD
1.7.	Điều kiện tham gia học phần:	
-	Học phần tiên quyết:	Không
-	Học phần học trước:	Phương pháp dạy học các môn học
-	Học phần song hành:	Không
1.8	Loại học phần:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn bắt buộc ☐ Tự chọn tự do
1.9	Thuộc khối kiến thức	☐ Kiến thức Giáo dục đại cương ☐ Kiến thức Cơ sở ngành ☐ Kiến thức Chuyên ngành ☒ Kiến thức Nghiệp vụ Sư phạm ☐ Kiến thức Thực tập và Khóa luận

2. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần nhằm trang bị cho sinh viên giáo dục tiểu học hệ thống kiến thức cơ bản về kiểm tra đánh giá kết quả học tập, đánh giá PC, NL học sinh ở trường tiểu học. Hình thành cho SV những kỹ năng cơ bản trong việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập, PC, NL học sinh tiểu học; bồi dưỡng thái độ nghề nghiệp và những phẩm chất cần thiết của người giáo viên.

Nội dung cụ thể đề cập đến:

- Những vấn đề cơ bản về kiểm tra đánh giá kết quả học tập; ĐG PC, NL
- Đánh giá học sinh tiểu học đáp ứng CTGDPT cấp Tiểu học: Mục đích đánh giá; nguyên tắc đánh giá; Quy trình đánh giá; Kỹ thuật đánh giá; Yêu cầu đối với việc đánh giá học sinh tiểu học...
- Nội dung và cách thức đánh giá...

3. Mục tiêu học phần

3.1. Mục tiêu chung

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng về kiểm tra đánh giá kết quả học tập, đánh giá phẩm chất năng lực của học sinh tiểu học song hành với tiến trình dạy học; vận dụng sáng tạo các hình thức, phương pháp và công cụ kiểm tra đánh giá phẩm chất, năng lực học sinh; đánh giá vì sự tiến bộ của người học.

3.2. Mục tiêu cụ thể (Course Objectives: COs)

- **CO1:** Có kiến thức nền tảng về kiểm tra đánh giá kết quả học tập, đánh giá phẩm chất, năng lực học sinh tiểu học.
- **CO2:** Kỹ năng thiết kế và sử dụng các thang đo, công cụ kiểm tra đánh giá phẩm chất, năng lực học sinh, ma trận đề kiểm tra định kì.
- **CO3:** Tự tin, sáng tạo và tự chịu trách nhiệm trong hoạt động kiểm tra đánh giá kết quả học tập và đánh giá phẩm chất năng lực học sinh ở trường tiểu học.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes: CLOs)

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có khả năng:

Chuẩn đầu ra (CLOs)	Nội dung Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	PIs	Mức độ của PIs
CLO1	Trình bày được các khái niệm về kiểm tra, đánh giá, lượng giá, đo lường; các hình thức kiểm tra, đánh giá phẩm chất năng lực học sinh tiểu học.	PI1.2	I

Chuẩn đầu ra (CLOs)	Nội dung Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	PIs	Mức độ của PIs
CLO2	Phân tích các yêu cầu cần đạt về kiến thức, kỹ năng để thiết kế các công cụ đo lường và ma trận đề kiểm tra đánh giá kết quả học tập và PC, NL học sinh.	PI2.3	M,A
CLO3	Rút ra được các nhận định, kết luận về người học; động viên, khen thưởng và đề xuất các giải pháp hỗ trợ học sinh.	PI2.2	R

5. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs):

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định cụ thể như sau:

Điền một trong các mức I, R, M hoặc chưa trống (nếu không có sự liên hệ) và điền A vào ô tương ứng

Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)								
	PLO1	PLO2		PLO3	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9
	PI1.2	PI2.2	PI2.3						
CLO1	I								
CLO2			M,A						
CLO3		R							

Chú thích:

- I (Introduced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu

- *R (Reinforced)* – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...
- *M (Mastery)* – CLO hỗ trợ mạnh mẽ người học trong việc thuần thục/thành thạo hay đạt được PLO/PI. Nếu người học hoàn thành tốt CLO này thì xem như người học đã ở mức thuần thục/thành thạo một nội hàm quan trọng (PI) của PLO hoặc tham chí thuần thục/thành thạo toàn bộ PLO đó.
- *A (Assessed)* – CLO quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập dữ liệu để đo lường đánh giá mức độ người học đạt được PLO.

6. Đánh giá học phần

6.2. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá của học phần

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá bằng các thành phần: đánh giá quá trình, đánh giá giữa kỳ, đánh giá cuối kỳ, các hoạt động đánh giá khác.

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí Rubric	Trọng số bài đánh giá (%)	Trọng số thành phần (%)	CDR học phần có liên quan
A1. Đánh giá quá trình	A1.1. ĐG chuyên cần	P1.1. Quan sát	R1	W1.1. 10	W1 20	CLO1
	A1.2. Bài tập nhóm	P1.2. Báo cáo sản phẩm nhóm	R4	W1.1 10		
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1 Kiểm tra giữa kỳ	P2.1 Thực hành	R13	W2.1 30	W2 30	CLO3
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1 Thi cuối kỳ	P3.1 Tự luận	R13	W3.1 50	W3 50	CLO2

6.2. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

- Tham gia ít nhất 80% số tiết học của lớp học phần;
- Tham gia các hoạt động làm việc nhóm theo qui định của lớp học phần;
- Tự tìm hiểu các vấn đề do giảng viên giao để thực hiện ngoài giờ học trên lớp;
- Hoàn thành tất cả bài đánh giá của học phần.

7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần

Tuần/ Buổi (3 tiết/buổi)	Nội dung chi tiết của Bài học/ Chương	Số tiết (LT/TH /TN)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần liên quan
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
Tuần 1 đến Tuần 2	Chương 1. Những vấn đề cơ bản về kiểm tra đánh giá kết quả học tập 1.1. Một số khái niệm liên quan về kiểm tra đánh giá trong giáo dục 1.2. Mục đích, yêu cầu của việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập	3/3	- Giới thiệu học phần - Chia nhóm Thuyết trình nêu vấn đề các ND 1.1.; 1.2;1.3; 1.4; - Phân công báo cáo nhóm BC1. Nguyên tắc đánh giá BC2. ND và cách thức ĐG HS tiểu học	Nghe giảng Thảo luận nhóm Thảo luận nhóm theo các nhiệm vụ được phân công Báo cáo nhóm	A1.1, A1.2	CLO 1, 2

	1.3. Nội dung, phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập trong giáo dục 1.4. Quy trình đánh giá		theo TT03 hợp nhất BC3. ND và cách thức ĐG HS tiểu học theo TT27.	Đặt câu hỏi tranh luận Trả lời các vấn đề do các nhóm khác đặt ra - Tự học: Đọc các tài liệu [1], [2], [3], [4], [5].		
Tuần 3 đến Tuần 5	Chương 2. Sử dụng PP, hình thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học sinh 2.1.PP quan sát 2.2.PP vấn đáp 2.3. PPĐG qua hồ sơ học tập, các sản phẩm học tập 2.4. PP kiểm	3/3	- Thuyết trình nêu vấn đề các nội dung 2.1; 2.2 - Phân công nhiệm vụ thảo luận nhóm các nội dung 2.3; 2.4; 2.5;	- Các nhóm nhận nhiệm vụ Báo cáo nhóm; - Phân công nhiệm vụ cho từng thành viên; - Từng thành viên nghiên cứu nhiệm vụ cá nhân; - Cả nhóm sử dụng kĩ thuật khăn trải bàn	A1.1, A1.2	CLO1, CLO2

	tra viết 2.5. Sử dụng hình thức kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh			để thảo luận, trao đổi, thống nhất từng kết luận của nhiệm vụ học tập; Cử người báo cáo, cử người ghi chép các trao đổi của các nhóm khác Thảo luận trả lời câu hỏi được đặt ra. - Tự học: Đọc các tài liệu [3], [4], [5].		
Tuần 6 đến Tuần 7	Chương 3. Xây dựng công cụ kiểm tra đánh giá kết quả học tập và sự tiến bộ của học sinh tiểu học về PC, NL 3.1. XD công cụ đánh giá theo hướng phát triển PC,	2/2	- Giới thiệu vấn đề - Phân công nhiệm vụ báo cáo nhóm các nội dung: ND 3.1ND 3.2	- Các nhóm nhận nhiệm vụ - Triển khai thảo luận nội dung báo cáo đã được phân công;- Trình bày báo cáo nhóm; - Nhận xét, trao đổi các	A1.1, A1.2 A1.3	CLO 2, 3

	NL học sinh -Câu hỏi -Bài tập -Đề kiểm tra -Bảng kiểm -Sản phẩm học tập -HS học tập - Thang DG -Phiếu ĐG theo tiêu chí Rubrics 3.2. XD kế hoạch KTĐG trong chủ đề/bài dạy theo hướng phát triển PC, NL học sinh		- Nhận xét các báo cáo - Giải đáp thêm các vấn đề mà các nhóm trả lời chưa thoả đáng - Tổng kết	vấn đề được các nhóm bạn đặt ra. - Tự học: Đọc các tài liệu [3], [4], [5].		
Tuần 8	Kiểm tra GK	2	Thực hành	Cá nhân	A2.1	CLO3
Tuần 9 Đến Tuần16	Chương 4 Sử dụng và phân tích kết quả ĐG theo đường phát triển NL 4.1. Quan niệm về đường phát	9/9	-Phát hiện và GQVĐ 4.1 - Trao đổi, thảo luận nhóm	- Tìm hiểu về 4.1. Các nhóm nhận nhiệm vụ.	A1.1, A1.2 A1.3	CLO 2, 3

	triển NL 4.2.Đường phát triển NL đối với một số môn học 4.3.Phân tích, sử dụng kết quả ĐG theo đường phát triển năng lực 4.4. Sử dụng kết quả ĐG theo đường phát triển NL để ghi nhận sự tiến bộ của HS và ĐM PPDH		-Phân công thảo luận nhóm: ND: 4.2 ND: 4.3 ND 4.4. - Nhận xét các báo cáo - Giải đáp thêm các vấn đề mà các nhóm trả lời chưa thoả đáng - Tổng kết	- Triển khai thảo luận nội dung báo cáo đã được phân công; Trình bày báo cáo nhóm; Nhận xét, trao đổi các vấn đề được các nhóm bạn đặt ra. - Tự học: Đọc các tài liệu [3], [4], [5].		
--	--	--	---	--	--	--

Tuần 17	Thi kết thúc học phần	2	Tự luận	Cá nhân thực hiện bài thi	A3.1	CLO2
---------	-----------------------	---	---------	---------------------------	------	------

8.Học liệu**8.1.Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo**

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/ nơi ban hành VB
Sách, bài giảng, giáo trình chính				
1	Vũ Thị Phương Anh, Hoàng Thị Tuyết	2015	<i>Giáo trình Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập ở tiểu học</i>	NXB Giáo dục
2	Bộ GD&ĐT	2014 2016 2021	Thông tư 30/TT-BGDĐT Thông tư 22/TT-BGDĐT Thông tư 27/ TT-BGDĐT	Bộ GD&ĐT
Sách, giáo trình tham khảo				
3	Hoàng Nam Hải	2015	Bài giảng Kiểm tra đánh giá kết quả học tập của HS tiểu học	2015
4	Bộ GD&ĐT	2020	Tài liệu tập huấn mô đun 3	2020

1.1 Danh mục địa chỉ website để tham khảo khi học học phần

TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật

2. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy (nếu có)

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1		Máy chiếu	01	Cả bài giảng

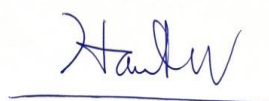
Đà Nẵng, ngày 10 tháng 7 năm 2021

P. Trưởng khoa



NCS. Võ Thị Bửu

Trưởng bộ môn



TS. Hoàng Nam Hải

Giảng viên biên soạn



TS. Hoàng Nam Hải

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**
KHOA GIÁO DỤC TIỂU HỌC Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: Đại học Ngành: Giáo dục Tiểu học Mã số: 714 02 02

Chuyên ngành: Giáo dục Tiểu học

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

3. Thông tin chung về học phần

1.1	Tên học phần (tiếng Việt)	Nhập môn Giáo dục Tiểu học
1.2	Tên học phần (tiếng Anh)	Introduction to Primary Education
1.3	Mã học phần:	32221155
1.4	Số tín chỉ:	02
1.5	Phân bố thời gian:	
-	Lý thuyết:	01 (15 tiết)
-	Bài tập/Thảo luận:	01 (15 tiết)
-	Thực hành/Thí nghiệm:	
-	Tự học:	60 (giờ)
1.6	Các giảng viên phụ trách học phần:	
-	Giảng viên phụ trách chính:	TS. Hoàng Nam Hải
-	Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	ThS. Nguyễn Thị Thuý Nga ThS. Nguyễn Phan Lâm Quyên
-	Bộ môn phụ trách giảng dạy:	Toán và PPGD
1.7	Điều kiện tham gia học phần:	

-	Học phần tiên quyết:	Không
-	Học phần học trước:	Không
-	Học phần song hành:	Không
1.8	Loại học phần:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn bắt buộc ☐ Tự chọn tự do
1.9	Thuộc khối kiến thức	☐ Kiến thức Giáo dục đại cương ☐ Kiến thức Cơ sở ngành ☒ Kiến thức Chuyên ngành ☐ Kiến thức Nghiệp vụ Sư phạm ☐ Kiến thức Thực tập và Khóa luận

4. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần trang bị cho sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học về Khoa học Giáo dục Tiểu học; những kiến thức của ngành nghề đào tạo; những yêu cầu về phẩm chất đạo đức nhà giáo; vị trí, vai trò, nhiệm vụ của người giáo viên; những hành vi giáo viên được làm và không được làm; chuẩn nghề nghiệp của người giáo viên. Qua đó SV ngành GD Tiểu học sẽ có ý thức trong rèn luyện phẩm chất đạo đức, rèn luyện năng lực nghiệp vụ sư phạm đáp ứng yêu cầu của một nhà giáo trong tương lai.

5. Mục tiêu học phần

3.3 Mục tiêu chung

Học phần trang bị cho sinh viên những hiểu biết về Khoa học Giáo dục Tiểu học, những yêu cầu của ngành nghề đào tạo; những yêu cầu về phẩm chất đạo đức nhà giáo; vị trí, vai trò, nhiệm vụ của người giáo viên; những hành vi giáo viên được làm và không được làm; chuẩn nghề nghiệp của người giáo viên.

3.4 Mục tiêu cụ thể (Course Objectives: COs)

- **CO1:** Có kiến thức nền tảng về khoa học giáo dục, về ngành nghề đào tạo, về giáo dục học sinh cấp Tiểu học; hoạt động nghề nghiệp của người giáo viên trong các trường tiểu học; vị trí vai trò và nhiệm vụ của giáo viên tiểu học và những yêu cầu cần tuân thủ;

những quy định phẩm chất đạo đức của một nhà giáo; hiểu rõ những hành vi mà một nhà giáo không được làm.

- **CO2:** Kỹ năng giáo dục, kỹ năng truyền cảm hứng, tạo động lực cho HS; kỹ năng nghề nghiệp dạy học cần phải có.

- **CO3:** Độc lập tự chủ và trách nhiệm trong việc xây dựng hình ảnh nhà giáo chuẩn mực, phát triển năng lực nghề nghiệp bản thân đáp ứng chuẩn nghề nghiệp của một giáo viên.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes: CLOs)

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có khả năng:

Chuẩn đầu ra (CLOs)	Nội dung Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	PIs	Mức độ đáp ứng PIs
CLO4	Trình bày được các kiến thức về khoa học giáo dục, về giáo dục cấp Tiểu học, hoạt động nghề nghiệp của người giáo viên; vị trí, vai trò, những yêu cầu nghề nghiệp của người giáo viên trong hoạt động học tập và dạy học.	PI1.1	I
CLO5	Phân tích và đánh giá được nhiệm vụ của người giáo viên, tổ trưởng chuyên môn trong việc thực hiện kế hoạch dạy học và giáo dục học sinh tiểu học.	PI6.2	R
CLO6	Xây dựng được kế hoạch học tập, rèn luyện để phát triển phẩm chất đạo đức chuẩn mực của một nhà giáo.	PI9.1	M,A

6. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs):

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định cụ thể như sau:

Điền một trong các mức I, R, M hoặc chưa trống (nếu không có sự liên hệ) và điền A vào ô tương ứng

Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)								
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9
	PI1.1					PI6.2			PI9.1
CLO1	I								
CLO2						R			
CLO3									M,A

Chú thích:

- *I (Introduced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu*
- *R (Reinforced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế, ...*
- *M (Mastery) – CLO hỗ trợ mạnh mẽ người học trong việc thuần thục/thành thạo hay đạt được PLO/PI. Nếu người học hoàn thành tốt CLO này thì xem như người học đã ở mức thuần thục/thành thạo một nội hàm quan trọng (PI) của PLO hoặc thậm chí thuần thục/thành thạo toàn bộ PLO đó.*
- *A (Assessed) – CLO quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập dữ liệu để đo lường đánh giá mức độ người học đạt được PLO.*

7. Đánh giá học phần**7.1 Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá của học phần**

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá bằng các thành phần: đánh giá quá trình, đánh giá giữa kỳ, đánh giá cuối kỳ, các hoạt động đánh giá khác.

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí Rubric	Trọng số bài đánh giá (%)	Trọng số thành phần (%)	CĐR học phần có liên quan
A1. Đánh giá quá trình	A1.1 Chuyên cần	P1.1. GV giám sát	R1	W1.1 10	W1 20	CLO1
	A1.2 Báo cáo bài tập nhóm	P1.2. Bài báo cáo và thuyết trình,	R4	W1.2 10		CLO1

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí Rubric	Trọng số bài đánh giá (%)	Trọng số thành phần (%)	CĐR học phần có liên quan
		trả lời câu hỏi trên lớp				
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1 Kiểm tra giữa kỳ	P2.1 Tự luận	R13	W2.1 30	W2 30	CLO2
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1 Kiểm tra cuối kỳ	P3.1 Tiểu luận	R13	W3.1 50	W3 50	CLO3

7.2 Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

- Tham gia ít nhất 80% số tiết học của lớp học phần;
- Tham gia các hoạt động làm việc nhóm theo qui định của lớp học phần;
- Tự tìm hiểu các vấn đề do giảng viên giao để thực hiện ngoài giờ học trên lớp;
- Hoàn thành tất cả bài đánh giá của học phần.

8. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần

Tuần/ Buổi (3 tiết/buổi)	Nội dung chi tiết của Bài học/Chương	Số tiết (LT/TH/TN)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần liên quan
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
Tuần 1 đến Tuần 4	Chương 1. Giới thiệu về ngành nghề đào tạo 1.1. Giới thiệu về	3/8	- Giới thiệu học phần - Chia nhóm	- Phân chia nhóm, cử nhóm trưởng;	A1.1, A1.2	CLO 1, 2

	ĐHĐN 1.2. Giới thiệu về Trường ĐHSP 1.3. Giới thiệu về Khoa GDTH 1.4. Giới thiệu về CĐĐT của CTĐT ngành GDTH 1.5. Lịch sử phát triển khoa học Giáo dục Tiểu học		- Giới thiệu kỹ thuật khăn trải bàn trong thực hiện thảo luận nhóm; - Phân công báo cáo nhóm các nội dung: ND 1.1; ND 1.2; ND 1.3; ND 1.4; ND 1.5 - Nhận xét các báo cáo;	- Nhận nhiệm vụ Báo cáo nhóm; - Phân công nhiệm vụ cho từng thành viên; - Từng thành viên nghiên cứu nhiệm vụ cá nhân; - Cả nhóm sử dụng kỹ thuật khăn trải bàn để thảo luận, trao đổi, thống nhất từng kết luận của nhiệm vụ học tập;		
--	--	--	--	--	--	--

			- Chốt các kiến thức học tập	- Cử người báo cáo, cử người ghi chép các trao đổi của các nhóm khác - Thảo luận trả lời câu hỏi được đặt ra.		
Tuần 5 đến Tuần 10	Chương 2. Vai trò, nhiệm vụ của người giáo viên ở trường tiểu học 2.1. Giáo dục tiểu học 2.2. Vị trí, nhiệm vụ GV tiểu học 2.3. Các hành vi GV không được làm 2.4. Quy định Chuẩn nghề nghiệp	3/8	- Thuyết trình nêu vấn đề các nội dung 2.1; 2.2 - Phân công nhiệm vụ thảo luận nhóm các nội dung 2.3; 2.4; 2.5; 2.6; 2.7	- Các nhóm nhận nhiệm vụ Báo cáo nhóm; - Phân công nhiệm vụ cho từng thành viên; - Từng thành viên nghiên cứu nhiệm vụ cá nhân;	A1.1, A1.2	CLO 1, 2

	giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông 2.5. Quy định chuẩn hiệu trưởng 2.6. Tổ chuyên môn 2.7. Tìm hiểu các văn bản chỉ đạo của Bộ liên quan đến hoạt động giáo dục, dạy học ở trường tiểu học			- Cả nhóm sử dụng kĩ thuật khăn trải bàn để thảo luận, trao đổi, thống nhất từng kết luận của nhiệm vụ học tập; Cử người báo cáo, cử người ghi chép các trao đổi của các nhóm khác Thảo luận trả lời câu hỏi được đặt ra.		
Tuần 11	Kiểm tra GK	2	Tự luận	Cá nhân	A2.1	CLO2

Tuần 12 đến Tuần 13	Chương 3. Yêu cầu về phẩm chất, đạo đức, nhân cách người giáo viên tiểu học 3.1. Yêu cầu về phẩm chất, đạo đức, nhân cách và uy tín nhà giáo 3.2. Đạo đức nhà giáo 3.3. Thực hành phẩm chất, đạo đức, nhân cách nhà giáo	0/6	- Giới thiệu vấn đề - Phân công nhiệm vụ báo cáo nhóm các nội dung: ND 3.1 ND 3.2 ND 3.3 - Nhận xét các báo cáo - Giải đáp thêm các vấn đề mà các nhóm trả lời chưa thỏa đáng	- Các nhóm nhận nhiệm vụ - Triển khai thảo luận nội dung báo cáo đã được phân công; - Trình bày báo cáo nhóm; - Nhận xét, trao đổi các vấn đề được các nhóm bạn đặt ra.	A1.1, A1.2	CLO1 CLO2
------------------------------------	--	------------	---	---	-----------------------	----------------------

			- Tổng kết			
Tuần 14 Tuần 15	Tiểu luận kết thúc học phần		Giới thiệu các yêu cầu, nội dung bắt buộc của Tiểu luận	Cá nhân thực hiện tiểu luận	A3.1	CLO3

9. Học liệu

9.1 Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/ nơi ban hành VB
Sách, bài giảng, giáo trình chính				
1	Quốc hội	2019	- Luật giáo dục, số 43/2019/QH14 - Luật viên chức	2019
2	Bộ Giáo dục & Đào tạo	2020	Điều lệ trường tiểu học, Thông tư 28	2020
Sách, giáo trình tham khảo				
3	Hoàng Nam Hải	2019	Bài giảng Nhập môn Giáo dục Tiểu học	2019
4	Bộ Giáo dục & Đào tạo	2016	Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT	2016
5	Bộ Giáo dục & Đào tạo	2018	Thông tư 20/2018/TT-BGDĐT	2018
6	Bộ Giáo dục & Đào tạo	2018	Thông tư 14/2018/TT-BGDĐT	2018

9.2 Danh mục địa chỉ website để tham khảo khi học học phần

TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật
7			
8			

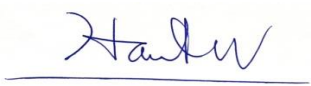
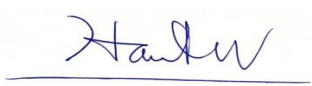
TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật
9			
10			
11			

10. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy (nếu có)

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
12	<i>Giảng đường</i>	<i>Máy chiếu</i>		<i>Toàn học phần</i>
13				

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 7 năm 2021

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 7 năm 2021

P.Trưởng khoa	Trưởng bộ môn	Giảng viên biên soạn
		
NCS. Võ Thị Bầy	TS. Hoàng Nam Hải	TS. Hoàng Nam Hải

45. Phương pháp dạy học tiếng Việt ở tiểu học 1

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

**KHOA: GIÁO DỤC TIỂU
HỌC**

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: Giáo dục tiểu học

Mã số: 7140202

Chuyên ngành: Giáo dục tiểu học

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

1.1	Tên học phần (tiếng Việt)	Phương pháp dạy học tiếng Việt ở tiểu học 1
1.2	Tên học phần (tiếng Anh)	Methods of teaching Vietnamese in primary school 1
1.3	Mã học phần:	32244021
1.4	Số tín chỉ:	4
1.5	Phân bố thời gian:	
-	Lý thuyết:	45
-	Bài tập/Thảo luận:	15
-	Thực hành/Thí nghiệm:	
-	Tự học:	120
1.6	Các giảng viên phụ trách học phần:	
-	Giảng viên phụ trách chính:	ThS.Nguyễn Thị Thúy Nga
-	Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	ThS.Lê Sao Mai, ThS.Võ Thị Bảy

-	Bộ môn phụ trách giảng dạy:	Tiếng Việt và PPGD Tiếng Việt
1.7.	Điều kiện tham gia học phần:	
-	Học phần tiên quyết:	Cơ sở Việt ngữ 1 của việc dạy học tiếng Việt tiểu học, Cơ sở Việt ngữ 2 của việc dạy học tiếng Việt tiểu học
-	Học phần học trước:	
-	Học phần song hành:	
1.8	Loại học phần:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn bắt buộc ☐ Tự chọn tự do
1.9	Thuộc khối kiến thức	☐ Kiến thức Giáo dục đại cương ☐ Kiến thức Cơ sở ngành ☒ Kiến thức Chuyên ngành ☐ Kiến thức Nghiệp vụ Sư phạm ☐ Kiến thức Thực tập và Khóa luận

2. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản, hiện đại về phương pháp dạy học Tiếng Việt và các kỹ năng giảng dạy Tiếng Việt ở Tiểu học. Học phần tập trung vào việc giúp người học rèn luyện các kỹ năng về PPDH Tiếng Việt ở tiểu học theo 2 nhóm vấn đề chính: (1) Những vấn đề chung về PPDH Tiếng Việt ở tiểu học; (2) Vận dụng những kiến thức cơ bản về PPDH tiếng Việt vào dạy hoạt động đọc (PP dạy hoạt động đọc ở giai đoạn học vần), PP dạy hoạt động viết (dạy kỹ thuật viết: Kỹ thuật viết chữ và viết chính tả)

3. Mục tiêu học phần

3.1. Mục tiêu chung

Học phần phương pháp dạy học tiếng Việt ở tiểu học 1 nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về phương pháp dạy học tiếng Việt ở tiểu học từ đó vận dụng vào dạy các hoạt động đọc, viết, nói và nghe của môn tiếng Việt cho học sinh tiểu học.

3.2. Mục tiêu cụ thể (Course Objectives: COs)

- CO1: Có được các kiến thức cơ bản về những vấn đề chung của phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học.

- CO2: Có kỹ năng lập được kế hoạch GD, thiết kế KHBD các hoạt động đọc (giai đoạn học văn), hoạt động viết (kỹ thuật viết: tập viết, chính tả) và tổ chức dạy học được các hoạt động đọc (giai đoạn học văn), hoạt động viết (kỹ thuật viết: tập viết, chính tả)

- CO3: Vận dụng những kiến thức về PPDH tiếng Việt để phân tích được chương trình môn Tiếng Việt theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh Tiểu học và đề xuất được giải pháp sư phạm về các vấn đề về dạy học môn Tiếng Việt ở tiểu học, lập được đề cương nghiên cứu về PPDH tiếng Việt ở tiểu học.

- CO4: Có kỹ năng làm việc nhóm, có khả năng tư duy trao đổi các vấn đề liên quan đến kiến thức của môn học, có thái độ trung thực, chủ động và luôn đúng giờ trong học tập.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes: CLOs)

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có khả năng:

Chuẩn đầu ra (CLOs)	Nội dung Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	PI	Mức độ của PIs
CLO1	Trình bày được các kiến thức cơ bản về những vấn đề chung của phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học.	1.2	I
CLO2	Lập được đề cương nghiên cứu về PPDH TV.	5.2	R,A

Chuẩn đầu ra (CLOs)	Nội dung Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	PI	Mức độ của PIs
CLO3	Thiết kế kế hoạch bài dạy các hoạt động đọc (giai đoạn học vần), hoạt động viết (kỹ thuật viết: tập viết, chính tả)	2.1	M,A
CLO4	Tổ chức dạy học các hoạt động đọc (giai đoạn học vần), hoạt động viết (kỹ thuật viết: tập viết, chính tả)	2.2	M

5 .Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs):

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định cụ thể như sau:

Điền một trong các mức I, R, M hoặc chừa trống (nếu không có sự liên hệ) và điền A vào ô tương ứng

Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)		Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)								
	PLO1	PLO2		PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9
	PI1.2	PI2.1	PI2.2			PI5.2				
CLO1	I									
CLO2						R,A				
CLO3		M,A								
CLO4			M							

Chú thích:

- *I (Introduced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu*
- *R (Reinforced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...*

- *M (Mastery) – CLO hỗ trợ mạnh mẽ người học trong việc thuần thực/thành thạo hay đạt được PLO/PI. Nếu người học hoàn thành tốt CLO này thì xem như người học đã ở mức thuần thực/thành thạo một nội hàm quan trọng (PI) của PLO hoặc tham chí thuần thực/thành thạo toàn bộ PLO đó.*
- *A (Assessed) – CLO quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập dữ liệu để đo lường đánh giá mức độ người học đạt được PLO.*

6.Đánh giá học phần

6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá của học phần

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá bằng các thành phần: đánh giá quá trình, đánh giá giữa kì, đánh giá cuối kì, các hoạt động đánh giá khác.

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí Rubric	Trọng số bài đánh giá (%)	Trọng số thành phần (%)	CĐR học phần có liên quan
A1. Đánh giá quá trình	A1.1. Chuyên cần	P1.1.Đánh giá thường xuyên từ đầu đến cuối học phần	R1	5%	0.2	CLO1, 2, 3,4
	A1.2 - Bài tập cá nhân - Bài tập nhóm	P1.2. - Sản phẩm cá nhân - Sản phẩm nhóm và trình bày tại lớp	R2 R5	15%		CLO1, 2, 3,4
A2. Đánh giá giữa kì	A2.1 Kiểm tra giữa kì	P2.1 Tiểu luận	R7	30%	0.3	CLO 1, 2
A3. Đánh giá cuối kì	A3.1 Kiểm tra cuối kì	P3.1 Thực hành dạy học	R3	50%	0.5	CLO 3,4

6.2. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

- Tham gia ít nhất 80% số tiết học của lớp học phần;
- Tham gia các hoạt động làm việc nhóm theo quy định của lớp học phần;
- Tự tìm hiểu các vấn đề do giảng viên giao để thực hiện ngoài giờ học trên lớp;
- Hoàn thành tất cả bài đánh giá của học phần.

7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần

Tuần/ Buổi (4 tiết/buổi)	Nội dung chi tiết của Bài học/ Chương	Số tiết (LT/TH /TN)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần liên quan
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
Tuần 1 (4t)	Phần 1: Những vấn đề chung của phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 1.1. Bộ môn PPDH Tiếng Việt ở tiểu học 1.1.1. Khái niệm phương pháp dạy học tiếng Việt 1.1.2. Đối tượng và nhiệm vụ của PPDH tiếng Việt ở tiểu học 1.1.3. Đặc điểm của PPDH tiếng Việt ở tiểu học 1.2. Cơ sở khoa học của	3/1/0	Phương pháp dạy học giải quyết vấn đề, đàm thoại gợi mở, phân tích mẫu, thuyết trình, dạy học hợp tác	- Tự học, tự nghiên cứu - Đọc tài liệu * Trên lớp: - Thảo luận nhóm - Thực hiện các nhiệm vụ GV giao	A1.1 A1.2 A2.1	CLO1 CLO2

Tuần/ Buổi (4 tiết/buổi)	Nội dung chi tiết của Bài học/ Chương	Số tiết (LT/TH /TN)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần liên quan
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
	PPDH Tiếng Việt ở tiểu học 1.2.1. Triết học Mác – Lê nin là cơ sở của PPDHTV 1.2.2. Cơ sở ngôn ngữ học					
Tuần 2 (4t)	1.2. Cơ sở khoa học của PPDH Tiếng Việt ở tiểu học (TT) 1.2.3. Cơ sở giáo dục học 1.2.4. Cơ sở tâm lí học và tâm lí ngữ học 1.3. Phương pháp nghiên cứu trong PPDH Tiếng Việt ở tiểu học 1.3.1. Vai trò của nghiên cứu khoa học trong PPDHTV	3/1/0	Phương pháp dạy học giải quyết vấn đề, đàm thoại gợi mở, phân tích mẫu, thuyết trình, dạy học hợp tác	- Tự học, tự nghiên cứu - Đọc tài liệu * Trên lớp: - Thảo luận nhóm - Thực hiện các nhiệm vụ	A1.1 A1.2 A2.1	CLO1 CLO2

Tuần/ Buổi (4 tiết/buổi)	Nội dung chi tiết của Bài học/ Chương	Số tiết (LT/TH /TN)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần liên quan
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
	1.3.2. Đặc điểm nghiên cứu trong PPDHTV 1.3.3. Các phương pháp nghiên cứu trong PPDHTV 1.3.4. Các giai đoạn nghiên cứu 1.3.5. Đề cương nghiên cứu			vụ GV giao		
Tuần 3 (4t)	1.4. Môn Tiếng Việt ở trường tiểu học 1.4.1. Vị trí môn Tiếng Việt ở tiểu học 1.4.2. Mục tiêu môn Tiếng Việt ở tiểu học 1.4.3. Cơ sở xây dựng chương trình tiếng Việt tiểu học và nguyên tắc biên soạn SGK TV tiểu học 1.4.4. Chương trình tiếng Việt ở tiểu học	3/1/0	Phương pháp dạy học giải quyết vấn đề, đàm thoại gợi mở, phân tích mẫu, thuyết trình, dạy học hợp tác	- Tự học, tự nghiên cứu - Đọc tài liệu * Trên lớp: - Thảo luận nhóm - Thực hiện các nhiệm vụ GV giao	A1.1 A1.2 A2.1	CLO1 CLO2
Tuần 4 (4t)	1.5. Nguyên tắc và PPDH Tiếng Việt ở tiểu học	3/1/0	Phương pháp dạy học giải	- Tự học, tự	A1.1 A1.2	CLO1 CLO2

Tuần/ Buổi (4 tiết/buổi)	Nội dung chi tiết của Bài học/ Chương	Số tiết (LT/TH /TN)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần liên quan
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
	1.5.1. Nguyên tắc dạy học tiếng Việt tiểu học 1.5.1.1. Khái niệm về nguyên tắc dạy học tiếng Việt 1.5.1.2. Một số nguyên tắc đặc trưng của DHTV tiểu học		quyết vấn đề, đàm thoại gợi mở, phân tích mẫu, thuyết trình, dạy học hợp tác	ngghiên cứu - Đọc tài liệu * Trên lớp: -Thảo luận nhóm- Thực hiện các nhiệm vụ GV giao	A2.1	
Tuần 5 (4t)	1.5.2. PPDH Tiếng Việt ở tiểu học 1.5.2.1. Sự cần thiết phải đổi mới PPDH - những định hướng chính trong đổi mới PPDH TV ở tiểu học 1.5.2.2. Một số đặc điểm tâm lí của HS tiểu học 1.5.2.3. Đặc điểm của PPDH và những đặc trưng của PPDHTV 1.5.2.4. PPDH phát huy tính tích cực của HS tiểu	3/1/0	Phương pháp dạy học giải quyết vấn đề, đàm thoại gợi mở, phân tích mẫu, thuyết trình, dạy học hợp tác	- Tự học, tự nghiên cứu - Đọc tài liệu * Trên lớp: -Thảo luận nhóm -Thực hiện các nhiệm vụ	A1.1 A1.2 A2.1	CLO1 CLO2

Tuần/ Buổi (4 tiết/buổi)	Nội dung chi tiết của Bài học/ Chương	Số tiết (LT/TH /TN)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần liên quan
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
	học			vụ GV giao		
Tuần 6 (4t)	Phần 2: Phương pháp dạy học các hoạt động đọc, viết 2.1. Phương pháp dạy hoạt động đọc (giai đoạn học vần) 2.1.1. Mục tiêu, nhiệm vụ của học vần 2.1.2. Nguyên tắc dạy học vần 2.1.3. Những đổi mới của nội dung dạy học vần theo chương trình và SGK 2018 2.1.4. Phương pháp dạy học vần 2.1.5. Quy trình dạy học vần	3/1/0	Phương pháp dạy học giải quyết vấn đề, đàm thoại gợi mở, phân tích mẫu, thuyết trình, dạy học hợp tác	- Tự học, tự nghiên cứu - Đọc tài liệu * Trên lớp: - Thảo luận nhóm - Thực hiện các nhiệm vụ GV giao	A1.1 A1.2 A3.1	CLO3,4
Tuần 7 (4t)	2.1.6. Thực hành lập kế hoạch hoạt động đọc (giai đoạn học vần)	3/1/0	Phương pháp thực hành, dạy học hợp tác, dạy học giải quyết vấn đề,	- Tự học, tự nghiên cứu - Đọc tài liệu * Trên lớp:	A1.1 A1.2 A3.1	CLO3,4

Tuần/ Buổi (4 tiết/buổi)	Nội dung chi tiết của Bài học/ Chương	Số tiết (LT/TH /TN)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần liên quan
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
			thuyết trình.	-Thực hành tập giảng -Thảo luận nhóm -Thực hiện các nhiệm vụ GV giao		
Tuần 8	Kiểm tra giữa kỳ		Tiểu luận	Bài thi tự luận	A2.1	CLO1
Tuần 9 (4t)	2.1.6. Tổ chức dạy học vấn Thực hành tập giảng	3/1/0	Phương pháp thực hành, dạy học hợp tác, dạy học giải quyết vấn đề, thuyết trình.	- Tự học, tự nghiên cứu - Đọc tài liệu * Trên lớp: -Thực hành tập giảng	A1.1 A1.2 A3.1	CLO3,4

Tuần/ Buổi (4 tiết/buổi)	Nội dung chi tiết của Bài học/ Chương	Số tiết (LT/TH /TN)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần liên quan
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
				-Thảo luận nhóm -Thực hiện các nhiệm vụ GV giao		
Tuần 10 (4t)	2.1.6. Tổ chức dạy học vấn Thực hành tập giảng	3/1/0	Phương pháp thực hành, dạy học hợp tác, dạy học giải quyết vấn đề, thuyết trình.	- Tự học, tự nghiên cứu - Đọc tài liệu * Trên lớp: -Thực hành tập giảng -Thảo luận nhóm -Thực hiện các nhiệm vụ GV giao	A1.1 A1.2 A3.1	CLO3,4

Tuần/ Buổi (4 tiết/buổi)	Nội dung chi tiết của Bài học/ Chương	Số tiết (LT/TH /TN)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần liên quan
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
Tuần 11 (4t)	2.2. Phương pháp dạy hoạt động viết (dạy kỹ thuật viết) 2.2.1. PP dạy kỹ thuật viết chữ (Tập Viết) 2.2.1.1. Mục tiêu, nhiệm vụ dạy Tập viết 2.2.1.2. Nguyên tắc dạy Tập viết 2.2.1.3. Những điểm mới về nội dung Tập viết theo chương trình và SGK 2018 2.2.1.4. Phương pháp dạy học Tập viết 2.2.1.5. Quy trình dạy học Tập viết	3/1/0	Phương pháp dạy học giải quyết vấn đề, đàm thoại gợi mở, phân tích mẫu, thuyết trình, dạy học hợp tác	- Tự học, tự nghiên cứu - Đọc tài liệu * Trên lớp: - Thảo luận nhóm - Thực hiện các nhiệm vụ GV giao	A1.1 A1.2 A3.1	CLO3,4
Tuần 12 (4t)	2.2.1.6. Thực hành lập kế hoạch dạy học Tập viết 2.2.1.7. Tổ chức dạy học Tập viết Thực hành tập giảng	3/1/0	Phương pháp thực hành, dạy học hợp tác, dạy học giải quyết vấn đề, thuyết trình.	- Tự học, tự nghiên cứu - Đọc tài liệu * Trên lớp: - Thực hành tập giảng	A1.1 A1.2 A3.1	CLO3,4

Tuần/ Buổi (4 tiết/buổi)	Nội dung chi tiết của Bài học/ Chương	Số tiết (LT/TH /TN)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần liên quan
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
				-Thảo luận nhóm -Thực hiện các nhiệm vụ GV giao		
Tuần 13 (4t)	2.2.1.7. Tổ chức dạy học Tập viết Thực hành tập giảng	3/1/0	Phương pháp thực hành, dạy học hợp tác, dạy học giải quyết vấn đề, thuyết trình.	- Tự học, tự nghiên cứu - Đọc tài liệu * Trên lớp: -Thực hành tập giảng -Thảo luận nhóm -Thực hiện các nhiệm vụ GV giao	A1.1 A1.2 A3.1	CLO3,4

Tuần/ Buổi (4 tiết/buổi)	Nội dung chi tiết của Bài học/ Chương	Số tiết (LT/TH /TN)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần liên quan
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
Tuần 14 (4t)	2.2.2. Phương pháp dạy hoạt động viết Chính tả 2.2.2.1. Mục tiêu, nhiệm vụ của dạy Chính tả 2.2.2.2. Nguyên tắc dạy học Chính tả 2.2.2.3. Những điểm mới về nội dung Chính tả theo chương trình và SGK 2018 2.2.2.4. Phương pháp dạy học Chính tả 2.2.2.5. Quy trình dạy Chính tả	3/1/0	Phương pháp dạy học giải quyết vấn đề, đàm thoại gợi mở, phân tích mẫu, thuyết trình, dạy học hợp tác	- Tự học, tự nghiên cứu - Đọc tài liệu * Trên lớp: - Thảo luận nhóm - Thực hiện các nhiệm vụ GV giao	A1.1 A1.2 A3.1	CLO3,4

Tuần/ Buổi (4 tiết/buổi)	Nội dung chi tiết của Bài học/ Chương	Số tiết (LT/TH /TN)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần liên quan
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
Tuần 15 (4t)	2.2.1.6. Thực hành lập kế hoạch hoạt động dạy Chính tả 2.2.1.7. Tổ chức dạy học Chính tả Thực hành tập giảng	3/1/0	Phương pháp thực hành, dạy học hợp tác, dạy học giải quyết vấn đề, thuyết trình.	- Tự học, tự nghiên cứu - Đọc tài liệu * Trên lớp: -Thực hành tập giảng -Thảo luận nhóm -Thực hiện các nhiệm vụ GV giao	A1.1 A1.2 A3.1	CLO3,4

Tuần/ Buổi (4 tiết/buổi)	Nội dung chi tiết của Bài học/ Chương	Số tiết (LT/TH /TN)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần liên quan
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
Tuần 16 (4t)	2.2.1.7. Tổ chức dạy học Chính tả Thực hành tập giảng	3/1/0	Phương pháp thực hành, dạy học hợp tác, dạy học giải quyết vấn đề, thuyết trình.	- Tự học, tự nghiên cứu - Đọc tài liệu * Trên lớp: -Thực hành tập giảng -Thảo luận nhóm -Thực hiện các nhiệm vụ GV giao	A1.1 A1.2 A3.1	CLO3,4
17	Thi kết thúc học phần			Bài thi thực hành dạy học	A3.1	CLO3,4

8. Học liệu

8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

8. Học liệu

8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/ nơi ban hành VB
Sách, bài giảng, giáo trình chính				
1	Lê Phương Nga, Lê A, Lê Hữu Tỉnh, Đỗ Xuân Thảo, Đặng Kim Nga	2005	<i>Giáo trình Phương pháp dạy học Tiếng Việt 1</i>	Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội
Sách, giáo trình tham khảo				
2	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2018	<i>Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn</i>	Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDDT ngày 26 tháng 12 năm 2018
3	Bộ Giáo dục và Đào tạo (Dự án phát triển giáo viên tiểu học)	2006	<i>Phương pháp dạy học tiếng Việt ở tiểu học</i>	Nxb GD
4	Bộ Giáo dục và Đào tạo (Dự án phát triển giáo viên tiểu học)	2006	<i>Tiếng Việt và Phương pháp dạy học tiếng Việt ở tiểu học</i>	Nxb GD
5	Bộ Giáo dục và Đào tạo (Dự án phát triển giáo viên tiểu học)	2006	<i>Đổi mới phương pháp dạy học ở tiểu học</i>	Nxb Giáo dục, Nxb ĐHSP.
6	Lê A	2011	<i>Chữ viết và dạy tập viết ở tiểu học</i>	Nxb Đại học Sư phạm.
7	Lê A - Trịnh Đức Minh	2009	<i>Dạy tập viết ở tiểu học</i>	Nxb Giáo dục Việt Nam

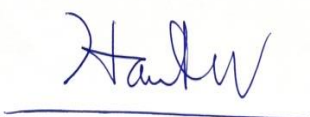
8.2. Danh mục địa chỉ website để tham khảo khi học học phần

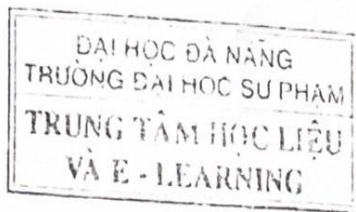
TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật
1	Hành trang số (SGK TV 1,2, SGV) – Bộ sách kết nối tri thức với cuộc sống và Bộ sách Chân trời sáng tạo	https://taphuan.nxbgd.vn/giao-vien/tap-huan/399	20/7/2021

9. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy (nếu có):

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN, TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	Giảng đường	Máy chiếu, Loa, Mic, Internet	Mỗi thiết bị/ 1 cái	Phần 1, 2

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 7 năm 2021

Trưởng khoa	Trưởng bộ môn	Giảng viên biên soạn
		
TS. Hoàng Nam Hải	ThS. Nguyễn Thị Thúy Nga	ThS. Nguyễn Thị Thúy Nga



TRƯỞNG KHOA

A handwritten signature in black ink, appearing to read "Hanh", written over a horizontal line.

TS. HOÀNG NAM HẢI